

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

CUNG DỊCH THÁNH-Ý

恭 譯 聖 意

Đức Kim-thượng lên ngôi nay đã 6 năm, mà có người chưa biết cái chánh-sách của Ngài, bởi vì chưa rõ Thánh-ý hay là tư-tưởng của Hoàng-thượng.

Khi làm lễ đăng-quang rồi cách mấy ngày, Ngài ngự ban một cái Châu-dụ tỏ các lễ đáng kính nước Bảo-hộ, từ đó đến nay Ngài ngự-phê nhiều, ban chuyện cũng nhiều; trong các bài Ngự-phê, hay là Ngự-chế-thi-văn và trong những lời điện-sắc, có ba cái tư-tưởng lớn là : tôn-quân-quyền, khai-dân-trí và quảng-dân-tài.

Vậy thì tư-tưởng của đức Kim-thượng là kính Bảo-hộ, tôn-quân-quyền, khai-dân-trí và quảng-dân-tài, tôi xin cung-dịch ra sau này.

1. *Kính Bảo-hộ.*—Bởi từ hòa-ước ngày 6 tháng 6 năm 1884 Vua nước ta đã nhận nước Đại-Pháp bảo-hộ, thì người nước ta phải kính nước Bảo-hộ. Nhưng mà lúc ban đầu có người không chịu nhận Bảo-hộ, sự ấy không lạ. Khi một nước đổi quốc-thê, thường hay sinh ra một trường tranh-cạnh, nếu trong nước ấy có nhiều người thông-minh ái-quốc, thì sự tranh-cạnh lại càng kịch-liệt. Khi mới lập bảo-hộ, nước ta cũng kinh-quá một hồi rối-loạn, lần lần những người phản-đối tiêu-mòn, bây giờ tưởng không còn ai, hay là còn một số người rất ít. Những người ấy phải tiêu-mòn là phải tiêu-trừ, hoặc nhân già mà chết, hoặc đổi ý-kiến mà phục nước Bảo-hộ.

Những người phản-đối cũ mà phục nước Đại-Pháp, bởi vì thấy nước Đại-Pháp làm nghĩa-vụ của Bảo-hộ. Khi nước Đại-Pháp đã nhận bảo-hộ nước Nam, thì làm ngay cái nghĩa-vụ thứ nhất, là bảo-hộ nước Nam cho khỏi nội-loan ngoại-xâm. Thử trước các miền Thượng-du Bắc-kỳ ở gần nước Tàu thường phải bị kẻ cướp Khách sang cướp phá, các làng ở dọc theo bờ biển thường phải « Tàu-ô », là kẻ cướp biển cướp phá; lúc bấy giờ có người tưởng rằng những nơi ấy không khi nào yên được, thế mà các quan Đại-Pháp chỉ dẹp trong mấy năm là xong. Hiện bây giờ, đi đến các nơi ấy, nói chuyện với kỳ-lão trong các làng, họ đều tỏ lòng biết ơn Đại-Pháp làm cho xứ họ được yên.

Dương lúc các quan binh lo việc phòng-ngự, các quan văn lo sửa đường-sá, đắp đê đòng mới để tiện thông-hành, lập nhà thương để trị các bệnh truyền-nhiễm; và lo một sự rất nặng rất khó, là sự giáo-đục quốc-dân. Các công việc của chánh-phủ Bảo-hộ làm đã có thành-hiệu, nhưng mà chánh-phủ vẫn lo cải-lương, để mỗi ngày tử-tế hơn. Có người nói rằng chánh-phủ Bảo-hộ làm các việc có ích thật, nhưng mà phí-tồn nhiều quá. Tưởng chánh-phủ cũng biết rằng tốn nhiều tiền, nhưng đương tìm cách làm cho được việc mà tốn ít tiền, cách ấy tưởng không dễ kiếm.

Bảo-hộ đã làm nghĩa-vụ của Bảo-hộ, người nước ta phải làm nghĩa-vụ của

ta, nghĩa là ta phải kính Bảo-hộ ; nhưng mà kính có hai nghĩa: kính mà sợ và kính mà thân. Kính mà sợ thì tuy kính mà có lòng nghi, kính mà thân thì thật kính mà có lòng mến.

Hơn 10 năm trước có một ông Công-sứ nói chuyện với tôi rằng : « Dân trong lĩnh tôi chưa tin quan Bảo-hộ, tôi biết nói tiếng An-nam, tôi thường đi chơi các làng nhà quê, nói chuyện với kỹ-dịch, các kỹ-dịch đến trước mặt tôi, rất là cung-kính, mà họ không chịu mở cái bụng của họ. » Tôi lại gặp một ông Công-sứ khác, tôi hỏi thăm một ông quan tỉnh quen với tôi ăn làm thế nào, quan Công-sứ trả lời rằng : « Ông ấy làm việc được, chưa biết sau thế nào ! » Tôi dẫn hai chuyện này để chứng rằng dân không tin quan Bảo-hộ, cho nên không dám lộ tâm-tinh, quan Bảo-hộ không tin quan tỉnh cho nên không dám chắc ông quan ấy làm người khá luôn.

Xứ Bảo-hộ nào cũng vậy, phải trải qua hai thời-kỳ, thời-kỳ nghi nhau và thời-kỳ thân nhau. Nước ta bây giờ đang ở tại thời-kỳ nào? Thời-kỳ nghi nhau đã qua chưa? Thời-kỳ thân nhau đã đến chưa? Từ lúc Âu-chiến, người nước ta đã tỏ lòng trung-thành với nước Pháp thì lòng người Pháp nghi người nước ta đã bớt nhiều hay là đã gần hết, mà lòng thương người nước ta muốn cho người nước ta thân, đã bắt đầu phát-hiện. Đã có người Pháp xướng cái chủ-nghĩa *Pháp-Việt tương-thân*, để làm cho người Pháp người Việt thân nhau, cùng nhau hiệp-cửu-hip-sức, để mà mở-mang sự canh-nông kỹ-nghệ và thương-mại nước ta.

Chủ-nghĩa ấy tuy hay mà làm thế nào cho Pháp-Việt tương-thân? Hiện bây giờ người Pháp lấy người nước Nam chưa xem như vợ chồng, tuy có một đôi nhà xem như vợ chồng thật, nhưng mà số ít không đủ làm luật hung, còn phần nhiều thì người đàn-

bà An-nam kính người Pháp như chồng, mà người Pháp chưa xem người đàn-bà như vợ, vì là người đàn-bà chưa đủ tư-cách. Suy ra sự giao-thiệp ngoài, người An-nam muốn thân với người Pháp mà người Pháp chưa muốn tiếp một cách thân-thiết, bởi vì người nước ta chưa đủ tư-cách, cho nên có người nói rằng : « Ra đường gặp qui-quan, chắp tay mà xá vài cái tiện hơn là bắt tay qui-quan », bởi vì xá qui-quan thì tay mình bần cũng được ; chứ muốn qui-quan bắt tay, thì tay mình phải sạch, mình mình cũng phải sạch !

Người nước mình muốn thân với người Pháp, thì trước phải tu-thân, bởi vì tu-thân không phải là cái bùa riêng của Pháp-Việt tương-thân, mà là cái bùa chung của Âu-Á tương-thân. Hiện bây giờ Hoàng-thái-tử nước Nhật bản du-lịch các nước Âu - tây, đến đâu người ta nghênh - tiếp như vua, nếu 50 năm về trước Hoàng - thái-tử Nhật sang Âu-châu, chưa chắc được nghênh-tiếp như bây giờ, bởi vì 50 năm nay người nước Nhật bản tu-thân, hiện bây giờ có đủ tư-cách để mà hưởng sự tru-đãi.

Nói tóm lại đức Hoàng-thượng ban kính Bảo-hộ là kính mà thân chứ không phải kính mà xa, mà người mình phải kính mình làm trước.

II. Tôn-quân-quyền. — Một nước phải bảo-hộ là quyền của vua nước ấy suy yếu cho nên phải nhờ một nước mạnh hơn bảo-hộ. Trước khi xét quyền của Vua nước ta tại có gì mà suy yếu và làm thế nào để mà chấn-hưng lại, thì nên xét quân-quyền là cái gì? Có mấy thứ quyền?

Quân-quyền là cái quyền trên ở trong một nước, nước quân-chủ hay là nước dân-chủ, quốc-trưởng đều có hai quyền : quyền thực-hành (*autorité effective*) và quyền luân-lý (*autorité morale*). Quyền thực-hành là quyền thưởng-phạt theo luật-lệ trong nước, quyền ấy

có giới-hạn, không đi quá khỏi cái giới-hạn của luật-lệ nước ấy; quyền luân-lý là cái quyền có ảnh-hưởng trong tư-tưởng của người ta, quyền ấy không có giới-hạn.

Người nước ta xưa nay không nói quyền luân-lý, nhưng mà có việc như vậy. Tức như đời Lê-mạt, quyền thưởng phạt là quyền thực-hành vào tay Chúa Trịnh, vua nhà Lê tuy sử nói « đồ ủng hư vị », nhưng vẫn có quyền luân-lý đối với quốc-dân, trong nước ai cũng biết vua Lê là vua; quyền thực-hành của chúa Trịnh không qua khỏi núi Hoành-sơn, chứ quyền luân-lý của vua Lê vào thấu cả đất của chúa Nguyễn. Hiện bây giờ đức Giáo-hoàng ở La-mã không cai-trị nước nào, mà có quyền luân-lý rất to ở trên những người theo đạo Thiên-chúa trong các nước; vua nước Thổ-nhĩ-kỳ tuy đã suy-bại, vẫn có quyền luân-lý ở trên những dân theo đạo Hồi-hồi.

Vua thưởng phạt mình, nghĩa là làm quyền thực-hành giới, là nhờ có người phụ-tá giới; Vua có quyền luân-lý to là nhờ có tài-đức riêng, nhờ có thanh-thể đời trước để lại, nhờ có phụ-tá giới, và nhờ có hoàng-tộc giúp.

Chẳng phải làm vua mới có quyền luân-lý, những người cao-nhân biệt-sĩ, liêm-lại trung-thần . . . cũng có thể có quyền ấy. Sách cũ nói những người có *sĩ-vọng*, có *vật-vọng*, hay là *đắc-nhân-tâm*, đều là những người có quyền luân-lý.

Trên này là thuyết-lý, nay xét quyền của Vua nước ta suy từ bao giờ, vì tại làm sao mà suy. Từ triều đức Tự-Đức phải nhượng Nam-kỳ cho nước Đại-Pháp, thì quyền Vua nước ta yếu từ đó; kể đó Triều-đình không trị-an nổi giặc cướp ở Thượng-du Bắc-kỳ, phải nhận nước Đại-Pháp bảo-hộ Trung Bắc lưỡng-kỳ. Theo lời hòa-ước năm 1884 thì quyền ngoại-giao của Vua ta, giao cho Bảo-hộ, quyền dùng binh dẹp

loạn trong nước cũng giao cho Bảo-hộ, Vua ta chỉ giữ quyền hành-chánh và quyền tư-pháp trong lưỡng - kỳ mà thôi; đến năm 1897, là năm Thành-thái thứ 9, có lời dụ ngày 25 tháng 7 tây năm ấy triệt Kinh-lược-nha ở Bắc-kỳ, giao quyền nội-trị ở Bắc-kỳ cho quan Thống-sứ, lời dụ ngày 24 tháng 9 tây năm ấy, triệt Phụ-chánh-phủ ở Huế, giao quyền nội-trị cho Vua, nhưng phạm việc gì Cơ-mật và các Bộ phải thương với quan Khâm - sứ ở Kinh rồi mới được tâu. Còn quyền lập-pháp và quyền thần-quyền là quyền ban-sắc cho các ông thần, và quyền phong-tặng cho những người chết ở trong lưỡng-kỳ, thì Vua ta vẫn giữ.

Hiện bây giờ ở Trung-kỳ Vua ta chỉ còn quyền hành-chánh và quyền tư-pháp, mà nhất là quyền bổ quan-lai, và quyền làm án, nhưng phải thương với quan đại-diện của Bảo-hộ là quan Khâm-sứ ở Kinh.

Nói về sự bổ quan, hiện bây giờ ở Trung-kỳ có nhiều ông có tước, có hàm Đại-học-sĩ, có hàm Thượng-thư, còn những viên có hàm Hàn-lâm nhiều lắm.

Tước là 5 tước, công, hầu, bá, tử, nam. Theo luật thì quan văn không được có tước, những ông có quân-công mới được có tước. Từ có Bảo-hộ nước ta được yên không có giặc, nếu có giặc thì phần quan binh Đại-Pháp đánh dẹp, không biết các ông có tước tait âm sao mà được? hay là có công khác cũng rực-rỡ như là quân-công?

Theo quan-chế thì quan-chức đến hàm chánh-nhi-phẩm là cùng, ở các Bộ là hàm Thượng-thư, ở các tỉnh là hàm Tổng-đốc, ở trên hết có bốn ngôi đại - học - sĩ; là *Cần - chánh*, *Văn-minh*, *Võ-hiền* và *Đông - các*, lại có mấy ngôi phó đại - học - sĩ đều gọi chung là *Hiệp-tá-dại-học-sĩ*. Những ngôi ấy đều có hàm mà không có chức, đề dãi những quan to trong Triều mà có học-hạnh văn-chương. Thủ trước ít đại-học-sĩ, cho nên tiếng đại-học-sĩ

qui lắm, bây giờ đại-học-sĩ nhiều, đại-học-sĩ ở Triều, đại-học-sĩ ở tỉnh, đại-học-sĩ ở thành-phố, đại-học-sĩ ở nhà-quê! Từ mấy năm nay văn-chương suy-đồi hơn trước, mà đại-học-sĩ lại nhiều hơn xưa!

Thượng-thư là hàm của các quan Bộ-trưởng, trung-đẳng thanh-giá, qui biết đường nào! vinh biết đường nào! Bây giờ các quan Bộ-trưởng đều hàm cao hơn Thượng-thư, đề hàm ấy cho mấy quan tham-tri và tuần-vũ dương-chức, hay là ban cho tham-tri tuần-vũ về hưu, cho nên bây giờ vào đất Trung-kỳ mà nhất là ở Huế, thấy Thượng-thư cùng cả: quan Thượng ở trong Bộ, quan Thượng ở ngoài phố, quan Thượng thung - dung đi đất, quan Thượng đứng-dĩnh trên xe, quan Thượng đi xem đồng, quan Thượng đi câu cá...!

Hàn-lâm là cái hàm nguyên đặt ra đề cho người văn-học, bây giờ ở Huế có nhiều ông Hàn, chẳng những các viên bộ-thuộc hay là viên-thuộc nhiều người có hàm Hàn-lâm, mà ở ngoài quan-trưởng cũng nhiều người được hàm ấy. Có ông Hàn không biết bao nhiêu chữ! Có một người ở Bắc-kỳ vào Kinh gặp nhiều ông Hàn lấy làm lạ mà nói rằng: « Ông Hàn ở đâu mà nhiều quá chúng-sinh?» Ông ấy nói như vậy là khôi-bại, chớ không phải xác: nguyên ở Bắc-kỳ các làng có lập đàn tế cô-hồn chúng-sinh gọi là đàn Hàn-lâm 寒林 là rừng lạnh, đồng-âm với hai chữ Hàn-lâm 翰林 là rừng bút.

Nếu phẩm-hàm là tiêu-biểu nhân-tài, quan to nhiều chừng nào thì nhân-tài nhiều chừng ấy, nếu như vậy thì nhân-tài ở Trung-kỳ không lúc nào thịnh bằng bây giờ!

Tại làm sao mà Trung-kỳ có nhiều người có phẩm-hàm, và nhiều người có phẩm-hàm cao? Nước ta ai cũng muốn có phẩm-hàm gọi là «son phần của Vua», ai có gặp cơ-hội và có thể xin được thì

cứ xin, mà ở Trung-kỳ có nhiều cơ-hội đề mà xin phẩm-hàm, như là lễ chánh-chung, lễ nguyên-dán, các ngày khánh-diễn của nhà Vua, đều là cơ-hội đề mà xin phẩm-hàm; khi về hưu cũng là cơ-hội đề mà xin thăng-trật, khi quan Khâm-sứ đi hay là về nghỉ cũng là một cái cơ-hội riêng của những người có thể xin phẩm-hàm; vì thế cho nên nhiều người có phẩm-hàm, và nhiều người có phẩm-hàm cao.

Có người nói nhiều người có quan-hàm, thì nhiều người biết ơn Vua, trung-thành với Vua, với nước, nói như vậy tưởng không chánh-đáng. Lòng trung-thành mà lấy phẩm-hàm mua được thì không có giá-trị, và lại nói như vậy mất lòng những người thực có lòng trung-thành mà không muốn xin phẩm-hàm. Nhiều người có phẩm-hàm, nhiều người có phẩm-hàm cao, bất-miễn có người không xứng-đáng; chỉ đòi ba người không xứng-đáng, đủ làm cho quan-trưởng giảm-giá, mà quyền của Vua ta có thể nhân đó mà giảm sắc.

Nói về quyền tư-pháp, hiện bây giờ Trung-kỳ chưa sắp-đặt các tòa án như các nước văn-minh, một tên dân có sự oan-ức đến kêu của quan, không biết lúc nào vào hầu được quan, không biết lúc nào quan xét-xử việc mình; đến khi quan xử mà không phục tình không biết kêu ở đâu; đương khi chờ đợi ở trước công-môn, người đương-sự ấy bất-miễn trách thầm chánh-phủ. Chánh-phủ phải trách, thì quyền của Vua ta cũng nhân đó mà giảm ít nhiều. Sửa việc tư-pháp không dễ, bởi vì sở ấy rất quan-trọng, sở ấy lo bảo-bộ tính-mạng, tài-sản, tự-do và danh-dự của người trong nước.

Trên này vừa nói quyền thực-hành của Vua ta, còn quyền luân-lý của Vua ta, thì ai cũng biết rằng đức Kim-thượng nối ngôi Liệt-Thánh, từ sáu năm nay Ngài hay ban dụ-chỉ khuyên các quan lo việc nước, lo việc dân, bỏ tục

đi lễ, và khuyên dân tiết-kiệm trong các lễ quan, hôn, tang, tế; còn Ngài đãi các quan mà nhất là các quan lớn một cách rất là tử-tế, xưa nay chưa thấy trong sử nước ta; nếu trong Hoàng-phái có nhiều người lỗi-lạc và nếu các quan đều chỉ biết giúp Vua, thì quyền luân-lý của Ngài hay là tiếng của Ngài chẳng những không suy-giảm chút nào, mà lại thêm rực-rỡ hơn trước.

Có người tưởng các ông Đại-Pháp muốn phá quyền của Vua ta, tưởng như vậy không đúng. Nước ta nguyên trước là một nước tự-chủ mà đổi làm Bảo-hộ là giảm quyền của Vua ta, nhưng mà việc ấy không phải tại một mình người Đại-Pháp, và việc ấy đã vào sử-giới rồi, không cần bàn nữa; hai lời dụ ngày 25 tháng 7 và 24 tháng 9 năm 1897 đã kể ở trên, cũng giảm quyền của Vua ta, nhưng mà việc ấy cũng tại mình và cũng đã vào sử-giới rồi, tưởng cũng không cần bàn nữa. Hiện bây giờ tưởng cũng có người Đại-Pháp muốn đổi Bảo-hộ làm thuộc-địa, nhưng mà ý riêng của những người ấy, chớ không phải ý chung của dân nước Đại-Pháp, và cũng không phải ý của chánh-phủ Đại-Pháp. Chánh-phủ Đại-Pháp đã không có ý đổi chánh-sách bảo-hộ, thì những ông nối nhau đại-diện chánh-phủ Đại-Pháp ở Huế là các quan Khâm-sứ ở Kinh, không ông nào muốn phá quyền của Vua ta làm gì. Chẳng những các ông ấy không có ý phá quyền của Vua ta, mà lại có ý tôn lên, tức như sửa cung-diện của Vua cho tôn-nghiêm, sửa dinh-thự các quan cho tử-tế, thêm bổng các quan ta cho đủ ăn, khi đâu đâu từ quan Khâm-sứ thủ-xướng. Tuy những sự ấy thuộc về vật-chất, mà có can-thiệp với quyền của Vua. Cung diện tôn-nghiêm, thì quyền của Vua nhân đó mà tôn-nghiêm; dinh-thự tử-tế, thì các quan ở trong dinh-thự ấy cũng

được thờ-diện, mà quyền của Vua cũng nhân đó mà không thất-thể; các quan có bổng đủ ăn, không phải quấy dân, thì dân không trách quan, mà quyền của Vua đối với dân không giảm-sắc.

Nói tóm lại, tôn quân-quyền tại dụng-nhân, hễ có nhiều người giỏi thì việc chi cũng xong, quốc-bộ càng ngày càng đi tới, mà quân-quyền tự-nhiên tôn. Dùng người ở đâu? Khoa-cử Hán-học đã bỏ, thì phải dùng người tân-học, tân-học không phải là người biết năm ba tiếng Pháp mà thôi, mà là những người có chức khoa-mục tây nghĩa là có bằng tú-tài cử-nhân tiến-sĩ Pháp, và những người có bằng tốt-nghiệp cao-dẳng ở Hà-nội, những hạng người ấy hiện bây giờ Trung-kỳ chưa có bao nhiêu, tất phải dùng những người nguyên-quán ở Bắc-kỳ và Nam-kỳ, là những người An-nam ở Bắc ở Nam chớ không phải người ngoại-quốc; nhưng mà những người ấy thiên học về phần chữ Pháp, phần nhiều không biết việc nước nhà, thì phải học-tập chánh-sự Trung-kỳ ít lâu rồi mới làm việc được. Và lại những hạng người ấy học với thầy người Đại-Pháp đã lâu, tính-nết và sự cần dùng riêng khác các ông khoa-mục ngày trước, các ông cựu-học không làm quan thì ít người làm được việc khác, các ông tân-học không làm việc quan thì có thể đi làm việc khác, cho nên các ông tân-học có tính tự-do hơn các ông cựu-học; vì các lễ ấy mà quan-trưởng phải sửa lại mới dung-nạp được những người tân-học.

Những người tân-học quả giỏi hơn người cựu-học không? Câu hỏi ấy ngày sau mới biết được, nhưng mà trong phường tân-học cũng như trong phường cựu-học, người thực có tài vẫn ít, bởi vì người thực có tài từ đời thượng-cổ vẫn ít, khó kiếm, cho nên đức Khổng-tử than rằng: « Tài nan 才難! »

III. Khai dân-trí. — Khai-dân-trí là mở trí khôn cho dân, để cho biết sự phải sự chẳng, người lành, người dữ. Muốn khai-dân-trí thì trước phải biết dân-trí thế nào rồi mới tìm cách khai-hóa được.

Khi đi vào trong một làng, thấy một đàn trẻ con, mặt mày bần-thiếu, áo-xống rách-rưới, đứa lớn bông đứa nhỏ, đi theo người khách lạ. Tiền-đồ của nước ta đó ! Trong bọn trẻ con ấy ngày sau có đứa làm quan, có đứa làm lý-dịch các làng, có đứa đi buôn-bán hay là làm các kỹ-nghệ, phần nhiều đi làm thuê ; có đứa lớn đến 8, 9 tuổi mới đi học, phần nhiều đi ở đầy-tớ hay là giữ trâu. Sáng gà gáy dắt trâu ra đồng, tối đò đèn đem trâu về chuồng, cả ngày ở ngoài đồng, chỉ có con trâu là bạn ! Tỉnh-thoảng gặp đứa chăn trâu khác, nói chuyện một đôi câu, nhưng không ra ngoài sự trâu bò, cày bừa, ruộng đất... Đến lúc 18, 19, 20 tuổi, tên giữ trâu ngày nọ thăng-chức làm trai cày, thì cày bừa với con trâu nó chăn nuôi lúc trước, cả ngày làm việc ngoài đồng, ít nói chuyện với ai, tối về làm việc chủ nhà, rồi đi nghỉ. Ngày lụn tháng qua, lẩn-lộn trong vườn cau ruộng lúa, ít thấy sự gì lạ, ít nghe sự gì lạ, cho nên tư-tưởng của chúng nó xây-vần trong một cái vòng rất hẹp ! Nước ta là một nước nông-quốc, hạng người ấy rất nhiều.

Cùng một hạng ấy, ở các thành-phố đô-hội có những người làm công trong các xưởng ; khi đến sở lúc về nhà, trong lúc hành-gian, tỉnh-thoảng nghe thấy những việc mà người ở nhà quê ít nghe thấy ; rồi lại nhân có anh em đồng-nghiệp đồng, chuyện vãn cùng nhau, có người có chí học được chữ quốc-ngữ, xem được nhật-báo, thì trí-não có mở ra được một ít. Những người làm công trong các sở thương-mại hay là kỹ-nghệ, và những người ở chỗ thành-phố, khôn-ngoan

hơn những người làm thuê cày ruộng và những người ở nhà quê. Nước nào cũng vậy.

Lên một bậc nữa là những người biết chữ hán một ít, đủ xem văn-khế và những người tốt-nghiệp tiểu-học các trường Pháp-Việt, rồi về nhà làm ăn không học thêm nữa.

Bậc trên hết là những người học-trò thi và khoa - mục cũ, và những người có bằng thành-chung và mấy người ở trường cao-đẳng mà ra, với các quan đương-chức hay là hưu-trí.

Hiện bây giờ phái cựu-học còn đông mà mỗi ngày giảm bớt, phái tân-học đương ít mà mỗi ngày tăng thêm. Có người nói: Mấy người tân-học chưa đủ tư-cách mà làm mô-phạm cho dân, không có thanh-thể hay là không có quyền luân-lý trong xã-hội. Nói như vậy tựa-hồ trách bọn tân-học không biết chi, nhưng mà bọn tân-học còn ít người và còn ít tuổi, con em những người cựu-học, bây giờ người cựu-học còn sống, thì bọn tân-học phải giữ phần con em, khi các ông cựu-học qua đời, thì bọn tân-học phải thế chân vào đó, chớ không ai nữa. Và lại chánh-phủ bỏ khoa-cử cũ và sửa việc học, là có ý mở-mang trí-thức cho người nước ta, nếu cải-lương mà xấu hơn xưa, thì làm làm chi cho tổn công tổn của ?

Lúc trước người nước ta chỉ học văn-chương, triết-lý, không biết cách-trí, trọng lý-tưởng, ít trọng thực-hành, lấy ngũ-kinh tứ-truyện làm phạm-vi, hơn 2000 năm, tư-tưởng của người nước ta cũng như tư-tưởng của người nước Tàu, không ra khỏi cái phạm-vi kinh-truyện ; phạm-vi ấy tuy đẹp, nhưng mà của một dân-tộc Trung-hoa, có bề cao mà thiếu bề rộng ! Việc học bây giờ lấy tư-tưởng của các nước văn-minh đời xưa đời nay làm phạm-vi, gồm cả văn-chương triết-lý và cách-trí, gồm cả lý-tưởng và thực-hành ; cái phạm-vi của

học-giới bây giờ đã cao mà lại rộng ; người nước ta có sức muốn đi đến đâu cũng được, tưởng không ai cấm, tưởng không ai ngăn. Khi nào trong các hội người thông-thái trong thiên-hạ, có người nước ta dự vào, khi ấy là khi kết-quả hoàn-toàn của sự học mới. Đến khi trong nước đã có người thông-thái sánh vai được với người thông-thái của các nước văn-minh, thì cái ánh-sáng văn-minh đã thấu đến các xưởng làm công, các nơi làng-mạc, mà những người làm thuê và trai cày biết đọc biết viết, không còn dốt-nát như bây giờ. Thời-kỳ ấy tưởng còn xa, nhưng không phải không đến được.

Sự biết là của chung cả loài người, không phải của riêng một dân-tộc ; người một nước phải học cho biết những sự-lý chung của người các nước đều biết, và phải biết riêng việc nước mình. Thử trước lấy sách Tàu làm sách phổ - thông, không dạy việc nước nhà, tuy nước ta có sử mà không đem ra dạy học, và lại sách sử cũ không phải là sách giáo-khoa, còn các nghề chuyên-môn không có trường học ; bây giờ trong chương-trình phổ-thông đã có dạy sử và địa-dư nước ta, và đã có sử viết theo lối giáo-khoa-thư, nhưng mà mới làm một lần đầu có nơi khuyết điếm, cần phải cải-lương. Ở trên các trường phổ-thông lại có trường cao-đẳng là trường chuyên-môn. Cách lập-học bây giờ sánh với cách lập-học trước thì cách lập-học bây giờ hoàn-bị hơn. Nhưng mà người nước ta, ở trong xã-hội nước ta, phải biết cái cơ-sở của xã-hội nước ta ở đâu, rồi mới lo mà bồi-bổ cái nền ấy được... Theo ý riêng tôi thì xã-hội nước ta lấy đạo Đức Khổng-tử làm cơ-sở, mà đạo Đức Khổng-tử lấy lễ-nhạc làm tôn-chỉ gốc, vậy thì lễ-

nhạc là tôn-chỉ gốc của xã-hội nước ta

Lễ-nhạc là hai tôn-chỉ chớ không phải hai chữ thường như chữ khác ; nhưng mà người đời ít kẻ hiểu 2 tôn-chỉ ấy, tưởng lễ là cúng-tế, nhạc là trống kèn ; chẳng những người bây giờ ít kẻ hiểu hai tôn-chỉ ấy, chính người đồng-thời với Đức Khổng-tử cũng ít hiểu hai tôn-chỉ ấy, cho nên Đức Khổng-tử tức giận mà than rằng : « Khi người ta nói rằng lễ, khi người ta nói rằng lễ, có phải nói ngọc với lụa vậy thay (1) ! Khi người ta nói rằng nhạc, khi người ta nói rằng nhạc, có phải nói chuông với trống vậy thay ! »

Lễ là trật-tự (*ordre*), nhạc là điều-hòa (*harmonie*), ở trong vũ-trụ chỗ nào cũng có lễ-nhạc, nơi nào cũng có lễ-nhạc, nghĩa là chỗ nào cũng có trật-tự điều-hòa, nơi nào cũng có trật-tự điều-hòa, nếu không như vậy, thì sự sinh-tồn không thể có được.

Hết xuân đến hạ, hết thu sang đông, là lễ-nhạc, tức là trật-tự điều-hòa ở trong trời đất ; nhờ có thế mà muôn vật mới phát-sinh được. Nếu xuân hành hạ lệnh, thu hành đông lệnh, thì thiên - khí quai - hòa, mà muôn vật cũng vì đó mà đau mà chết.

« Vua làm nghĩa-vụ của vua, tôi làm nghĩa-vụ của tôi, » là lễ-nhạc, tức là trật-tự điều-hòa ở trong nước ; « cha làm nghĩa-vụ của cha, con làm nghĩa-vụ của con » là lễ-nhạc, tức là trật-tự điều-hòa ở trong nhà. Khi vua Cảnh-công nước Tề nghe Đức Khổng-tử nói mấy lời ấy bèn than rằng : « Nếu vua không làm nghĩa - vụ của vua, tôi không làm nghĩa - vụ của tôi, cha không làm nghĩa - vụ của cha, con không làm nghĩa-vụ của con, tuy có lúa chúng ta há được ăn ru ! » Bởi vì

(1) Cách nói trùng-phục : Lễ vân, lễ vân, nhạc vân, nhạc vân, là có ý giận ; ngọc với lụa là vật dùng mà tế thờ đời xưa, bây giờ không dùng ngọc với lụa mà dùng giấy vàng bạc và các thứ giấy khác.

vua không làm nghĩa-vụ của vua, tôi không làm nghĩa-vụ của tôi, thì trong nước không lễ-nhạc, hay là không trật-tự điều-hòa, nghĩa là nước loạn; cha không làm nghĩa-vụ của cha, con không làm nghĩa-vụ của con, thì trong nhà không lễ-nhạc, hay là không trật-tự điều-hòa, nghĩa là nhà loạn; nước loạn nhà loạn, thì tất phải tự-vong, cho nên nói rằng: «Tuy có lúa, chúng ta há được ăn ru!»

Muốn giữ-gìn lễ-nhạc, hay là trật-tự điều-hòa ở trong nước, thì phải tu lòng trung; muốn giữ-gìn lễ-nhạc hay là trật-tự điều-hòa ở trong nhà, thì phải tu lòng hiếu. Trung hiếu là hai cái linh-phù để giữ-gìn trật-tự điều-hòa trong nước trong nhà vậy.

«Trung ư quân,» không phải là làm cho vua vui lòng riêng, mà phải lo cho nước càng ngày càng thịnh-vượng; «hiếu ư thân,» không phải làm cho cha mẹ vui lòng một lúc, mà phải lo cho việc nhà càng ngày càng quang-xương; nhưng mà xưa nay nhiều người hiểu sai hai cái nghĩa ấy, có kẻ muốn vui lòng vua, tìm cách phùng-nghênh, có kẻ sợ phiền lòng vua, không dám can-ngăn, để cho việc nước phải đồi-bại; có kẻ chỉ biết ở gần cha mẹ, sớm khuya phụng-dưỡng là trọn phận làm con; những người hiểu hai chữ trung hiếu như vậy là hiểu một cách hẹp-hòi; hiện bây giờ cũng có người tưởng rằng đến cửa vua mà cúi đầu vòng tay là tận-trung, kỵ giỗ cha mẹ mà có mâm cao cỗ đầy là tận hiếu. Trung hiếu như vậy thì dễ làm lắm, trẻ con làm cũng được! Phải hiểu rằng vua vui lòng chi bằng thấy việc nước càng ngày càng thịnh-vượng; cha mẹ vui lòng chi bằng thấy việc nhà càng quang-xương. Ai muốn tu lòng trung thì phải tìm cách mà làm cho nước thịnh-vượng, và phải gây dựng nhân-tài để ngày sau giúp nước cho sự thịnh-vượng càng ngày càng thêm; ai

muốn tu lòng hiếu thì phải lo việc nhà cho quang-xương, và phải nuôi dạy con cháu để ngày sau việc nhà cứ quang-xương mãi. Trung hiếu là một lá cờ để dẫn nước dẫn nhà lên đường tấn-bộ, nhưng mà sự đi tới ấy phải có lễ-nhạc, nghĩa là phải có trật-tự điều-hòa, cũng như một toán binh đi tới có thứ-tự và theo nhịp kèn.

Nói tóm lại, thì khai dân-trí là mở trí khôn của dân theo một cái phạm-vi mới đã cao và rộng, không lấy tư-trởng của một nước một dân-tộc làm phạm-vi, mà lấy tư-trởng của các nước, của các dân-tộc làm phạm-vi, và khiến cho dân trong nước biết tu lòng trung-hiếu để mà bồi-bổ cái cơ-sở của xã-hội nước nhà càng ngày càng bền-vững.

IV. *Quảng-dân-tài.* — Quảng-dân-tài là mở rộng của của dân, nghĩa là làm cho dân giàu. Mấy năm nay trong nước ta, chẳng luận theo tôn-giáo nào, nhiều người sùng-bái ông Tàithần, nhiều người lo làm giàu, làm cho có tiền nhiều, để ăn ngon mặc tốt và nhà ở đẹp. Trừ ra một hai ông son-nhân xử-sĩ bên Tàu, và mấy ông thầy sãi (*fakirs*) bên Ấn-độ, không nghĩ đến thế-giới vật-chất, còn phần nhiều người trong thiên-hạ đều lo ba sự ấy, là ăn, mặc và nhà ở; ấy là ba điều cần nhất của loài người, ba điều ấy chiếm một phần to trong sự văn-minh của thế-giới.

Từ khi loài người ăn lông uống huyết đến khi ăn cao-lương mỹ-vị; từ khi mặc áo bần; lá cây vỏ cây đến khi mặc gấm-nhiều sô-sa; từ khi ở hang ở lỗ đến khi ở nhà rộng cửa cao, nhân-loại tấn-bộ không biết là bao nhiêu!

Hiện bây giờ nước nào có nhiều người sung-sướng như vậy là nước văn-minh, được người kính trọng, nước nào không có hay là ít những người ấy, là nước dã-man, phải người khinh-bĩ, những người chưa hưởng được cái mùi đời sung-sướng ấy thì có

làm cho được, những người đã chiếm được cái địa-vị sung-sướng ấy cốt làm cho sung-sướng hơn, tranh-cạnh nhau nhiều khi kịch-liệt đến nỗi tàn-hại nhau, tàn-hại nhau để cho được ăn ngon mặc tốt, và nhà ở đẹp, nghĩ cũng tức cười! Nhưng mà đạo đời như vậy, ta ở trong đời thì phải theo đời.

Hiện bây giờ trong nước ta nhiều người ăn cơm trộn với ngô với khoai mà ăn không được no, mặc áo vải mà không toàn thể, ở lều tranh mà không được kín, cái quang-cảnh cực khổ ấy, ra khỏi thành-phố đã thấy; nghĩa-vụ của Chánh-phủ phải làm cho những người ấy ăn cho no không cầu chi ngon, mặc cho ấm không cầu chi tốt, ở cho kín không cầu gì đẹp, cái vấn-đề ấy rất khó giải.

Các nhà kinh-tế đã nghĩ rằng muốn làm cho một nước một dân được giàu có, phải làm ba điều, mở cái giá-trị của người xứ ấy, mở cái giá-trị của đất xứ ấy, và lập phương-pháp kinh-tế, nghĩa là lập những phương-pháp làm ăn cho tiện.

Người là một cái tư-bản quý nhất trong một nước, người không cần nhiều mà cần có giá-trị; 7 triệu người nước Bỉ-li-thi (*Belgique*) có giá hơn 400 triệu người Trung-hoa, 300 triệu người Ấn-độ.

Người nước ta phần nhiều yếu và dốt; người bần-thụ yếu tuy có nhiều cơ, mà sự táo-hôn cũng là một cơ. Luật-lệ nước ta không định rõ tuổi hôn-thú, dân theo tục hay cưới gả sớm, con trai con gái lên 10, 12 tuổi đã lấy nhau, 15, 16 tuổi đã có con; cha mẹ còn non tuổi, sinh con mạnh sao được? Muốn giúp cho người trong nước được mạnh-khỏe, đáng định tuổi hôn-nhân. Bắc-kỳ đã sửa dân-luật, đã sửa khoản ấy, Trung-kỳ chưa làm.

Người yếu là tại ăn không no. Mấy năm trước khi Nhà-nước mộ lính sang Pháp, khi mới ứng-mộ thì nhiều người

gầy yếu, vào trại đôi ba tháng, ăn uống có chừng và ăn no, người nào cũng mạnh-khỏe. Làm thế nào cho dân đều no? Sự ấy tại mỗi người phải biết làm ăn siêng-năng và biết tích-trữ; mỗi con loài vật đều biết nuôi thân hưởng chi là người. Loài vật không biết tích-trữ, khi đau không kiếm ăn được thì phải đói chết, người phải biết tích-trữ, phòng khi đau ốm; nhưng vậy mà có người không biết tích-trữ, đến khi đau ốm không có thuốc thang, Chánh-phủ lập sở y-tế để giúp dân một đôi chút trong khi tật-bệnh, và nhất là phòng-bị các bệnh truyền-nhiễm không để hại dân. Chí như dân-gian có nhiều người dốt, Chánh-phủ cũng biết sự ấy, cho nên lập trường học ở các làng các tổng để mở trí khôn dần dần cho dân. Khi nào dân ta có sức khỏe, có trí khôn, và biết làm ăn, khi ấy dân ta mới có giá hơn.

« Phụ thiên mẫu địa », nghĩa là cha là trời, mẹ là đất, không ai nhớ người nào nói lời ấy, mà lời ấy cũng hay. Đất là mẹ thì đất nuôi người, nhưng mà để cho đất tự-nhiên sinh-sản thì không nuôi người nổi, phải bắt nó sinh-sản cho nhiều, ấy là phần nhà canh-nông; hóa các thứ thổ-sản làm đồ ăn đồ dùng, là phần nhà kỹ-nghệ; mậu-dịch các thứ thổ-sản và các đồ chế-tạo là việc nhà thương-mại. Kỹ-nghệ thương-mại nước ta chưa phát-đạt là tại canh-nông của nước ta chưa mở-mang; nếu mình có sản-vật nhiều và tốt, mà người mình không thể làm, thì người ngoại-quốc đến mà làm, rồi người nước mình cũng nhân đó mà được lợi, không lợi bằng người mình làm lấy, mà cũng có lợi; như xứ Nam-kỳ nhiều lúa, người Nam-kỳ không thể dùng, người ngoại-quốc đến lập nhà máy xay lúa ra gạo, rồi bán gạo ra ngoại-quốc, nhân đó mà xứ Nam-kỳ giàu hơn hai xứ Trung Bắc.

Đất ở Trung-kỳ Bắc-kỳ nhiều chỗ xấu hơn, kiệt lực hơn đất ở Nam-kỳ, thì phải bồi-dưỡng nó, thêm dồ ăn cho nó, nghĩa là thêm phi-liệu cho nó để cho nó sinh-sản được nhiều, rồi lại lựa giống thóc gạo, để cho nó sinh được dồ tốt. Hiện bây giờ gạo ở Đông-Pháp bán ra ngoại-quốc rẻ hơn gạo ở Diên-điện Xiêm-la, vì là gạo Đông-Pháp xấu hơn.

Đất thỉnh-thoảng phải bệnh không sinh-sản được, như là đại-hạn, nước lụt, nước mặn, nước ú, và các thứ loại vật vô-ích phá. Chánh-phủ phải lo chữa mấy thứ bệnh ấy, để cho đất khỏi phải vì những chứng-bệnh ấy mà đình sự sinh-sản.

Nước ta nhiều rừng mà dân thổ-trước hay đốt phá, đến nổi bây-giờ rừng ở Bắc-kỳ không đủ cây mà dùng! Chẳng những là người Mèo ở Thượng-du Bắc-kỳ, người Mọi ở trên núi Trung-kỳ hay đốt rừng làm rẫy, người An-nam ta cũng hay đốt phá, bởi vì nhiều người nghĩ rằng của trên rừng là của tự-nhiên, ai muốn lấy cũng được, ít người hiểu rằng phạm của ở trong một nước, không thuộc về người tư, thì thuộc về của công của các làng, không thuộc về các làng, thì thuộc về nước; của của nước là của chung những người trong nước, Chánh-phủ phải giữ-gìn của ấy để cho các người trong nước đều hưởng lợi chung, nếu có một đôi người có tư-cách được dùng của ấy, thì Chánh-phủ cho phép, nhưng mà người được phép lấy của ấy phải theo luật-lệ, không được phá hại làm mất lợi của kẻ hậu-sinh.

Còn những đất không trồng ngũ-cốc được, mà không phải là rừng, thì phải tùy theo thổ-nghi mà trồng các thứ cây khác có ích, hay là dùng mà nuôi súc-vật. Nếu đất trong một nước không có chỗ nào bỏ hoang, thì đất thêm giá-trị.

Tuy có người khỏe, tuy có đất tốt, mà không có phương-pháp kinh-tế (*moyens économiques*), thì nước ấy không thịnh-vượng được. Phương-pháp kinh-tế như là đường-sá, hỏa-xa, hỏa-thuyền, nhà giầy-thép, nhà ngân-hàng, v. v..., đều là những phương-pháp để làm ăn cho tiện. Một xứ có đất tốt mà không có đường vận-tải thì không ai đến khai-khẩn đất ấy, như là nước Ai-lao (Laos). Nước nào có nhiều đường đi, nhiều đường hỏa-xa, nhiều con sông tàu chạy được, đều là những nước giàu-có. Vì thế cho nên từ có Bảo-hộ, Chánh-phủ lo sửa lại các con đường cũ cho rộng hơn, lại mở đường mới, và làm đường xe-hỏa, lập các sở giầy thép, là để cho nhân-dân lợi-dụng.

Chánh-phủ chỉ biết lập những phương-pháp kinh-tế, còn sự lợi-dụng những phép ấy là tại nhân-dân, muốn lợi-dụng phương-pháp ấy phải có tự-do. Mấy năm trước ai muốn đi xứ này sang xứ kia để làm ăn, phải có giấy thông-hành, mỗi lần xin giấy ấy phải chờ-đợi nhiều ngày; bây giờ chỉ lĩnh một cái thẻ căn-cước (*carte d'identité*) thì đi đâu cũng được, mà thẻ căn-cước ấy dùng được nhiều năm. Từ đó mà người nước ta đi lại trong xứ Đông-Pháp hay là ra ngoại-quốc được tiện hơn trước.

Mấy năm trước ở Trung-kỳ có người xướng sự hiệp vốn để mà làm ăn, bị các quan nghi-kị, phải bị giam-cửu cực khổ, bây giờ nhiều người ở Trung-kỳ nghe nói sự hiệp vốn làm ăn đã sợ; lòng nghi-sợ ấy chưa biết lúc nào hết? Vả lại làm ăn là tranh lợi, có khi lợi-quyền người này xung-đột với lợi-quyền người kia mà sinh ra tranh-tụng; đến trước tụng-đình, có người thua kiện vì là chỉ bằng lý trực! Lại có người không phạm phép nước, chỉ vì có tiền mà phải bị quan-nha đòi hỏi vấ-vả tẩm

thân ! Vì thế mà người có tiền không muốn ra khỏi làng làm ăn, cam-tâm ở nhà làm việc nho-nhỏ, không được bao nhiêu lợi, mà được an thân. Vậy thì sửa việc Tư-pháp, có đủ phương-phép để mà bảo-hộ lợi-quyền cho dân, là một cách giúp sự sinh-tài trong nước.

Nói tóm lại : quảng-dân-tài là khai-trương cái giá-trị của dân, khai-trương cái giá-trị của đất, và tỏ-chức việc làm, mà nhất là sửa luật-lệ thế nào để cho dân được tự-do làm ăn.

Tổng-luận các lễ phô-tự trên này thì đức Kim-thượng ban rằng kinh Bảo-hộ là có ý muốn người mình trước phải biết tự-kính, sửa mình sửa nết ; tôn quân-quyền là có ý muốn trong nước có nhiều người hiền ; khai-dân-trí là có ý muốn người nước ta gắng mà học để mở trí khôn cho cao và rộng và nhất là giữ-gìn cái cơ-sở của xã-hội nước ta ; quảng dân-tài là có ý muốn mở-mang cái giá-trị của người của đất trong nước mà nhất là phải sắp đặt việc làm thế nào để cho dân được tự-do làm ăn.

Trong các lễ ấy rút lại một lễ quan-trọng nhất là có nhiều người giỏi. Trong nước ta có người giỏi thì biết kinh Bảo-hộ, biết tự-kính, rồi Bảo-hộ kính lại mình, mà tinh Pháp-Việt tương-thân ngày thêm mật-thiết ; có người giỏi thì các việc đều được thanh-thỏa mà quân-quyền tự-nhiên tôn ; có người giỏi thì biết mở rộng trí dân và biết

bảo-tồn xã-hội ; có người giỏi thì biết cách khai-lợi-nguyên mà làm cho dân giàu.

Nước ta xưa nay há không người giỏi, nhưng mà có người phải bị hoàng-kim ám-nhân, không thấy được xa-tham là một chứng bệnh cũ của quan-trưởng nước ta, nó đã làm cho quan ta phải xấu hổ, nước ta phải suy đồi, phải kiếm thuốc mà trị nó cho tuyệt, đừng để truyền đến đời sau. Nước Nhật-bản là một nước ở Đông-Á, trong 60 năm mà nổi lên một nước hùng-cường, là nhờ các quan Nhật đã bỏ lòng tham ; nước Trung-hoa là một nước rất to ở Đông-Á, trong nước loạn mãi, chưa biết lúc nào yên, là vì các quan Tàu còn nhiều ông tham lợi ; nước ta nhờ có Đại-Pháp bảo-hộ, nếu các quan ta đều là thanh-liêm, thì nước ta tấn-bộ chắc hơn bây giờ. Vậy thì người nào có biết cách gì mà trừ được bệnh tham của quan-trưởng ta, thì có công với nước ta lớn lắm, nước ta đáng dựng tượng đồng người ấy để truyền ngàn năm.

Tôi hiểu Thánh-ý như vậy, không biết phải không, ai hiểu cách khác xin cãi lại để phát-minh lễ thật ; nếu đồng-ý với tôi, thì cùng nhau giúp đức Hoàng-thượng để thành những tư-trởng ấy. Tuy rằng giúp vua là phận sự của các quan Xu-phủ - đại-thần, nhưng mà các quan đại-thần có nghĩa-vụ của các quan đại-thần, chúng ta có nghĩa-vụ của chúng ta.

Tổng-dốc THÂN-TRỌNG-HUỀ



KHẢO VỀ CÁC LUÂN-LÝ-HỌC-THUYẾT CỦA THÁI-TÂY (1)

III

Còn một phái gọi là phái « luân-lý độc-lập » (*morale indépendante*) đã có một hồi thịnh-hành. Những người có tiếng trong phái này, là bọn ông PROUDHON, FREDÉRIC MORIN, MASSOL, Bà COIGNET, v.v. Phái này dạy rằng luân-lý là độc-lập, không những đối với tôn-giáo mà lại đối với triết-lý nữa, và gốc luân-lý tức là cái lòng tự-tôn của người ta, người ta bởi biết tự-tôn nên mới sinh ra có nghĩa vụ, có quyền-lợi. Xét ra phái này cũng có chịu ảnh-hưởng của học-thuyết ông KANT. Duy có cái vấn-đề luân-lý đối với khoa-học thế nào, ông KANT giải-quyết nói rằng luân-lý đối với khoa-học không có quan-hệ gì cả, mà trong phái này lại tuyệt-nhiên không xét đến.

Nói tóm lại, về luân-lý-học, cận-đại có ba phái lớn: một là phái duy-lợi (*utilitarisme*), hai là phái biến-hóa (*évolutionnisme*), ba là phái ông KANT (*kantisme*). Ngoài ba phái ấy, những thuyết cũ cũng vẫn còn lưu-truyền.

Nhất-diện thời các nhà thần-học vẫn cho gốc luân-lý là ở trong ý-chí tuyệt-đối của một đấng Thiên-chúa, ý-chí ấy hoặc để cho cá-nhân được tự-do suy-xét (đó là thuyết của ông CHARLES SecrÉTAN), hoặc do quyền một Giáo-hội giải-thích (đó là thuyết của phái nhà thần-học THOMAS D'AQUIN).

Nhất-diện thời các nhà giữ những chủ-nghĩa về lý-tưởng, về linh-tính (*idealistes, spiritualistes*), như bọn các ông RAVAIS-SOD, PAUL JANET, BOUTROUX, DARLU, v.v. vẫn muốn theo cái cổ-học của các tiền

triết PLATON, ARISTOTE, DESCARTES, LEIB-NIZ mà lại muốn điều-hòa với học-thuyết ông KANT, mong nối lại cái giây quan-hệ triết-học với luân-lý; lấy rằng cái lẽ cứu-cánh của vũ-trụ chính là ở trong lòng đạo-đức vậy.

Sau hết thời là những nhà tư-tưởng không thuộc vào môn-phái nào, như ông FOUILLÉE và ông GUYAU. Ông FOUILLÉE soạn bộ « Phê-phán về các học-thuyết luân-lý cận-đại » (*Critique des systèmes de morale contemporains*); ông GUYAU soạn bộ « Dự-bàn về một lối luân-lý không cưỡng-bách, không thưởng-phạt. » (*Esquisse d'une Morale sans obligation ni sanction*); hai ông đều muốn điều-hòa thuyết biến-hóa với thuyết ông KANT, chứng-giải rằng cái lý-tưởng về đạo-đức nguyên là do phép tiến-hóa mà ra, rồi sau lại làm chủ-động cho phép tiến-hóa.

Ấy đại-khái các thời-kỳ lớn trong luân-lý-học của Thái-Tây từ xưa đến nay như thế. Về cổ-đại luân-lý quan-hệ với triết-học thế nào, về trung-cổ luân-lý quan-hệ với thần-học thế nào, về cận-đại luân-lý quan-hệ với khoa-học thế nào, ấy cứ lấy đại-lược mà xét, các nhà luân-lý Âu-châu xưa nay quan-sát về vấn-đề luân-lý lần-lượt ra ba phương-diện như thế. Bởi thế nên ông BOUTROUX trong sách « Bàn về mấy vấn-đề luân-lý và giáo-dục » (*Questions de morale et d'éducation*) có chia luân-lý Âu-châu ra làm ba bậc: một là luân-lý cổ-đại hồi trước đạo Thiên-chúa (*morale païenne*); hai là luân-lý của Thiên-chúa giáo (*morale chrétienne*) về

(1) Xem Nam-phong số 47, trang 354-362; số 49, trang 6-12.

Trung-cổ thịnh-hành nhất; ba là luân-lý cận-đại, từ khi khoa-học mới dấy lên.

Cứ lược xét cả các học-thuyết luân lý kê trên đó thời biết muốn phân-loại cũng khó. Thường thường người ta chia ra làm hai loại: một là loại « luân-lý thực-nghiệm » (*morales empiriques*), lấy sự cảm-giác làm gốc, hoặc là cảm-giác duy-kỹ, hoặc là cảm-giác vị tha, loại này lại phân ra hai hạng luân-lý duy lợi và luân-lý duy-tình; một loại « luân-lý duy-lý » (*morales rationnelles*), lấy cái trí - tuệ thuần-túy làm gốc. Nhưng mà phân loại như thế thời những luân lý lấy gốc là ở ý-chí một đấng tuyệt - đối gọi là Thiên-chúa, không biết xếp vào hạng nào.

Muốn khảo về luân-lý Âu-châu cho thật đến nơi đến chốn, thời lại còn phải xét luân-lý quan-hệ với tôn-giáo, với khoa-học (vừa khoa-học chung, vừa các khoa-học riêng như sinh-lý, vệ-sinh, y-học, v.v.), với các môn triết-học (như tâm lý, luân-lý, mĩ-học, v.v.), với các môn học về xã-hội (như lịch-sử, kinh tế, pháp luật, chính-trị, v.v.) thế nào. Nhưng mà khảo cho khắp như thế thời mấy pho sách cũng không hết được. Trong các môn học có quan-hệ với luân-lý-học nhiều hơn nhất, duy có môn giáo-dục. Vậy sau đây chỉ xét luân-lý quan-hệ với giáo-dục thế nào.

Luân-lý quan-hệ với giáo-dục một cách rất mật-thiết. Luân-lý là cái thuật làm người, giáo-dục là cái thuật dạy - dỗ. Muốn dạy-dỗ phải biết làm người thế nào là nên là phải. Một nhà giáo-dục có tiếng là ông COMPAYRÉ đã nói rằng: « Giáo-dục-học muốn cho thành-lập phải cầu đến tâm-lý-học, nhưng mà cũng cần đến một môn học khác nữa, là học về vận-mệnh người ta, về mục-dịch ở đời, tức là luân-lý-học. Xét về tâm-lý người ta, biết được nhân-tâm hành-động thế nào, mới có thể giải-quyết được cái vấn-đề: Phải

dạy dỗ ra làm sao? Phương-pháp của sự giáo-dục nên thế nào? Lại phải biết cái mục-dịch ở đời là thế nào, sự hạnh-phúc của người ta ra làm sao, mới giải-quyết được cái vấn-đề khác nữa, cũng quan-trọng bằng cái trên: Phải dạy gì? mục-dịch sự giáo-dục là gì? »

Nay cứ theo ý-kiến của phần nhiều các nhà giáo-dục thời mục-dịch của giáo-dục với mục-dịch của luân-lý cũng gần giống như nhau. Như ông KANT nói rằng: « Sự giáo-dục là phải phát-siễn nhân-cách của mỗi người cho được rất mực hoàn-toàn. » Theo ông J. P. RICHTER thời giáo-dục là phát-biểu cái lý-trưởng về nhân-cách người ta. Lại ông HERBERT SPENCER (tàu dịch là Ti-tân-tắc) nói rằng: « Vận-mệnh người ta ở đời là phải sống làm người thế nào cho trọn-ven, vậy thời mục-dịch sự giáo-dục tức là dạy cho ta biết sống làm người cho trọn-ven. »

Ông COMPAYRÉ lại nói rằng: « Nhưng mà khó là phải giải-thích cho rõ ràng thế nào gọi là nhân-cách hoàn-toàn, thế nào gọi là lý-trưởng ở đời. Về phần đó thời các nhà luân-lý, các nhà triết-học, mỗi người xướng ra một thuyết phản nhau, trái nhau, người thì lấy đạo-đức làm mục-dịch ở đời, người thì lấy hạnh-phúc làm tiêu-chuẩn sự hành-vi; thành ra phép giáo-dục phân-vân, không biết theo bên nào, bỏ bên nào. » Nói rút lại, thời cái vấn-đề tối-cao tối-thiết về giáo-dục-học, chính là một vấn-đề luân-lý vậy.

Xét về một phương-diện khác, bất-luận mục-dịch của giáo-dục là thế nào, luân-lý cũng là một môn thuộc về phạm-vi những tri-thức cùng thói-quen mà giáo-dục cần phải truyền-thụ cho người ta. Nhân đó lại phát ra một cái vấn-đề như sau này: Luân-lý có thể đem ra mà dạy được không? Nếu dạy được thời phải dạy ra thế nào? Về khoản này ý-kiến

mỗi người một khác. Người thời nói rằng luân-lý phải làm gốc giáo-dục, dạy cái gì cũng phải khuyến-hướng về đường luân-lý, dạy cái gì cũng có thể gián-tiếp dạy luân-lý được, nhưng mà đem luân-lý làm một môn học riêng bằng-đẳng với các môn học khác thời không thể được và cũng không bổ-ích gì. Người khác thời tuy không phản-đối hẳn cái thuyết ấy, cũng cho rằng luân-lý là hàm-hồn cả trong khắp các môn học khác nhưng mà quyết rằng có thể đặt thành một môn mà dạy riêng được.

Về cổ-đại Hi-lạp, ông PLATON chia giáo-dục làm ba môn : đầu là thể thao để luyện-tập thân-thể, cuối là âm-nhạc để di-dưỡng tính-tình, giữa chính là luân-lý để dạy cách ăn-ở. Nhưng mà một chữ *nhạc* của ông PLATON cũng như chữ *lễ-nhạc* trong sách Tàu, nghĩa nó bao-hàm to rộng lắm : nhạc là kiêm cả tôn-giáo, cả luân-lý, cả mi-thuật.

Ông XENOPHON là học trò ông SOCRATE, trong bộ tiểu-thuyết *Cyropédie* luận về phép giáo-dục con trẻ, cũng lấy luân-lý làm một môn trọng-yếu. Ông nói rằng : « Con trẻ đi đến trường không phải là chỉ để học đọc học viết, lại cốt nhất là để học lấy điều nghĩa. »

Đến ông ARISTOTE thời tuy cũng lấy đạo-đức làm gốc giáo-dục, nhưng không đặt luân-lý làm một môn dạy riêng. Theo ông, giáo-dục chỉ có bốn khoản : thể-thao, văn-pháp (là học mẹo làm văn), âm-nhạc và hội-họa (là học vẽ).

Ở La-mã, hồi đầu cả luân-lý-học chỉ gồm trong bộ « Thập-nhi-bản luật-điền » (*Loi des Douze Tables*) là bộ luật thứ nhất của dân La-mã, khắc vào mười-hai bản bằng đồng. Con trẻ bắt đầu vào học phải học thuộc lòng bộ luật ấy. Đến sau ông CICÉRON (106-43 trước Gia-tô) là một nhà hùng-biện kiêm triết-học La mã, soạn

bộ sách « Nghĩa-vụ-luận » (*De Officiis*) để dạy con là MARCUS, lấy luân-lý làm đề-mục sách, nói rằng trong các môn học duy có luân-lý là hợp với tuổi thanh-niên của kẻ học và quyền phụ-huynh của người dạy. Từ đây luân-lý-học thành một môn giáo-dục, nhưng cũng bằng-đẳng như các môn tu-từ-học (là học về văn-chương biện-thuyết), luận-lý-học (là học về phép bàn lẽ cãi lẽ).

Về Trung-cổ thời ở các trường tôn-giáo và thần-học chiếm mất cả phần triết-học và luân-lý.

Mãi đến đời Văn-nghệ-phục-hưng, luân-lý và triết-học mới lại dấy lên, nói lại cái học-thống cũ của các tiền-triết Hi-lạp La-mã. Ông RABELAIS (1500-1553), người Pháp về đời bấy giờ, soạn bộ tiểu-thuyết *Gargantua*, nói là muốn làm một cái « kho học-vấn » (*un abisme de science*) cho người đời, nhưng cũng công-nhận rằng học gì thì học, đều phải lấy luân-lý làm gốc. Ông có câu rằng : « Người xấu bụng không bao giờ trở nên người khôn-ngoan, và học-vấn mà không có lương tâm chỉ là tai-hại linh-hồn » (*Sapience n'entre point en âme malévole et science sans consciencen'est que ruine de l'âme*). — Đến ông MONTAIGNE (1533-1592) cũng là bậc danh-sĩ nước Pháp về đời bấy giờ, lại công-nhiên lấy luân-lý-học làm trọng lắm. Ông nói rằng : « Đối với người học trò, chỉ thường hỏi có biết tiếng Hi-lạp không ? có biết tiếng La-mã không ? Hỏi thế không phải, phải hỏi rằng đi học có khôn-ngoan đức-hạnh thêm được chút nào không ? » Lại nói rằng : « Họ chỉ nhồi óc mình bằng sách-vở, còn dạy cho có đạo-đức, cho biết phán-đoán, tình không. » Theo ý ông, dạy triết-học, dạy luân-lý, càng sớm càng hay. Ông nói rằng : « Dạy triết-học không phải là nghị-luận những sự mâu-nhiệm phiến-toái gì, chẳng qua là giảng những lẽ

thường chánh đáng ở đời, biết dạy ra thời cũng vui như truyện ngụ-ngôn, con trẻ mới lọt lòng học cũng được, chẳng khó gì hơn học đọc học viết. »

Các nhà giáo-dục kế tiếp sau phần nhiều là người các giòng đạo, mỗi phái; cho luân-lý một cái địa-vị to nhỏ khác nhau. Như giòng *Jésuites* thời dạy luân-lý ít lắm; còn giòng *Jansénistes* và giòng *Oratoriens* dạy cũng khá.

Người trước nhất xướng lên rằng luân-lý là một môn học cần cho cả mọi người, không thể khuyết được, là thầy giòng *FLEURY* (1648-1723) thầy muốn rằng cách dạy phải nên lấy việc mà tỉ-dụ, không nên lấy lý mà bàn luận. Ông *ROLLIN* (1661-1741), thời lại cho luân-lý là không thể dời với triết-học được, và triết-học thời đến cuối bậc trung-học mới nên bắt đầu học, làm kết-quả cho sự phổ-thông giáo-dục; như vậy thời chỉ con nhà thượng-lưu mới được học luân-lý, vì chỉ có con nhà thượng-lưu mới có thể học được đến hết trung-học.

Kịp đến ông *ROUSSEAU* cũng đồng một ý kiến ấy, cho rằng luân-lý phải dạy về sau cùng. Nhưng các nhà giáo-dục về đời Cách-mệnh nước Pháp thời lại trái ý ấy.

Ông *HELVÉTIUS* xin rằng các trường công phải dạy luân-lý hết. Ông nói : « Ở trường trung-học từ lớp ba cho đến lớp nhất học gì ? Học làm thơ La-mã ! Còn thì giờ học luân-lý thời được bao nhiêu ? Được không đầy một tháng ! » Theo ông, phép dạy luân-lý phải dạy như dạy tôn-giáo, tóm tắt những điều cốt yếu đặt thành câu vấn-đáp, để cho con trẻ học thuộc lòng. Ông nói rằng : « Những việc hàng ngày thực-nghiệm ra là hợp lẽ, là có ích, nay đem đặt làm phép-tắc, bắt con trẻ học cho ghi vào ký-ức, sao lại không được ?

Càng về gần đời Cách-mệnh thời lại càng thấy nhiều người bàn Nhà-nước nên chủ-trương việc dạy luân-lý cho quốc-dân. Ông *LA CHALOTAIS* phân nản rằng ở các trường của dòng *Jésuites* dạy một thứ triết học siêu-viễn quá, còn luân-lý-học thời không dạy kỹ. Ông bèn xướng lên rằng : « Từ nay phần dạy về các lẽ tôn-giáo nên để riêng cho giáo-hội, còn dạy luân-lý phải để về quyền Nhà-nước », lời ấy sau này ở nước Pháp quả thực-hành như thế.

Quan Thượng-thư *TALLEYRAND* trong tờ trình cho Quốc-hội năm 1791 cũng nói như sau này : « Luân-lý là gốc hiến-pháp, ai cũng phải hiểu luân-lý mới được. Phàm người ta có trí khôn, có lẽ phải, ai cũng có thể học luân-lý được, tuổi nào cũng có thể dạy luân-lý được, vậy thời phải đem luân-lý ra mà dạy như một khoa-học vậy... Từ xưa đến nay biết bao nhiêu người phân-nản rằng ở nước nào cũng vậy, về đời nào cũng vậy, người đời cứ lấy ý-kiến riêng của mỗi người mà xét đoán về lẽ đạo-đức, thành ra đạo-đức không có nhất định... Nay phải đặt luân-lý cho có cơ sở vững-vàng, phải chứng-giải cho người đời biết rằng, người ta dẫu ý-kiến khác nhau thế nào, mà ai ai cũng có thể gặp nhau ở một nơi đồng-tâm đồng-ý được, nơi ấy là nơi luân-lý vậy. »

Lời bàn của ông *TALLEYRAND* ở nước Pháp mãi đến năm 1881 mới là công-nhiên thực-hành, Tự năm ấy, trong chương-trình các trường tiểu-học (vừa con trai, vừa con gái), có đặt riêng ra một khoa luân-lý. Về trung-học thời mãi đến lớp cuối cùng về ban văn-học mới chuyên dạy về luân lý cùng với các phần khác trong triết-học như tâm-lý-học, luận-lý-học, v.v. Về đại-học thời tuy không có một chuyên-khoa về luân-lý

nhưng mà các ông giáo triết-học có quyền tự-do muốn giảng về luân-lý cũng được.

Cứ theo ý-kiến các nhà giáo-dục đời nay thời việc dạy luân-lý ở nước Pháp hiện còn khuyết-diêm. Quyền giáo-dục của Giáo-hội mỗi ngày một kém đi mà quyền giáo-dục của Quốc-gia không thấy

bổ-cứu được, nhiều người lấy thể làm một sự nguy-hiêm cho thể đạo nhân-tâm. Hiện đã có người xướng lập những « Hội Đức-dục » như hội *Union pour l'action moral*, cũng giống các hội *Ethical Societies* ở Anh ở Mĩ để cải-chính phong-tục và văn-hội đạo-đức trong quốc-dân.

THƯỢNG-CHI

聖賢格言

Thánh-hiền cách-ngôn

(Lời nói phải của Thánh-hiền)

Bản-chí lấy làm vui mừng được quan NGUYỄN VĂN-BÀN, tiền-sĩ, luân-phủ Vĩnh-yên, gửi cho đăng lập Thánh-hiền-cách-ngôn này. Quan Tuân Nguyễn là một nhà cựu-học có tiếng trong nước, nay ngài trước là vị công-ích quốc-dân, sau là có lòng yêu bản-chí, không quản việc quan bề-bộn, dụng công biên-tập sách này, thật là có công với học-giới vậy. Bản-chí xin có lời cảm ơn ngài lắm lắm.

Bài này in một bên chữ nho, một bên quốc-ngữ, dưới chữ nho lại thích âm rõ-ràng, bên quốc-ngữ thời dịch lấy đúng nghĩa : thật là tiện-lợi cho những người nhân đây muốn học thêm Hán-tự.

N.-P.

序

我越當學界新舊
 Ngã Việt đương học giới tân cựu
 之交。漢學日少。歐
 chi giao, Hán học nhật thiểu, Âu
 學日多。有心者皆
 học nhật đa, hữu tâm giả gia,
 以保存漢學爲慮。
 dĩ bảo tồn Hán học vi lự,
 發於言論。形於報
 phát ư ngôn luận, hình ư báo
 章。屢見不一見。何
 chương, lữ kiến bất nhất kiến, hà
 諄諄然也。或者謂
 chuân chuân nhiên dã? Hoặc giả vị
 居今之世、欲謀生
 cư kim chi thế, dục mưu sinh

序

Nước Việt ta đương buổi học cũ đã
 thối, học mới đương chuộng, học chữ
 nho mỗi ngày ít đi, học chữ tây mỗi ngày
 nhiều ra, người hữu-tâm đều lo nghĩ
 giữ-gìn học chữ nho, phát ra lời bàn nói,
 đăng vào các báo-chương, thường thấy
 bàn đến sự ấy, sao phải siêng-sóc làm
 vậy? Có kẻ bảo rằng muốn sinh-lồn ở

存者。宜急講歐學。
 tôn giã, nghi cấp giảng âu học,
 乃猶以保存漢學
 nãi do dĩ bảo tồn hán học
 爲言。不亦迂乎。曰
 vi ngôn, bất diệc vu hồ? Viết
 非也。歐學固宜擴
 phi dã, âu học cố nghi khuếch
 張。而漢學亦不可
 trương, nhi hán học diệc bất khả
 缺。蓋我越乃亞東
 khuyết. Cái ngã Việt nãi Á-đông
 古國。數千年來
 nhất cổ quốc, số thiên niên lai
 精漢學以明倫理。
 ta hán-học dĩ minh luân lý.
 守秩序。自國都至
 thủ trật tự, tự quốc đô chí
 閭巷皆知敬尊長
 lư hạng, giai tri kính tôn trưởng,
 恤孤窮。好善良。惡
 tuất cô cùng, hiếu thiện lương, ố
 奸惡。此國粹也。垂
 gian ác, thử quốc túy dã. Thùy
 至今日。猶爲文明
 chí kim nhật, do vi văn minh
 富強之貴保護國
 phú cường chí qui bảo hộ quốc
 所見愛見重者亦
 sở kiến ái kiến trọng giả diệc
 惟篤此尊奉漢學
 duy ta thử tôn phụng hán học
 之一箇真心耳。今
 chi nhất cá chân tâm nhĩ. Kim
 國民見歐學能至
 quốc dân kiến Âu học năng chí
 富強。傾心慕之。慕
 phú cường, khuynh tâm mộ chí, mộ
 之誠宜矣。然僅得
 chí thành nghi hĩ, nhiên cận đắc
 歐學之皮相者其
 Âu học chí bì tướng giả kỳ
 數多。而求得其精
 số đa, nhi cầu đắc kỳ tinh
 神者其數尙少。乃
 thần giả kỳ số thượng thiểu. Nãi
 一且遽棄我數千
 nhất đán cữ khí ngã số thiên

thời-buổi này, phải nên kíp học chữ
 tây, nay còn bàn đến sự giữ gìn học
 chữ nho chẳng hóa ra vu-viên lằm ru ?
 Thưa rằng : Không phải vu-viên, học
 chữ tây vẫn nên mở mang ra, nhưng
 học chữ nho cũng không nên khuyết,
 vì nước Nam ta là một nước vẫn có
 từ-xưa ở bên Á-đông này, và nghìn năm
 nay, nhờ có học chữ nho để biết luân-
 lý, giữ trật-tự, từ kẻ chợ cho chí nhà
 quê, đều biết kính người tôn-trưởng,
 thương kẻ cô-cùng, yêu người thiện-
 lương, ghét đũa gian-ác, ấy là tục cũ
 tốt của nước nhà vậy. Đến ngày nay
 giàu mạnh văn-minh như nước Bảo-
 hộ, còn yêu và trọng cái sự tốt của
 nước mình, cũng là nhờ có cái bụng
 chân-tâm tôn-trọng đạo nho-học đó,
 mà thời nay quốc-dân ta thấy Âu-học
 giàu mạnh, dốc lòng mộ học chữ tây,
 thực là phải lằm, nhưng học chữ tây
 mới biết được dáng-dấp bề ngoài, ấy
 là phần nhiều, biết được các tinh
 thần cao-thượng còn là phần ít, thế
 mà vội bỏ cái sự tốt và nghìn năm

年 來 之 國 粹。 不 幾
 niên lai chí quốc túy, bất cơ
 忘 本 乎。 然 則 保 存
 vong bản hồ? Nhiên tắc bảo tồn
 漢 學 之 說 是 也。 非
 hàn học chi thuyết thị dã, phi
 迂 也。 然 保 存 豈 易
 vu dã. Nhiên bảo tồn khởi dĩ
 言 哉。 天 下 勢 而 已。
 ngôn tai? Thiên hạ thế nhi dĩ
 勢 重 必 趨 於 重。 今
 thế trọng tất su ư trọng, kim
 學 生 日 奔 走 於 六
 học sinh nhật bôn tẩu ư lục
 街 屋 中。 以 求 學 堂
 nhai trần trung, dĩ cầu học đường
 之 畢 業 證 紙。 皆 爲
 chi tất nghiệp chứng chỉ, giai vì
 衣 食 謀 耳。 若 尋 舊
 y thực mưu nhĩ, nhưc tìm cựu
 學 師 以 講 漢 字。 則
 học sư dĩ giảng háu tự, tắc
 將 焉 用 子。 此 歐 學
 tương yên dụng hồ? Thử âu học
 不 期 昌 而 日 昌。 漢
 bất kỳ xương nhi nhật xương, han
 學 不 期 廢 而 日 廢。
 học bất kỳ phế nhi nhật phế,
 則 勢 之 必 至 也。 保
 nhi thế chi tất tại chi dã, Bảo
 存 之 說 究 難 矣 哉。
 tồn chi thuyết tước nan hi tai,
 然 則 爲 計 當 如 何。
 Nhiên tắc, vi kê đương như hà?
 曰 保 存 之 方 不 一。
 Viết bảo tồn chi phương bất nhất
 而 足 所 爲 保 存 者。
 nhi túc sở vi bảo tồn giả
 保 存 義 理 之 學。 非
 bảo tồn nghĩa lý chi học, phi
 科 舉 之 學 也。 保 存
 khoa cử chi học dã. Bảo tồn
 是 用 之 學。 非 虛 文
 thực dụng chi học, phi hư văn
 之 學 也。 夫 以 謂 義
 chi học dã. Phủ ký vị nghĩa
 理 之 學。 是 用 之 學。
 lý chi học, thực dụng chi học,

nay của nước mình, chẳng hóa ra
 vọng - bản lăm ru ? Thế thì cái
 lời nói giữ-gìn học chữ nho là lời phải
 đó, chẳng phải là vu-viên đâu, nhưng
 giữ-gìn được khó lắm, trong thiên-hạ
 chẳng qua theo thế mạnh mà thôi, thế
 dằng nào mạnh tất đổ xô theo dằng
 ấy, nay các học-sinh ban ngày đi rầm-
 rập ở trường chốn thành-thị, để cầu
 lấy cái bằng tốt-nghiệp, cũng vì lo về
 sự y-thực mà thôi, nếu tìm các
 thầy cựu-học để học chữ nho, thời
 có dùng được việc gì ? Vì thế
 học chữ tây không kỹ nhiều mà mỗi
 ngày nhiều ra, học chữ nho không
 kỹ ít mà mỗi ngày ít đi, cũng là thế
 tất-chỉ như vậy. Sự giữ-gìn học chữ
 nho, thực khó lắm vậy, thời nên làm
 thế nào, để giữ-gìn cho được ? Thưa
 rằng cách bao-tồn không phải một điều
 mà du được, và sự giữ-gìn ấy là giữ-
 gìn sự học nghĩa-lý, không phải giữ-gìn
 lối học thi-cử, giữ-gìn sự học thực-
 dụng không phải giữ-gìn lối học hư-
 văn. Đã gọi là học nghĩa-lý, học thực

則 五 經 四 書 備 矣。
 tắc ngũ kinh tứ thư bị hi.
 凡 我 舊 學 派 宜 取
 Phạm ngã cựu học phái nghi thủ
 經 傳 正 文 而 以 國
 kinh truyện chính văn nhi dĩ quốc
 文 譯 之。 略 加 註 釋。
 văn dịch chi, lược gia chú thích,
 要 簡 約 明 白。 足 曉
 yếu giản ước minh bạch, túc hiểu
 正 文 之 意 義 則 己。
 chính văn chi ý nghĩa tắc dĩ,
 稿 成 遞 由 南 風 中
 cáo thành đệ do Nam - phong Trung-
 北 諸 報 家 閱 合 登
 bắc chư báo gia duyệt hợp đăng
 載。 俾 學 生 於 休 息
 tải, tỉ học sinh ư hưu tức
 日 讀 報 章。 便 得 聞
 nhật, đọc báo chương, tiện đắc văn
 古 聖 賢 之 所 垂 訓。
 cổ thánh hiền chi sở thủy huấn,
 興 我 祖 國 之 所 尊
 hưng ngã tổ quốc chi sở tôn
 崇。 而 平 日 我 國 民
 sùng, nhi bình nhật ngã quốc dân
 口 頭 語 所 謂 舊 學
 khẩu đầu ngữ sở vị cựu học
 者。 如 此 如 此。 果 腐
 giả, như thử như thử, quả hủ
 耶。 非 腐 耶。 迂 濶 耶
 da, phi hủ da, vu khoát da
 抑 切 寔 耶。 熟 讀 之
 ức thiết thực da, thực độc chi
 再 思 之。 學 生 可 悠
 tái tư chi, học sinh khả du
 然 心 待 矣。 此 南 風
 nhiên tâm đãi hi. Thử Nam - phong
 報 家 阮 君 伯 卓。 中
 báo gia Nguyễn quân Ba Trác, Trung-
 北 報 家 潘 君 繼 炳
 bắc báo gia Phan quân Kế Bình
 屢 以 譯 述 聖 賢 經
 li dĩ dịch thuật thánh hiền kinh
 典 爲 言。 皆 熟 心 保
 điển vi ngôn, dai nhiệt tâm bảo
 存 漢 學 之 要 話 也。
 tồn hán học chi yếu thoại dã

dụng, thời năm pho kinh, bốn pho
 truyện đã đủ cả rồi. Những các ông cựu-
 học nên đem các chính-văn trong kinh
 truyện mà dịch ra chữ quốc-ngữ và
 chua nghĩa ra cho giản-dị mà rõ-ràng,
 đủ hiểu ý-nghĩa lời chính-văn thời
 thôi, dịch xong gửi các nhà báo *Nam-
phong* và *Trung-Bắc tân-văn* xét lại
 xem có được thi đăng báo, để cho
 học-trò những khi hết giờ học, xem
 báo, được nghe lời dạy-bảo của đứng
 hành-hiền đời xưa và biết tổ-quốc
 mình xưa nay tôn-sùng nho-học và
 ngay thường những lời nói khẩu-đầu
 của quốc-dân ta thường gọi là cựu-học
 ấy là nưu thế, có thực là hủ không?
 hay không thực là hủ? có phải là dạy
 sự xa-xôi, hay là dạy những sự thiệt-
 thực? Đọc cho kỹ, nghĩ cho chín,
 tưởng các học-sinh cũng vui lòng hiểu
 được vậy, vì thế ông Nguyễn Bá-Trác
 ở báo *Nam-phong*, ông Phan Kế-Bình
 ở báo *Trung-Bắc* thường nói nên dịch
 sách nho của các thánh hiền, đều là
 lời nói cốt-yếu, có lòng sốt-sắng về

夫 經 傳 乃 聖 賢 垂
 Phù kinh truyền nãi thánh hiền thùy
 世 立 教 之 書。 字 字
 thế lập giáo chi thư. tự tự
 句 句 皆 格 言 也。 將
 cú cú giai cách ngôn dã, tương
 全 書 釋 述。 固 宜 矣。
 toàn thư dịch thuật, cố nghi hĩ,
 第 卷 帙 較 繁。 辭 旨
 đệ quyển trật hiệu phiến, từ chỉ
 微 奧。 初 學 難 於 索
 vi áo, sơ học nan ư sách
 解。 况 新 學 門 課 甚
 giải, huống tân học môn khóa thậm
 多。 其 所 留 餘 辰 刻
 đa, kỳ sở lưu dư thời khắc
 以 講 漢 字 無 幾。 經
 dĩ giảng hán tự vô kỷ, kinh
 傳 全 書 難 期 卒 讀。
 truyền toàn thư nan kỳ tốt độc,
 亦 勢 使 然 也。 且 古
 diệc thế sử nhiên dã. Thử cổ
 人 千 言 萬 語。 其 要
 nhân thiên ngôn vạn ngữ, kỳ yếu
 不 外 人 倫 日 用 之
 bất ngoại nhân luân nhật dụng chi
 常。 身 家 邦 國 之 切。
 thường, thân gia bang quốc chi thiết,
 數 大 端 而 已。 苟 求
 số đại đoan nhi dĩ, câu cầu
 其 要 焉。 則 於 漢 學
 kỳ yếu yên, tắc ư hán học
 亦 粗 窺 其 大 略 也。
 diệc thô khuy kỳ đại lược dã.
 茲 請 姑 就 經 傳 中
 Tư thỉnh cô tựu kinh truyền trung
 擇 其 簡 而 明 者 約
 trạch kỳ giản nhi minh giả ước
 而 述 之。 分 爲 幼 儀,
 nhi thuật chi, phân vi ấu nghi,
 勸 戒, 君 臣, 父 子, 夫
 khuyến giới, quân thần, phụ tử, phu
 婦, 兄 弟, 朋 友, 修 身,
 phụ, huynh đệ, bằng hữu, tu thân,
 齊 家, 治 國, 凡 十 目。
 tề gia, trị quốc, phạm thập mục,
 列 爲 十 章。 五 十 一
 liệt vi thập chương. ngũ thập nhất

sự giữ-gìn hán-học. Kinh-truyện là sách của đúng thánh-hiền dạy đời, câu nào chữ nào cũng là lời nói cách ngôn cả. Nay đem cả bộ dịch ra quốc-ngữ rất là nên lắm. Nhưng ngặt vì sách vở nhiều lắm, mà lời-lẽ ý-từ nhiều chỗ sâu-xa, kẻ mới học khó hiểu được; huống-chi chương-trình học chữ Pháp rất nhiều, có lẽ lưu một ít thời giờ để học chữ nho, nhưng không được mấy, năm pho kinh, bốn pho truyện khó lòng mà đọc hết được, cũng là thế không sao xiết được. Vả chẳng, cõ-nhân nói nghìn muôn lời chẳng qua nói những sự thường về đường luân lý và ngày thường làm ăn cùng là những sự thiết-thực, về những sự thân-gia mình, tổ-quốc mình, mấy điều lớn đó mà thôi. Nếu biết được những sự cốt-yếu ấy thời học chữ nho cũng biết đại-lược được. Nay xin hãy chọn những câu giản-dị và rõ-ràng ở trong kinh truyện, mà ước-lược ra đây, chia làm mục dạy trẻ, mục khuyên-răn, mục vua-tôi, mục cha-con, mục vợ-chồng, mục anh-em, mục bè-bạn, mục tu-thân, mục tề-gia, mục trị-quốc, mười mục chia làm mười chương, năm mươi một tiết, gọi là sách *Thánh-hiền cách-ngôn*, đều lấy những lời thiết-dụng để hiển

節。顏 曰 聖 賢 格 言。
 tiết, nhan viết thánh hiền cách ngôn.
 蓋 取 其 切 近 易 曉。
 cái thủ kỳ thiết cận dị hiểu,
 俾 便 初 學。亦 保 存
 tỉ tiện sơ học, diệc bảo tồn
 漢 學 之 一 端 也。若
 hán học chi nhất đoan dã, nhược
 求 其 詳 備。已 有 全
 cầu kỳ tường bị, dĩ hữu toàn
 書 在 矣。
 thư tại.

啓 定 六 年 六 月 十
 Khải định lục niên lục nguyệt thập
 六 日。永 安 備 撫 同
 lục nhật. Vĩnh yên bị phủ đồng
 進 士 阮 文 彬 謹 序
 tiến sĩ Nguyễn Văn Bản cẩn tự

凡 例。— Phàm-lệ

一 書 中 凡 十 目 分
 Nhất thư trung phàm thập mục phân
 爲 十 章。五 十 一 節。
 vi thập chương, ngũ thập nhất tiết,
 以 便 日 課。
 dĩ tiện nhật khóa.

一 漢 字 均 譯 出 國 語。
 Nhất hán tự quân dịch xuất quốc ngữ.

一 書 中 皆 取 經 傳
 Nhất thư trung dai thủ kinh truyện
 正 文。或 取 全 章。或
 chính văn, hoặc thủ toàn chương, hoặc
 一 節。或 一 二 句。各
 nhất tiết, hoặc nhất nhị cú, các
 隨 其 目。編 次 成 之。
 tùy kỳ mục, biên thứ thành chi.

一 書 中 音 義 皆 從
 Nhất thư trung âm nghĩa dai tông
 經 傳 原 本。其 註 釋
 kinh truyện nguyên bản, kỳ chú thích
 略 取 集 傳 一 二 字
 lược thủ tập truyện nhất nhị tự
 解 之。取 達 意 義 而 已。
 giải chi, thủ đạt ý nghĩa nhi dĩ.

cho tiện kẻ sơ-học xem, cũng là một
 sự giữ-gìn hán-học; nhược bằng muốn
 cho biết rõ và đủ, thời đã có các pho
 kinh truyện toàn-bộ.

Ngày mười sáu tháng sáu năm Khải-
 định thứ sáu.

Vĩnh-yên Tuần-phủ đồng-tiến-sĩ

NGUYỄN VĂN-BẢN tự

Những lệ trong sách

Sách này gồm 10 mục, chia làm 10
 chương, 51 tiết, cho tiện dạy từng buổi.

Chữ nho đều dịch ra chữ quốc-ngữ.

Sách này lấy những câu chính-văn
 trong kinh truyện, hoặc lấy cả chương,
 hoặc lấy một tiết, hoặc lấy một hai câu
 tùy từng mục biên-chép lại, thành
 quyển này.

Âm nghĩa sách này đều theo bản
 sách kinh truyện cũ, còn những chữ
 chưa là tóm lấy một hai chữ trong tập
 truyện để giải nghĩa, cốt hiểu đợc ý
 nghĩa thời thôi.

一 何 句 義 明 白
 Nhất hà cù nghĩa minh bạch
 易 曉。 則 併 數 節 合
 dị hiểu, tắc tnh số tiết hợp
 解 以 歸 省 約。
 giải dĩ qui tỉnh ước.

目 錄

第 一 章

幼 儀。— *Ấu nghi*

自 一 節 至 三 節
 Tự nhất tiết chí tam tiết

第 二 章

勸 戒。— *Khuyến giới*

自 四 節 至 七 節
 Tự tứ tiết chí thất tiết

第 三 章

君 臣。— *Quân thần*

自 八 節 至 十 三 節
 Tự bát tiết chí thập tam tiết

第 四 章

父 子。— *Phụ tử*

自 十 四 至 十 九 節
 Tự thập tứ chí thập cửu tiết

第 五 章

夫 婦。— *Phu phụ*

自 二 十 至 二 十 三 節
 Tự nhị thập chí nhị thập tam tiết

第 六 章

兄 弟。— *Huynh đệ*

自 二 十 四 至 二 十 七 節
 Tự nhị thập tứ chí nhị thập thất tiết

Hê câu nào nghĩa rõ-ràng thời đề
 gồm cả vài tiết giải nghĩa làm một cho
 tỉnh-ước.

MỤC-LỤC

Chương thứ I

Phép dạy trẻ.

Từ tiết thứ 1 đến tiết thứ 3.

Chương thứ II

Khuyên-răn

Từ tiết thứ 4 đến tiết thứ 7.

Chương thứ III

Vua tôi

Từ tiết thứ 8 đến tiết thứ 13.

Chương thứ IV

Cha con

Từ tiết thứ 14 đến tiết thứ 19.

Chương thứ V

Vợ chồng

Từ tiết thứ 20 đến tiết thứ 23.

Chương thứ VI

Anh em

Từ tiết thứ 24 đến tiết thứ 27.

第七 章

朋友。— Bằng hữu

自二十八至三十二節
Tự nhị thập bát chí tam thập nhị tiết

第八 章

修身。— Tu thân

自三十三至三十七節
Tự tam thập tam chí tam thập thất tiết

第九 章

齊家。— Tề gia

自三十八至四十節
Tự tam thập bát chí tứ thập tiết

第十 章

治國。— Trị quốc

自四十一至五十一節
Tự tứ thập nhất chí ngũ thập nhất tiết

第一 章

幼儀。— Ấu nghi

第一 節

禮曰。幼子常示毋
Lễ viết: Ấu tử thường thị vô誑。〔言教以正道。不
cưỡng, (ngôn giáo dĩ chính đạo, bất
習欺詐)。
lập khi trá),禮曰。子生三月。父
Lễ viết: Tử sinh tam nguyệt, phụ執子之右手而名
chấp tử chi hữu thủ nhi danh
之。子能食教以右
chi; tử năng thực giáo dĩ hữu
手。六年教以數。〔十
thủ; lục niên giáo dĩ số (thập
百千萬) 與方名 (東
bách thiên vạn) dĩ phương danh (đông
西南北)。八年出入
tây nam bắc); bát niên xuất nhập

Chương thứ VII

Bè bạn

Từ tiết thứ 28 đến tiết thứ 32.

Chương thứ VIII

Sửa mình

Từ tiết thứ 33 đến tiết thứ 37.

Chương thứ IX

Tề gia

Từ tiết thứ 38 đến tiết thứ 40

Chương thứ X

Trị nước

Từ tiết thứ 41 đến tiết thứ 51.

CHƯƠNG THỨ I

Phép dạy trẻ

TIẾT THỨ 1

Kinh Lễ nói rằng: «Trẻ con thường phải dạy bảo nó chớ nói dối.» (Đây là nói dạy lấy sự ngay-thẳng, không tập dối-trá.)

Kinh Lễ nói rằng: «Con sinh được ba tháng, cha cầm tay phải con mà đặt tên cho con; con biết ăn cơm, dạy lấy tay phải cầm đũa; lên sáu tuổi dạy đếm số mục (như mười, trăm, nghìn, vạn), cùng tên bốn phương (như đông, tây, nam, bắc); lên tám tuổi, đi ra đi vào các cửa

門戶。及卽席飲食。
 môn hộ, cập tức tịch ẩm thực.
 必後長者。始教之。
 tất hậu trưởng giả, thủy giáo chi
 讓。九年教之數日。
 nhượng; cửu niên giáo chi số nhật
 (朔望六甲)。十年出
 (sóc vọng lục giáp); thập niên xuất
 就外傅學書(六書)
 tựu ngoại phó học thư (lục thư)
 計(數計)學幼儀。十
 kế (số kê), học ấu nghi; thập
 三年學樂誦詩。學
 tam niên học nhạc tụng thi, học
 射御。二十而冠。始
 xạ ngự; nhị thập nhi quán, thủy
 學禮。惇行。孝悌。女
 học lễ, đôn hạnh, hiếu đễ. nữ
 子十年不出姆教
 tử thập niên bất xuất mẫu giáo
 (女師)。婉婉(柔順)。聽
 (nữ sư, uyển miển (nhu thuận), thính
 從。治絲繭。學女事
 tông, trị ti kiến, học nữ sự
 以供衣服。十五年
 dĩ cung y phục; thập ngũ niên
 而笄。二十而嫁。
 nhi kê; nhị thập nhi giá,
 (言男女生。父母盡
 ngôn nam nữ sinh, phụ mẫu tận
 心教育使之成立也。
 tâm giáo dục sử chi thành lập dã.)

第二節

禮曰。凡爲人子之
 Lễ viết: Phạm vi nhân tử chi
 禮。冬溫而夏凜。昏
 lễ, đông ôn nhi hạ sảng, hôn
 定而晨省。
 định nhi thần tỉnh.
 禮曰。爲人子。出必
 Lễ viết: Vi nhân tử, xuất tất
 告。反必面。(省顏色)。
 cáo, phản tất diện, (tỉnh nhan sắc).
 所遊必有常。所習
 sở du tất hữu thường, sở tập
 必有業。
 tất hữu nghiệp.

ngõ, hay là ngồi vào chiếu cùng ăn uống, tất phải sau người đàn anh, mới dạy cho biết điều nhường ; lên chín tuổi, dạy đếm ngày (như ngày sóc, ngày vọng, cùng sáu ngày giáp (1) ; lên mười tuổi, cho ra học quan ngoại-phó, để học viết (sáu phép viết học tính, học ấu-nghi ; mười ba tuổi, học nhạc, học thơ, học bắn nỏ, cưỡi ngựa ; hai mươi tuổi dôi mũ, mới học lễ, sửa tính nết, hiếu-thảo với cha mẹ, thuận-hòa với anh em. Con gái lên mười tuổi, còn theo học bà giáo dạy lối dụ-dàng, nghe theo, học ươm tơ kén, học việc canh-cửi, để làm áo mặc; mườilăm tuổi, lấy cái trâm cài tóc; hai mươi tuổi thì gả chồng. »

(Đây là nói con trai con gái sinh ra, cha mẹ hết lòng dạy bảo khiến cho được thành-lập).

TIẾT THỨ 2

Kinh Lễ nói rằng : « Hễ làm người con phải lo sửa soạn cho cha mẹ, mùa đông được ấm, mùa hè được mát, tối dọn chỗ cho cha mẹ nghỉ, sáng lại thăm cha mẹ có được yên không. »

Kinh Lễ rằng : « Đạo làm con khi đi rangòai phải trình cho cha mẹ biết, khi trở về vào thăm xem nhan-sắc cha mẹ có được như thường không. Đi chơi đâu phải có chốn thường chơi, tập làm nghề nghiệp gì phải có nghề nghiệp nấy cho cha mẹ biết. »

(1) Sáu ngày giáp là giáp-ti, giáp-dần, giáp-thìn, giáp-ngọ, giáp-thân, giáp-tuất.

禮曰。爲人子者。聽
 Lẽ viết: Vì nhân tử giả, tính
 於無聲。視於無形。
 ư vô thanh, thị ư vô hình,
 不苟訾。(近於讒)。不
 ất câu suy, (cận ư sàm), bất
 苟笑。(近於諂)。懼辱
 câu tiếu, (cận ư siểm), cụ nhục
 親也。
 thân dã.

禮曰。足容重。手容
 Lẽ viết: Túc dung trọng, thủ dung
 恭。目容端。口容止。
 cung, mục dung đoan, khẩu dung chỉ,
 聲容淨。頭容直。氣
 thanh dung tễnh, đầu dung trực, khí
 容肅。立容德。色容
 dung túc, lập dung đức, sắc dung
 莊。(言不可使一毫
 trang. (Ngôn bất khả sử nhất hào
 怠惰之氣加於身)
 đãi đoạ chi khí gia ư thân).

禮曰。凡三王教世
 Lẽ viết: Phạm tam vương giáo thế
 子。必以禮樂。立太
 tử, tất dĩ lễ nhạc, lập thái
 傅少傅。欲其知父
 phó thiếu phó, giục kỳ tri phụ
 子君臣之道也。
 tử quân thần chi đạo dã.

第三節

孔子曰。弟子入則
 Khổng tử viết: Đệ tử nhập tắc
 孝。出則悌。謹而信。
 hiếu, xuất tắc đễ, cẩn nhi tín,
 汎愛衆而親仁。(仁
 phiếm ái chúng nhi thân nhân, (nhân
 者)。行有餘力。則以
 giả), hành hữu dư lực, tắc dĩ
 學文。(詩書六藝之文)。
 học văn, (thi thư lục nghệ chi văn).

第二章

勸戒。— Khuyên-giới

第四節

書曰。天道福善禍
 Thư viết: Thiên đạo phúc thiện họa
 淫。
 pâm.

Kinh Lễ rằng: « Đạo làm con phải
 nghe từ lúc chưa có tiếng, phải trông
 từ lúc chưa có hình, chẳng cầu-thả
 chê gièm ai, chẳng cầu-thả cười nịnh ai,
 vì rằng sợ nhục đến cha mẹ. »

Kinh Lễ rằng: « Chân đi lại phải
 chắc-chắn, tay cất-nhấc phải cung-
 kính, mắt trông phải ngay thẳng,
 miệng nói phải giữ-gìn, tiếng nói phải
 khoan-thai, đầu phải cho thẳng, khí
 phải cho nghiêm, dáng đứng phải ngay-
 ngắn, nét mặt phải nghiêm-trang. » (Đây
 nói đừng nên để một chút lơì biếng
 nào hình ra ở thân mình.)

Kinh Lễ rằng: « Suốt cả ba đời Vương
 dạy con vua tất dạy lấy lễ-nhạc, đặt
 ra quan Thái-phó Thiếu-phó là muốn
 cho biết đạo cha-con vua-tôi vậy. »

TIẾT THỨ 3

Đức-thánh Khổng rằng: « Kể học trò,
 khi vào trong nhà thời hiếu-thảo với
 cha-mẹ, khi ra ngoài thời thuận-hòa
 với kẻ đàn anh, cẩn-thận và tin-thực,
 rộng yêu kẻ chúng và gần với người
 nhân-tử, tập làm những điều ở trên,
 hễ khi nào rỗi thời học sách-vở và lễ-
 nhạc cùng bắn súng, cưỡi ngựa, viết,
 tính. »

CHƯƠNG THỨ II

Khuyên-răn

TIẾT THỨ 4

Kinh Thư rằng: « Đạo trời giáng phúc
 cho người thiện, gieo vạ cho kẻ dâm. »

書曰。惟上帝不常。
 Thư viết: Duy thượng đế bất thường,
 作善降之百祥。作
 tác thiện giáng chi bách tường, tác
 不善降之百殃。(災
 bất thiện giáng chi bách ương, (tai
 殃)。
 ương).

易曰。積善之家。必
 Dịch viết: Tích thiện chi gia, tất
 有餘慶。積不善之
 hữu dư khương, tích bất thiện chi
 家。必有餘殃。
 gia, tất hữu dư ương.

易繫辭曰。善不積
 Dịch Hệ từ viết: Thiện bất tích
 不足以成名。惡不
 bất túc dĩ thành danh, ác bất
 積不足以滅身。小
 tích bất túc dĩ diệt thân, tiểu
 人以小善為無益
 nhân dĩ tiểu thiện vi vô ích
 而弗為也。以小惡
 nhi phất vi dã, dĩ tiểu ác
 為無傷而弗去也。
 vi vô thương, nhi phất khứ dã,
 故惡積而不可掩。
 cố ác tích nhi bất khả yếm,
 罪大而不可解。
 tội đại nhi bất khả giải.

第五節

易曰。君子居其室。
 Dịch viết: Quân tử cư kỳ thất,
 出其言善。則千里
 xuất kỳ ngôn thiện, tắc thiên lý
 之外應之。况其邇
 chi ngoại ứng chi, huống kỳ nhĩ
 者乎。居其室。出其
 giả hồ, cư kỳ thất, xuất kỳ
 言不善。則千里之
 ngôn bất thiện, tắc thiên lý chi
 外違之。况其邇者
 ngoại vi chí, huống kỳ nhĩ giả
 乎。言出乎身。加乎
 hồ, ngôn xuất hồ thân gia hồ
 民。行發乎邇。見乎
 dân, hành phát hồ nhĩ, hiện hồ
 遠。言行君子之樞
 viễn, ngôn hành quân tử chi khu

Kinh-thư rằng : « Duy có ông trời
 chẳng thường, ai làm sự lành hiền, thì
 trời ban xuống cho trăm phúc, ai làm
 sự chẳng lành thì trời giáng xuống
 cho trăm điều tai-hại. »

Kinh - Dịch rằng : « Nhà nào làm
 nhiều sự lành hẳn có phúc thừa ; nhà
 nào làm nhiều sự chẳng lành, hẳn có
 tai-hại thừa. »

Lời Hệ-từ kinh Dịch rằng : « Làm
 sự lành chẳng tích - lũy nhiều,
 chẳng đủ nên danh-tiếng ; làm sự ác
 chẳng tích-lũy nhiều, chẳng đủ hại
 thân mình ; kẻ tiểu-nhân lấy điều thiện
 nhỏ cho là vô-ích mà chẳng chịu làm,
 lấy điều ác nhỏ cho là không hại gì
 mà chẳng cải bỏ, vì vậy điều ác chưa
 chắc chẳng giấu được, tội lớn chẳng
 giải thoát được. »

TIẾT THỨ 5

Kinh Dịch rằng : « Người quân-tử ở
 trong nhà, nói một lời phải lẽ, thì dẫu
 xa ngoài nghìn dặm, người ta cũng
 theo, hưởng chi ở chỗ gần ; ở trong
 nhà, nói một lời trái lẽ, thời dẫu xa
 ngoài nghìn dặm, người ta cũng trái
 lại, hưởng chi chỗ gần. Lời nói phát
 do ở miệng mình, mà nó truyền ra
 dân ; việc làm phát ra chỗ gần, mà nó
 hiện ra ngoài xa, lời nói và công việc
 làm là cái then máy của người quân-tử

機。樞 機 之 發。榮 辱
 cơ, khu cơ chi phát, vinh nhục
 之 主 也。言 行 君 子
 chi chủ dã, ngôn hạnh quân tử
 之 所 以 動 天 地 也。
 chi sở dĩ động thiên địa dã,
 可 不 慎 乎。(君 子 慎
 khả bất thận hồ, (quân tử thận
 言 行)。
 ngôn hạnh).

第 六 節

書 曰。先 王 制 官 刑
 Thư viết: Tiên vương chế quan hình
 敝 于 有 位 曰。敢 有
 cãnh vu hữu vị viết: Cãnh hữu
 恆 舞 于 宮。酣 歌 于
 hằng vũ vu cung, hàm ca vu
 室。時 謂 巫 風。(巫 覡)。
 thất, thời vị vu phong, (vu nghiễn),
 敢 有 殉 于 貨 色。恆
 cãnh hữu tuẫn vu hóa sắc, hằng
 于 遊 畋。時 謂 淫 風。
 vu du điền, thời vị dâm phong,
 敢 有 侮 聖 言。逆 忠
 cãnh hữu vũ thánh ngôn, nghịch trung
 直。遠 耆 德。比 頑 童。
 trực, viễn kỳ đức, tỉ ngoan đồng,
 時 謂 亂 風。惟 茲 三
 thời vị loạn phong, duy tư tam
 風 十 愆。卿 士 有
 phong thập khiên, khanh sĩ hữu nhất
 于 身。家 必 喪。邦 君
 vu thân, gia tất táng, bang quân
 有 一 于 身。國 必 亡。
 hữu nhất vu thân, quốc tất vong.

第 七 節

易 曰。天 道 虧 盈 而
 Dịch viết: Thiên đạo khuỵ doanh nhi
 益 謙。地 道 變 盈 而
 ích khiêm, địa đạo biến doanh nhi
 流 謙。鬼 神 害 盈 而
 lưu khiêm, quỷ thần hại doanh nhi
 福 謙。人 道 惡 盈 而
 phúc khiêm, nhân đạo ố doanh nhi
 好 謙。謙 尊 而 光。卑
 hiếu khiêm, khiêm tôn nhi quang, ti

đó, cái then máy phát ra, là cái cốt làm
 ra vinh ra nhục đó vậy. Lời nói và
 công việc làm, người quân - tử lấy
 hai cái ấy để cảm - động trời đất
 vậy, khá chẳng cần-thận rư!» (Đây là
 nói người quân-tử cần-thận lời nói và
 việc làm).

TIẾT THỨ 6

Kinh Thư rằng: «Tiên-vương chế ra
 phép-tắc ở chốn quan-phủ, để răn
 bảo những người có chức-vị rằng: «Hễ
 ai dám thường múa trong cung, say
 rượu hát ở trong nhà, ấy gọi là thói
 vu-cổ (đồng-cốt); ai dám tham của-
 cải và sắc đẹp, thường thường đi chơi
 đi săn, ấy gọi là thói dâm-dật; ai dám
 khinh rẻ lời nói của thánh-nhân, trái
 lời nói trung-trực, xa người già-cả có
 đức hiền, gần kẻ trẻ tuổi ngoan ngược,
 ấy gọi là thói loạn, duy có ba thói ấy
 thành ra 10 điều trái lỗi. Hễ các quan
 Khanh quan Sĩ ai có một điều nào
 trong mình, thì nhà ông ấy tất phải
 hỏng mất; các vua chư-hầu ai có một
 điều nào trong mình, thì nước tất
 phải mất.»

TIẾT THỨ 7

Kinh Dịch rằng: «Đạo trời hay tồn
 chỗ đầy phụ thêm chỗ thấp; đạo đất
 hay biến đổi chỗ đầy mà chảy
 xuống chỗ chững; quỷ-thần hay hại
 kẻ kiêu-doanh mà giáng phúc cho kẻ
 khiêm-tốn; đạo người ghét kẻ kiêu-
 doanh mà yêu người khiêm-tốn, hễ
 đã khiêm thời ở ngôi cao, đức mình

而不可踰。君子之
 nhi bất khả du, quân tử chi
 終也。
 chung dã.

(言人能謙則居尊
 (Ngôn nhân năng khiêm tắc cư tôn
 者德愈光。居卑者
 giả đức dĩ quang, cư ti giả
 人莫能過。君子所
 nhân mạc năng quá, quân tử sở
 以有終也。
 dĩ hữu chung dã.)

孔子曰。君子有三
 Khổng tử viết: Quân tử hữu tam
 戒。少之辰。血氣未
 giới, thiếu chi thời, huyết khí vị
 定。戒之在色。及其
 định, giới chi tại sắc, cập kỳ
 壯也。血氣方剛。戒
 tráng dã, huyết khí phương cường, giới
 之在鬪。及其老也。
 chi tại đấu, cập kỳ lão dã,
 血氣既衰。戒之在得。
 huyết khí ký suy giới chi tại đắc.

càng thêm sáng, nếu ở ngôi thấp, người ta cũng chẳng ai khinh vượt được. Người quân-tử vì có đức khiêm ấy nên được trọn vẹn tốt-lành. »

(Là nói rằng người ta giữ được khiêm, thời ở ngôi cao đức lại càng sáng, ở ngôi thấp cũng không ai vượt qua được; cho nên người quân-tử được trọn vẹn).

Đức thánh Khổng rằng: « Người quân-tử có ba điều răn: Lúc hãy còn ít tuổi, huyết-khí chưa định, thì phải răn về sự sắc đẹp; đến khi lớn mạnh, huyết-khí đ. rong hăng, thì phải răn sự hay đánh nhau; đến lúc già, huyết-khí đã suy, thì phải răn ở sự tham được của người ta. »

(Còn nữa)

Tiến-sĩ NGUYỄN VĂN-BÀN
 Tuần-phủ Vĩnh-yên.

KHÔNG - GIÁO - LUẬN

Đời này là đời thế-giới đại-đồng. Tuy người trong bốn bề chưa được hẳn như lời thánh-nhân dạy, biết coi nhau như anh em, nhưng mà những bậc trí-thức trong thiên-hạ, dầu khác đời, khác nước, khác giống, khác nòi, cũng đã biết hiểu nhau, cảm nhau, và những lẽ phải giữa đời, dù ở Đông-phương mà ra hay Tây-phương mà lại, không còn ai có bụng thiên mà không chịu công-nhận. Ngày nay các hiền-triết của Thái-Tây, người phương Đông ta đã biết trọng; bậc Thánh-nhân của Đông-Á ta, người Tây cũng biết kính. Cứ theo công-lệ tiến-hóa, sự tiến-hóa bao giờ cũng bắt đầu tự người trên, rồi dần-dần xuống người dưới, thời ngày nay những người thượng-lưu trong thiên-hạ đã có cái tư-tưởng đại-đồng như thế, chắc mai sau cũng sẽ có ngày các dân-tộc không đến nỗi hiềm-thù ghen-ghét nhau như bây giờ nữa. Đó là một sự mong-mỏi chung của những người có bụng với đời vậy.

Ngày ấy xa gần thế nào, bây giờ chưa thể biết được. Nhưng nhờ sự học-vấn mỗi ngày một rộng một thâm, người Đông-phương với người Tây-phương mỗi ngày một an-hiểu nhau hơn, chắc cũng có lợi cho sự tiến-hóa chung được nhiều vậy.

Gần đây các học-giả Âu-châu dụng công nghiên-cứu về văn-minh học-thuật của Á-đông nhiều lắm. Thường đọc sách-vở của các nhà ấy, thấy nhiều người thật là có lòng cảm-phục những bậc hiền-triết của Đông-phương ta. Trong Nam-phong này trước đã có dịch một bài luận về Không-phu-tử của ông Bác-sĩ CHAVANNES (ông học chữ nho thâm lắm, mới mất được vài năm nay) ⁽¹⁾. Mới đây lại được đọc một quyển sách của ông giáo HOVELAQUE nói về nước Tàu, mới xuất-bản cuối năm ngoái, trong sách có một bài luận về Không-giáo hay lắm, xin lược-dịch ra đây để cống-hiến các ngài trong học-giới. Đọc bài này thì biết người Âu-châu đã hiểu rõ, đã cảm-phục cái tinh-thần cũ của phương ta biết bao nhiêu. Người phương Tây còn biết thế, huống người nước mình sống bởi cái tinh-thần ấy, há lại không nên chuộng sao? Nhất là các hàng tân-học trong nước, vì khinh-bỏ chữ nho, không biết đâu mà dò xét các cổ-diễn trong nước nữa, thật cũng đáng tiếc lắm vậy?

T.-C.

* * *

Nước Tàu sở dĩ là nước Tàu là nhờ có một cái cổ-diễn rất là trường-tận, rất là kỹ-càng, làm luật-phép cho cả mọi người trong nước phải theo, và phạm chế-độ, chính-thể, lễ-giáo, phong-tục trong nước, đều do đây mà ra cả. Cái cổ-diễn ấy không phải nhờ đến thần-quyền làm thưởng-phạt, và từ thượng - cổ đến giờ không hề thay đổi gì cả. Hiện nay vẫn còn là cái nền cái gốc rất vững-vàng bền-chặt, không chuyển - động di - dịch, cho sự sinh-hoạt cả dân Tàu. Đời nọ qua đời kia, cái nghĩa lớn vẫn y-nhiên, duy cách giải-thích, cách ứng-dụng có khác nhau một đôi tí mà thôi: chính Không-phu-tử là người đại-biểu rất rạch-rõ của cái cổ-diễn ấy, tự mình cũng không từng đổi mới gì cả. Chính gốc đạo của ngài là ở lòng tôn-cổ, ngài tin rằng phạm những lễ-phép của cổ-nhân đã đặt ra là rất mực khôn-ngoan, rất mực tốt-đẹp, người đời sau chỉ nên theo đúng như thế mà ăn-ở. Cả đạo-học ngài, cả thân-thể ngài, chẳng qua là một bài chú-thích, một bài chứng-minh cho những phép-tắc luân - lý của người trước đã đặt ra tự bao-giờ đến giờ.

Thời-đại ngài sống (tự năm 551 đến năm 479 trước Gia-tô) có thể cho là cái

trình-độ thứ nhì trên đường tiến-hóa của dân Tàu. Trình-độ thứ nhất là buổi mới đặt ra phép-tắc; trình-độ thứ nhì này là buổi những phép - tắc ấy mới thật là thành - hình. Không-phu - tử chẳng qua là chắt-lọc những tư-tưởng của tiên-nhân mà giải-thích cho người đời hiểu rõ. Ngài tự đem mình làm gương, ngài tự tóm-tắt cái đạo khôn-ngoan của người trước thành những câu cách-ngôn rất giản-dị và rất rõ-ràng, đề dạy cho kẻ đồng-bào biết cách ăn-ở trên đời thế nào là hay là tốt, khác nào như soạn cho cả quốc-dân một bộ giáo-khoa luân-lý vừa vắn-tắt, vừa tiện-dùng vậy. Ngài là cái tiếng nói, ngài là cái lương-tâm của nước Tàu tự mấy mươi đời về trước đến bấy giờ mới cất tiếng lên, mới rõ-rệt ra vậy. Đến đời sau vua nhà Tần đốt sách, muốn tiệt hết những dấu-vết đời trước, mà không thể làm tắt được cái tiếng của ngài, tiếng ấy thành như cái tiếng của thiên-cổ về trước truyền cho thiên-cổ về sau, thành một ông thần cả nước Tàu muôn đời thờ phụng, vì trong các sách bị đốt, duy có sách ngài là giữ được. Nhân đó ngài thành một ông thầy học tuyệt-luân, ông Thánh-su của cả một dân-tộc vậy. Một người

(1) Xem Nam-phong, số 13 (Juillet 1918), trang 4-15.

oai-đức không kém gì một ông thần ông thánh, khiến cho cả một dân một nước phải nghe theo, chắc hẳn là một bậc thiên-tài. Nhưng mà ngài sở dĩ trở nên thế, chỉ là bởi ngài ưa lẽ phải (chăng, mền điều trung - chính, có bụng về luân-thường, về thế-đạo. Đạo ngài không có gì là huyền-bí, không có gì là mờ-đục như các tôn-giáo khác. Đạo ngài là nhân-đạo, không phải là thần-đạo, lấy tri-tuệ làm tiêu-chuẩn, lấy xã-hội làm mục-đích; theo đạo ngài thời cái đức lớn ở đời không phải là lòng sùng-bái một vị thần xa-xôi tịch-mịch ở đâu đâu, chính là lòng yêu-mến kẻ đồng-loại ở ngay quanh mình. Không có gì là siêu-việt, không có gì là thần-bí cả. Ngài lấy rằng ở đời chỉ có người ta mà thôi; làm người phải tận-tụy với kẻ đồng-loại mình, chớ không phải phụng-sự một vị thần-linh nào: ngoài cái đạo làm người, không còn có tôn-giáo nào nữa; cái cứu-cánh của đời người chỉ là sống làm người thế nào cho được điều-hòa êm-ái. — Ngài bảo học-trò rằng: « Chưa biết sự sống là gì, nói đến sự chết làm chi? » — Lại dạy rằng: « Không nên tin những đạo dị-doan » — Lại dạy rằng: « Người ta không cần phải bận lòng về việc lai-sinh: không phải thờ phụng, không phải cầu-khẩn ông thần nào. » — Lại nói rằng: « Cứ sống làm người cho phải đạo, ấy là cầu-nguyện thân-minh đó. » « Cứ ăn-ở cho phải đạo, không cần phải cầu-nguyện gì. Người quân-tử chỉ nguyện ăn-ở cho phải đạo mà thôi. Người nào ăn-ở tốt thời không phải sợ trời, không phải sợ người, không phải sợ mình. Họa phúc là ở việc làm xấu hay tốt mà thôi. »

Muốn hiểu cho rõ tôn-chỉ của đạo Khổng mà chỉ trích ra những lời cách-ngôn của Khổng-phu-tử như trên, chắc là không đủ mà hiểu được, vì làm thế tựa-hồ như coi Khổng-giáo là một bài luân-lý thực-nghiệm

mà thôi. Đạo Khổng không phải thế mà thôi, đạo Khổng còn hay hơn nữa. Đạo Khổng là đem cái chính-lý của người ta mà ứng-dụng ra việc đời, là quyết-đoán rằng đâu thuộc về tinn-tinh cũng duy chỉ có một chữ « lý » (*la raison*) là đủ làm hướng-đạo cho người, không đến nỗi sai-lầm cho lắm. Cứ đó thời Khổng-phu-tử cũng là thuộc vào một giòng các bậc hiền-triết cổ của Hi-lạp, như SOCRATE, ARISTOTE, EPICURE, SÉNÈQUE; lại về cận-dại thời có giống như lũ các ông MONTAIGNE, DESCARTES, LOCKE, MONTESQUIEU, VOLTAIRE, GOETHE, AUGUSTE COMTE, là những tay cự - phách trong phái triết-học duy-lý của Âu-châu. Nhưng mà Phu-tử tuy trọng lý, mà cũng biết trọng tình, ngài có cái cảm-tinh rất là tinh-nhuệ, cảm-tinh ấy chính là lòng bác-ái. Chính ngài xướng lên trước nhất câu: « Việc gì tự mình không muốn, chớ làm cho người; việc gì tự mình mình muốn, nên làm cho người. » — Lại câu: « Người ta trong bốn bề, đều là anh em cả. »

Những lời nói của Thánh-nhân, không thể kể cho hết được. Lời nào cũng có cái ý-nghĩa ngay-thẳng và đầy-đủ như thế cả. Lời nào cũng là những lời cao-thượng khôn-ngoa, và lời nào cũng là những lời nhân-tử dung-thứ cả. Học-trò ngài nói tóm đạo ngài bằng một câu này: « Đạo Phu-tử ta chỉ gồm ở hai chữ *trung, thứ* mà thôi, đối với mình *trung*, đối với người *thứ*, thật là đúng lắm. Lại giọng ngài nói ôn-hòa và khiêm-tốn biết bao nhiêu! Ngài thường nói: « Người quân-tử không vì thiên-hạ không biết đến mình mà buồn. Chỉ buồn vì mình không biết người ta mà thôi. » Lại nói: « Người quân-tử không vì người nói ác mà bỏ lời nói phải. » Lại có câu: « Tôi đã biết gì chưa? Tôi thật chưa biết gì. Nhưng mà gặp người hỏi tôi điều gì, người ấy đâu rất ngu hèn, tôi

cũng cùng người bàn lẽ, không dám sót gì». Ngài không những là một nhà luân lý sành sỏi, có bụng bác-ái nhân-tử, ngài lại là một nhà tâm lý rất tinh nữa. Như có câu nói rằng : « Lúc nghèo khó giữ được khỏi căm-hờn lại khó hơn lúc phú-quí giữ được khỏi kiêu-căng. » Ngài rất mực khôn-ngoaan mà cũng rất mực thông-tuệ. Chính ngài đã nói trước nhất câu này : « Cái gì biết, biết rằng mình biết ; cái gì không biết, biết mình không biết ; thế mới thật là biết. » Tưởng lời ông SOCRATE nói cũng không mấy câu được thâm-trầm như thế. Ngay ngày nay được mấy người là hiểu rõ câu ấy? Còn bao nhiêu năm, bao nhiêu đời nữa, nhân-loại mới thực-hành được cái câu cách-ngôn của người Tàu ấy đã xướng lên từ hai-mươi-lăm thế-kỷ đến giờ ?

✓ Theo ý ngài, sự học chân-chính là học để sửa mình. Người quân-tử học sửa mình, không phải là mong ở trời giúp, nhưng là học trong khi giao-tiếp với người đời ; cũng không phải là trầm - tư mặc-lưỡng một mình, chính là xem-xét những kẻ đồng-loại ; vì cái chi-đạo là đạo ở đời, người ta có thành đạo ấy mới thật là người. Ngài nói : « Có ba cái đức ở đời : một là cần - thận mà sáng - suốt, hai là thương yêu đủ mọi người, ba là bền lòng mà vững chí ; ba đức ấy khác nào như cái cửa ngõ cho người ta vào đường chính-đạo vậy. Người ta phải sửa mình cho hoàn-toàn mới mong làm được trọn đạo. » Ông EPICTETE nước Hi-lạp, ông MARC-AURELE nước La-mã, dễ không cảm cái giá-trị làm người, quyền tự-do người ta, bằng ngài ; như ngài có câu rằng : « Có thể bắt ông tướng bỏ quân được, nhưng không thể bắt người tã bỏ lòng theo đạo ».

Mà trong khi rốc lòng theo đạo ấy, không có một chút tự-kỷ gì, không có kiêu-căng, không có cứng-cỏi, không

có khắc-khở, không có lạnh-nhạt, bao giờ cũng vui-vẻ ôn-hòa, ứng-dung êm-ái ; bao giờ cũng tiêm-tất mà vẫn cao-thượng. Tức là sự hành-động tự-nhiên của một người chính-phân quân-tử, lại là một người nho-nhã phong-lưu. Đạo này không có biết người ầu-sĩ cô-dộc, khinh đời mà cố lánh cho xa đời. Khổng-phu-tử cho ghét đời là hèn, khinh đời là đại. Người ta đã sinh ra đời phải cùng sống với người đời, coi như anh em, giúp cho thành đạo. Dầu người đời có khờ-dại, cũng không nên quá trách-bị. Chính người quân-tử sinh ra cũng chưa được hoàn - toàn, và suốt đời thường cũng còn chỗ khuyết điểm. Không nên cậy mình là đã biết cả, cũng không nên tự-cao là đạo mình mới. Không có đạo gì là đạo mới cả, duy chỉ có cái gương xử-thế của các bậc hiền-nhân quân-tử đời xưa đời nay bày ra cho mình bắt-chước mà noi theo mà thôi. Ngài nói rằng : « Ta không phải là người sinh ra đã biết. Ta là người yêu-mến cồ-nhân, muốn noi học cho bằng cồ-nhân. » Học trò ngài nói rằng : « Phu-tử ta có bốn điều không mắc : không có tự-ý, không có quyết-bản, không có cố-chấp, không có tự-kỷ. » Có thể nói thêm rằng Phu-tử ở đời cũng không có mong-mỏi hảo, không có thương-tiếc hoài, không lo mà cũng không sợ, không có bị hoặc những sự mơ-màng. Lão-tử có câu nói rằng : « Người làm ác cho mình, mình phải làm lành cho người. » Phu-tử đối lại : « Thế người làm lành cho mình thì mình trả lại làm sao ? » « Người ta làm lành, phải làm lành lại ; người ở ác phải nèn ở lại cho công-bình. » Công-bình, trung-chính, không một lời nói nào, không một việc làm nào của ngài là không có cái ý-vị ấy. Ngài không tự-cao rằng không có nét xấu gì của loài người. Lòng cảm-động tự-nhiên, ngài không hề ngăn-cản. Ngài cũng biết ưa rượu ngon, ưa sắc

đẹp, duy không thái-quá mà thôi, vì cái gì thái-quá ngài cũng ghét. Ngài lại ưa những đồ cổ đẹp, và thứ nhất là ưa âm-nhạc; duy có cái bụng hiếu-nhạc ấy là hơi có một chút thần-bí mà thôi. Ngài cũng thích thơ. Nói tóm lại, phạm những sự tinh-hoa về tinh-thần hình-sắc, không gì là ngài không biết mền-chuộng. Ngài thật là một người tuyệt-phẩm « văn-minh », mà văn-minh một cách ung-dung êm-ái, không có gì là khắc-khổ miên-cưỡng. Nói về tình hữu-ái, không ai có những lời cảm-động như ngài. Học trò yêu của ngài là thầy Nhan-tử; ngài nói về thầy Nhan-tử có câu rằng: « Y không giục ta nói, ta nói gì y cũng ra dáng bằng lòng. » Một hôm Phu-tử bảo thầy Nhan rằng ngài tưởng thầy bị giặc giết, thầy Nhan đáp lại rằng: « Phu-tử còn sống, con đâu dám mạo chết? » Còn nhiều những lời khác nữa, có ý-vị vô-cùng, khác nào như những bông hoa thơm, mùi thơm còn phảng-phất đến muôn đời vậy.

Ngài thật là một người trọn- vẹn, một bậc quân-tử tuyệt-luân, không còn ngờ được nữa. Ngài là người, nên ngài không muốn tránh một việc gì trong phận-sự làm người. Ngài còn muốn tự mình thực-hành, hơn là muốn làm thầy dạy người, vì ngài biết rằng làm người phải dẫn thân vào việc đời, biết rằng sự thực còn hiệu-lực hơn là lời nói, và làm dân trong nước phải hết bồn-phận với quốc-gia. Ngài không thể dung được kẻ lười-biếng; ngài nói: « Những kẻ cả ngày chỉ biết một việc ăn uống, không biết dùng trí khôn vào việc gì xứng-dáng hơn, rõ nghĩ mà thương thay! Dầu không có việc gì làm, cũng còn nghề lái dò kia! Sao không làm ngay nghề ấy, còn hơn là ngồi không vô-ích ». Trong sách *Trung-dụng* có tả bậc thánh-nhân như sau này: « Bậc chí-thánh trong thiên-hạ có đủ *thông-minh duệ-tri* để cai-trị muôn dân; có đủ *khoan-dũ ôn-hòa*

để dung-nạp mọi người; có đủ *phát-cường cương-ngự* để làm trọn bồn-phận; có đủ *tê-trang trung-chính* để giữ được tự kính; có đủ *văn-lý mật-sát*, để phân-biệt phải trái. » — Lại có câu nói rằng: « Nhân, nghĩa, lễ, trí, là bốn đức lớn trong trời đất. » — Khổng-phu-tử thật là đủ bốn đức đó, chính mình thực-hành được bốn đức, lại lấy lời dạy mà truyền cho cả nước Tàu.

Khổng-phu-tử vẫn thường nói đi nói lại: đạo ngài không có gì là mới-lạ, không có gì là huyền-bí cả. Ngài nói: « Ta chỉ thuật sách cũ, ta có làm sách mới đâu » — Ngài lại bảo học trò: « Các anh tưởng thầy có đạo gì màu-nhiệm, muốn giấu các anh. Không, thầy không giấu gì các anh cả, Thầy không làm gì là không nói cho các anh biết hết. » Mà thật thế, Khổng-phu-tử chẳng qua là một người gồm được hết cái cở-diễn của một nước và biết diễn-giải ra rõ-ràng cho đời sau vậy. Ngài chỉ biên-tập những sách cũ, sửa-sang tóm-tát lấy cái tinh-t túy những kinh *Thư*, kinh *Thi*, kinh *Lễ*, kinh *Nhạc*. Ngài tin rằng phạm sự sáng-láng, sự khôn-ngoa là ở tiền-nhân mà ra cả; nhân-loại nhiều người chết hơn người sống, và nhất cử nhất động của ta là có tiền-nhân chỉ-định cả. Quá-khứ đã làm thầy hiện-tại, thời ta phải lắng-lắng mà nghe tiếng đời trước, cần-trọng mà theo để làm gương. Khổng-phu-tử chính là cái tiếng của đời trước nước Tàu truyền lại cho muôn đời về sau, tiếng rõ-ràng giống-giả, như tiếng hiệu-lệnh cho cả một dân-tộc phải theo vậy. Ngài cố giữ cho dân khỏi quên những cở-lễ trong nước, cho dân biết nhớ đến linh-hồn tổ-tiên. Ngài nói: « Phải cúng-tế tổ-tiên như tổ-tiên còn ngồi đó; phải phụng-sự quỉ-thần như quỉ-thần ở trên đầu ». Ngài hiểu rằng lễ không phải là cái hình-thức hư-không, thực là có tinh-thần ý-nghĩa. Như để tang chẳng qua là biểu-hiệu lòng thương-xót; cở-nhân đặt ra lễ

tang để nhắc cho người ta biết thương-xót, ngày nay ta để tang cũng phải theo một ý ấy. Lễ có thể ví như những cái bình đẹp, trong đựng một thứ dầu thơm rất quý giá : là cái tình-cảm của con người ta. Lễ là cái hình-thức sản-lạn rực-rỡ của hai chữ *nghĩa-vụ* vậy.

Đối với cái gia-đình-tôn-giáo là một chế-độ rất cổ, ngài cũng công-nhiên nhận cả. Tôn-giáo ấy gốc ở chữ hiếu, ngài cũng lấy hiếu làm gốc cho xã-hội. Ngài cho rằng người sống với người chết, vẫn có liên-lạc nhau ; người ta ở đời vừa có *nghĩa-vụ* đối với người sống, vừa có *nghĩa-vụ* đối với người chết ; đối với người chết phải kính phải thờ, đối với người sống phải dung phải thứ. Sự lễ-nhượng cũng không phải chỉ là cái hình-thức bề ngoài, tức là một cái *nghĩa-vụ* tôn-nhân-loại, mà lại vừa là cái lòng tự-tôn của người ta nữa. Hình-dung chỉnh-tề, nét mặt tươi-tĩnh, giảng-bộ khiêm-tốn, lời nói dịu-dàng, xuất ra bề ngoài như thế là bởi trong lòng cũng được bình-tĩnh điều-hòa. Giữ cho bề ngoài có lễ-nhượng, không những đối với người giao-tế được êm vui, mà đối với mình giữ-gìn phải cẩn-thận lắm mới được ; người không biết tự-chủ, không có cau-dằm, cũng khó mà giữ được.

Nói tóm lại, *Khổng-phu-tử* là một bậc người sắc-sảo mà cao-thượng, vừa có cái chủ-nghĩa kiên-nhẫn (*stoicien*), mà lại vừa kiêm cái chủ-nghĩa lạc-thiên (*épicurien*). Ngài là một người tri-tuệ siêu-quần, biết yêu người, biết mến đức, lại biết làm cho người ta cũng yêu người, cũng mến đức như mình. Nhưng một người mà khiến được cho cả một dân-tộc vâng theo, khiến được một phần tư nhân-loại coi làm một ông thánh-sư tự hai-mươi-lăm thế-kỷ đến giờ, thời đó thật là một sự kỳ-lạ, cớ kim mới có là một. Loài người từ xưa đến nay không có một người nào có cái ảnh-hưởng vừa sâu-xa, vừa lâu-

dài như vậy. Thế-lực ngài trong xã-hội nước Tàu có thể cho là một cái hiện-tượng rất li-kỳ trong lịch-sử thế-giới, cũng không phải là quá vậy. Vì phải biết rằng nội trong các tôn-giáo, duy có đạo ngài là không thiệp đến thần-quyền. Đạo ngài là một nền triết-học, ở trong không có một phần nào là thuộc về thần-bí cả. Đạo ngài chỉ đối với cái lý-tinh người ta, *nghĩa-cư-xử* ở đời. Các đạo khác thời đặt ra những sự huyền-hoặc vô-ly, hay là những sự dữ-dội ghê-gớm, để mờ-hoặc, để nạt-dọa người đời, mà mong thu-phục lấy lòng người. Đạo *Khổng* tuyệt-nhiên không có gì như thế. Đạo *Khổng* không có nạt người, mà cũng không hề dối người, không biết sự thưởng-phạt họa-phúc là gì. Đạo *Khổng* là đạo công-nhiên chính-trực, ngay-thẳng thực-thà, là đạo thuần-túy của người ta róc lòng thờ nhân-loại vậy (*le culte tout humain de l'humanité*). Kể tin-đồ qui-y về đạo là tự mình lý-phục tinh-ung, không gì cưỡng-ép. Đạo này cũng như đạo khác, muốn thật cho có sinh-hoạt, cốt ở trong lòng trong óc người ta. Nhưng cũng như đạo khác, lâu ngày thành ngưng-trệ, chỉ còn có hư-vấn, không còn tinh-thần nữa ; những kẻ chuyên nghề giảng đạo, thường lại là những kẻ chỉ mong lợi-dung. Tuy vậy, cái tôn-chỉ đạo từ xưa đến nay vẫn có người theo, vẫn có người hiểu, vẫn còn ích-lợi cho người đời nhiều lắm.

Song cứ bình-tĩnh mà luận, *Khổng-giáo* đối với nước Tàu không phải là hoàn-loàn lợi-ích. Đây tôi chỉ nói về tôn-chỉ đạo, không xét đến phái nhà Nho làm sai *nghĩa đạo*, làm hại nước Tàu những thế nào. Đạo *Khổng* tuy đã làm cho văn-minh nước Tàu được bền-chặt vẻ-vang thật, nhưng cũng làm cho tinh-cách người Tàu thành nhỏ-hẹp thấp-hèn đi nhiều : người Tàu sinh-trưởng trong đạo *Khổng*, không hề có cái lòng hoài-vọng cao-xa, không hề có

cái trí cảm-giác huyền-diệu ; phạm những sự gì ra ngoài lý-tinh, siêu-vượt lẽ thường, không biết mà cảm-trưởng đến. Ở Nhật-bản thời đạo Khổng chỉ hay mà không hại, vì ngoài đạo Khổng đã có đạo Phật và đạo Thần (*shintois-me*), lấy những lẽ huyền-diệu thần-bí để cảm những phần cao-thâm u-viên trong lòng người, đối với đạo Khổng chỉ là một đạo thực-hành thực-tiên, chỉ biết phần lý-tinh mà không biết đến cái cảm-tinh của người ta. Ở nước Tàu thời không thế : ở Tàu đạo Khổng thịnh quá, làm cho những đạo cao-thâm siêu-việt như đạo Lão đạo Phật không thể nào sinh-tồn được, hoặc thành ra những thuyết bí-mật của số ít người cao-thượng, hoặc thành ra một mô-mê-tin của kẻ hạ-dận ngu-xuân. Khổng-phu-tử là sản-nhi của Bắc-

phương nước Tàu; đạo ngài còn khuyết là không kiếm được cái tinh-thần của ông Lão-tử ở Nam-phương, của đạo Thích-già ở Ấn-độ, tinh-thần ấy là sự cảm-giác những cái gì ở ngoài hình-sắc, ở trong linh-tinh, những cái gì không thuộc về cõi nhân-gian mà thuộc về cõi thần-giới, những cái gì mắt không thấy, tai không nghe, trí không giải, mà tâm-hồn mơ-màng tưởng-vọng. Nếu Khổng-giáo vừa có cái tinh-thần ấy, lại vừa có cái quan-niệm về nhân-sinh, về thế-giới như trên kia đã giải, thời thật là một đạo hoàn-toàn. Nhưng nếu thế thời nước Tàu không phải là nước Tàu nữa, mà Khổng-phu-tử cũng không phải là ông thánh-nhân nước Tàu vậy.

T.-C. dịch-thuật

KHẢO VỀ NGHỀ LÀM ẢNH (1)

III

ẢNH MÙI

(*Photographie des couleurs*)

Muốn chụp ảnh tất cần phải có ánh sáng mặt trời, cái đó ai cũng đã biết, nhưng ánh sáng cứ dùng nguyên thể thời chỉ được những bức ảnh đen thối, chớ còn những vẻ rực rỡ thiên-nhiên

của các sắc thời không tài nào chụp được. Vậy sau khi nghề ảnh ra đời, đã biết bao nhiêu nhà tìm-tòi nghiên-cứu, trong những nhà ấy có nhà bác-vật nước Pháp LIPPmann tiên-sinh

(1) Xem *Nam-phong* số 42 trang 467-472 và số 45 trang 207-214.

Nhân ông H. K. có viết cho tôi một bức thư mà tôi đã nói trong số báo 45 thời đến hôm 21 Avril 1921 tôi lại tiếp được thư của Hương-ký Đại-bảo-hiệu nói rằng : Hương-ký chủ-nhan thấy thế lấy làm lạ, vì ngài không viết cho tôi cái thư ấy. Ngài nói : không phải ngài có ý chỉ-trích gì tôi, chẳng qua là muốn giúp tôi để truyền-bá những bài học lý-luận cho người mới tập làm ảnh. Vậy nếu tôi được rỗi thời giờ thời xướng Ngài sẽ sẵn lòng hoan-ngheh vào mà khảo-cứu. Tôi nhận được bức thư rất lấy làm cảm cái thịnh-tình ấy lắm. Vậy xin các ngài đọc báo biết cho rằng ông H. K. không phải là ông Hương-ký là một nhà chụp-ảnh có tiếng ở Hanoi. — N. U.

năm 1891 tìm được cách chụp ảnh mù, nhưng cái phương-pháp còn chưa được hoàn-toàn lắm.

Gần đây lại có LUMIÈRE và LYON nhị tiên-sinh đã chẳng quǎn công khó-nhọc, cùng nhau nghiên-nghi mà phát-minh ra cách chụp ảnh mù. Năm hai tiên-sinh phát-minh ra ấy là năm 1907, kể đến nay đã được hơn mười năm rồi.

Trước khi nói đến nghề chụp ảnh của hai tiên-sinh, hãy nên xét xem hai tiên-sinh suy-tầm nghiên-cứu từ đâu.

Nói về ánh sáng

Ánh sáng ta thường trông thấy trắng-trắng tưởng hình như chỉ có một mùi, nhưng theo lối vật-lý-học mà phân ra thì sẽ biết rằng ánh sáng không phải chỉ có một mùi mà là có bảy mùi vậy.

Bảy mùi là: tím, lam, lơ, xanh, vàng, điều, đỏ.

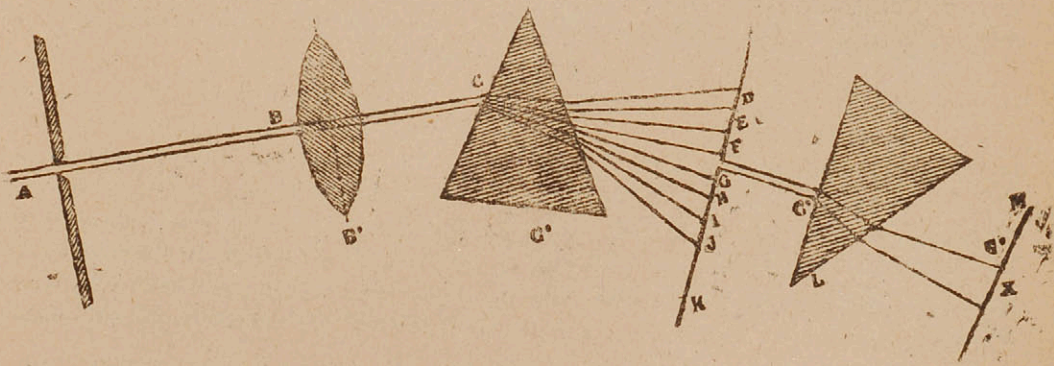
Này như những hôm về buổi chiều, trời sắp mưa, thường thấy có cầu-vồng, mống-cụt, cũng có bảy mùi như thế: nguyên do là mặt trời khi sắp lặn chiếu ánh sáng vào một đám mây sắp mưa. Ánh sáng khi đã qua đám mây ấy thì bị nó phóng-đại ra và phân ra làm bảy mùi mà chiếu ra, ta gọi là cầu-vồng vậy.

Nay muốn nói cho kỹ thì hãy làm thí-nghiệm như sau này sẽ biết.

Trong phòng tối, đục một lỗ nhỏ cho quang-tuyến mặt trời chiếu vào. Lấy tờ giấy đón lấy đường quang-tuyến ấy thì thấy nó chỉ có một mùi trắng-trắng. Giữa đường quang-tuyến và trước tờ giấy ta để một thỏi kính tam-lăng (*prisme*) (vi kính cũng như đám mây sắp mưa cũng có cái đặc-tinh là phóng-đại và phân ánh sáng) thì ta cũng thấy trên tờ giấy có bảy sắc như bảy sắc cầu-vồng; song trông không được gọn-ghe, thường sắc nọ lẫn vào sắc kia, khó xét.

Vậy có cách sau này làm cho rõ-ràng hơn, là trong phòng tối đục một lỗ hình chữ nhật, cho ánh sáng mặt trời chiếu vào. Trước khi để thỏi kính tam-lăng vào đường quang-tuyến, hãy lựa để một miếng song-đột-kính (*lenticles biconvexes*) ngang đấy cho hình lỗ buồng được gọn-ghe và thật sáng. Lấy tờ giấy lựa đón lấy đường quang-tuyến sẽ biết. Thỏi kính tam-lăng ấy sẽ phóng-đại và phân đường quang-tuyến ra làm 7 mùi. Mỗi mùi trong 7 mùi ấy dù sau ta có lấy kính tam-lăng mà phóng-đại ra nữa thì chỉ phóng-đại ra được mà không phân ra được nữa vì nó chỉ là một mùi (*monochromatique*) mà thôi.

Muốn hiểu rõ thì vẽ một đường quang-tuyến A X. Đường ấy đến B, bị song-đột-kính B' làm sáng hơn lên. Đến C, bị tam-lăng-kính C' phóng-



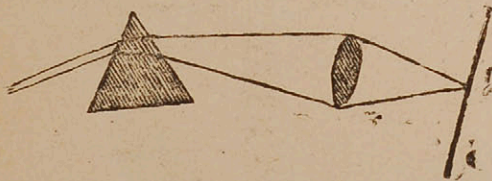
đại và phân ra làm 7 mùi là Đ E F G H I J — Bảy mùi ấy in vào tờ giấy K. Giữa tờ giấy K có một lỗ thủng để cho đường quang-tuyến G đi lọt. Đường quang-tuyến G đến G' kính tam-lăng L phóng-đại và in vào tờ giấy M.

Trên tờ giấy M thấy sắc G' rõ hơn và to hơn sắc G nhưng vẫn là sắc G. Như vậy đủ biết rằng : kính tam-lăng L có phóng-đại đường quang-tuyến G mà không phân đường quang-tuyến G ra nữa.

Nay tổng-kết lại : trong ánh sáng có 7 mùi. Bảy mùi khi đã bị tam-lăng-kính phân thời đi riêng ra bảy đường : mỗi đường là một mùi vậy.

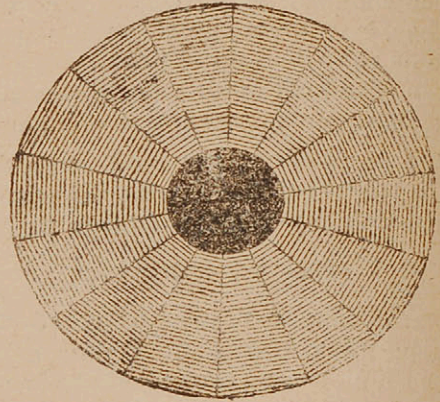
Cách phân quang-tuyến như thế, do NEWTON tiên-sinh là một nhà triết-học, số-học, lý-học nước Anh thí-nghiệm trước nhất, sau tiên-sinh lại muốn hợp cả bảy mùi lại xem có thành đường quang-tuyến trắng như trước không, thời được thập-phần mần-nguyện. Từ đấy ai cũng yên-trí rằng trong ánh sáng có 7 sắc. Bảy sắc hợp lại lại thành ánh sáng trắng. Phát-mình ra điều ấy bổ-ích cho khoa lý-học sau này biết bao.

Nay nói cách tiên-sinh làm thế nào mà hợp 7 sắc lại được. Tiên-sinh lấy một miếng tiêu-sắc-đột-kính 消色凸鏡 (*lentille convexe achromatique*) để vào



chỗ 7 sắc đã phân ra ấy, thời 7 sắc ấy tiêu ngay đi. Vì sao ? Vì các đột-kính có cái đặc-tính là tụ ánh sáng vào một chỗ : khi tụ bảy sắc trên này thời làm hỗn-hợp lại thành một sắc trắng.

NEWTON tiên-sinh lại còn một cách làm thí-nghiệm như sau này nữa : Lấy một miếng giấy dày tròn, chia đều ra làm 7 phần (hay là bai ba lần bảy phần



cũng được), rồi vẽ những đường kinh-tuyến 經線 (*diamètre*). Vẽ xong theo thứ-tự những mùi « tím, lam, lơ, xanh, vàng, điều, đỏ » mà tô vào. Trung-tâm (*centre*) miếng giấy ấy, dùng một lỗ con, cắm cái siên vào mà quay tit đi. Xoay như thế bảy mùi đi rất nhanh, khiến mắt ta chưa cảm hết mùi nọ, những mùi kia đã kế tiếp nhau, in đè lên nhau, hỗn hợp với nhau, thành ra một sắc trắng. Thế là ta đã hợp bảy mùi lại mà làm thành sắc trắng vậy.

Đã biết thế, giờ ta bỏ bớt đi một vài mùi rồi ta lại xoay tit đi như trước, xem miếng giấy tròn ấy có trắng nữa không ? Quyết là không ! Vì không đủ mùi vậy.

Nay làm thí-nghiệm như sau này thời biết.

Bịt chỗ tô đỏ, rồi quay đi : sắc không trắng nữa mà thành mùi xanh-lơ (*vert bleuâtre*), nếu bỏ chỗ bịt đi, sắc lại thành trắng. — Tổng kết rằng : mùi xanh-lơ là mùi bổ-sắc cho mùi đỏ, nói ngược lại, mùi đỏ là mùi bổ-sắc cho mùi xanh-lơ » (*le vert bleuâtre est la couleur complémentaire du rouge* ;

Nói về ảnh

inversement le rouge est la couleur complémentaire du vert bleuâtre) vì có cả hai mùi ấy hòa-hợp mới thành trắng.

Lại làm thí-nghiệm nữa, như bịt chỗ tô điều thời lúc xoay thấy mùi lơ; bịt chỗ tô và g, thấy mùi biếc; bịt chỗ tô tím thấy mùi xanh-vàng. Vậy mùi đỏ và mùi xanh-lơ, mùi điều và mùi lơ, mùi vàng và mùi biếc, mùi tím và mùi xanh-vàng, là những mùi bổ sắc lẫn cho nhau.

Nói về sắc các vật

Vật trong.—Ta trông qua miếng kính thủy-tinh đỏ thời thấy những vật bên ngoài dù trắng dù đỏ cũng hóa đỏ cả, còn các vật khác mùi thời đen.

Ta lấy miếng giấy tròn trên này mà xoay tit đi cho nó hóa trắng rồi ta để miếng thủy-tinh đỏ thời thấy các sắc biến hết, chỉ trừ sắc đỏ là còn. Cái đỏ là tại làm sao ?

Nguyên-do là thủy-tinh đỏ đã hút hết những ánh sáng không cùng sắc với nó, rồi để ánh sáng sắc đỏ qua tới mắt ta, nên ta thấy đỏ vậy.

Ta lấy miếng kính sắc xanh hay sắc gì mà thí-nghiệm cũng thấy thế cả. Vậy ta kết rằng: Thủy-tinh đỏ chỉ để cho ánh sáng cùng sắc với nó đi lọt, và ngăn hút những ánh sáng khác.

Vật đục.—Trông qua miếng thủy-tinh đỏ thời tấm lụa đỏ không đổi mùi, mà tấm lụa xanh đổi mùi thành đen. Tấm lụa đỏ không đổi mùi là vì ánh sáng sắc đỏ có thể qua thủy-tinh đỏ được. Tấm lụa xanh đổi mùi thành đen là vì ánh sáng sắc xanh bị thủy-tinh đỏ hút đi hết. Hút đi hết thời không còn ánh sáng tới mắt ta nữa; không còn ánh sáng tới mắt ta nữa là không có ánh sáng, tức là tối, tức là đen vậy. Vì vậy tấm lụa xanh hóa đen. (Mùi khác cũng thế).

Tadã biết trong ánh sáng có bảy sắc, sắc đỏ và sắc xanh-lơ, sắc điều và sắc lơ, sắc vàng và sắc biếc, sắc tím và sắc vàng-xanh là những sắc bổ sắc lẫn cho nhau. Ánh sáng các sắc ấy chỉ có thể chiếu qua vật gì trong mà cùng sắc với nó. Qua vật khác sắc thời bị hút mà thành đen. Những điều phát-minh ra ấy làm cái nguyên-nhân tối-thiết cho nghề ảnh mùi. Nay ta xét đến ảnh mùi.

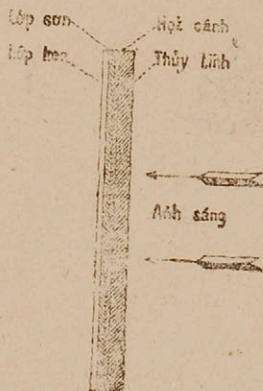
Chụp ảnh mùi cũng phải có kính ảnh và giấy ảnh, nhưng kính và giấy ấy không phải kính và giấy chụp ảnh thường, tuy cũng giống nhưng có sửa đổi lại.

Cách làm theo hai cái lý-thuyết sau này:

1^o Dùng những «miếng-chắn mùi» (*écranscolorés*) chỉ để cho ánh sáng cùng sắc với nó chiếu qua.

2^o Ba sắc: điều, xanh, tím, khéo điều-hòa thời lấy được đủ cả các mùi.

Miếng chắn mùi làm bằng những hạt «cánh» 糳 (*amidon*) thật nhỏ chừng 10 hay 15 « mi-công » (mỗi mi-công là một phần nghìn ly = *un millième*



de millimètre) đường kính-tuyến. Những hột «cánh» (*amidon*) ấy có hột nhuộm điều, có hột nhuộm xanh, có hột nhuộm tím. Chọn lần những hột ấy rồi rắc lên trên mặt kính — (mặt kính trước khi rắc đã có phết hồ cho dính). — Rắc mỗi ly-vuông (*millimètre carré*) chừng sáu bảy nghìn hột. Rắc xong để vào máy ép, ép cho thật đều thật khít rồi phủ lên một lớp «son» (*vernis*), trên lớp «son» (*vernis*) lại phủ một lớp «keo» cốt hô-lô-ngân (*gélatine à base de bromure d'argent*) (1); thế là thành kính ảnh mùi vậy. Kính ấy trông bong-bóng trắng-trắng như miếng kính giáp trắng.

Kính khi đem chụp thời để phía thủy-tinh ra ánh sáng.

Ánh sáng qua lớp sơn rồi mới tới lớp keo mà biến cái chất ấy.

Thí-dụ như ta chụp hai người thiếu-niên cầm cành hoa hồng : một người mặc áo thanh-thiên, một người mặc áo đen nhoáng. Nếu chụp ảnh thường thời thành bức ảnh hai người cầm hoa trắng, một người mặc áo trắng, một người mặc áo thâm : mất cả vẻ đẹp.

Chụp bằng kính ảnh mùi thời không thế, chụp được cả hoa đỏ áo xanh, lại màu da nhuận, sắc hồng-hồng nữa : trông thêm vẻ hữu-tinh.

Nay giải vì có gì thành được các sắc thể.

Như sắc đỏ của bông hoa hồng : ánh sáng đỏ qua những hột «cánh» điều và tím (vì điều và tím lẫn hợp lại thành đỏ, cùng sắc với hoa hồng) mà biến chất « hô-lô-ngân », chất hô-lô (*brome*) bốc hơi, còn chất ngân (*argent*)

đọng lại. Ánh sáng sắc đỏ (sắc hoa hồng) là sắc bổ sắc (*couleur complémentaire*) cho sắc xanh thời bị hột cánh sắc xanh hút đi, không tới lớp keo « hô-lô-ngân » mà biến chất ấy được : chất ấy còn nguyên chất vậy.

Chụp rồi đem hình phô-diễn ra thời những chỗ có bạc đọng lại (tức là chỗ đối diện với chỗ có hột điều và tím) đen đi ; những chỗ còn nguyên chất hô-lô-ngân (tức là chỗ đối-diện với chỗ có hột cánh xanh) trong ra.

Vì sao ? Vì như trước đã nói thuốc « phô-diễn » (*développement*) là thuốc hóa-học có thể làm tan chất hô-lô-ngân nguyên-chất, và làm đen chất ngân đọng lại.

Chỗ hô-lô-ngân đã tan thời kính trong-trong, trông suốt thấu hột cánh xanh : chỗ ấy là xanh.

Chỗ bạc đã sạm thời bịt kín kính, không thể trong qua được : chỗ ấy là đen.

Tuy vậy, phô-diễn xong vẫn còn ít nhiều ngân-chất bám vào kính, như ảnh thường, bèn đem « định hình » (*fixer l'image*) cho rõ ra : sẽ được bông hoa-hồng sắc xanh, hồ-sắc cho sắc đỏ.

Nhưng đây không thế, đây đem kính ngâm vào trong một thứ thuốc hóa-học khác là thuốc « *permanganate de potasse acidulé* ». Thuốc ấy làm tan chất bạc đọng chỗ có hột cánh điều-tím, đã bị ánh sáng cảm trước, còn chất bạc bám chỗ có hột cánh xanh chưa bị ánh sáng cảm thời để nguyên.

(1) Chất keo « hô-lô-ngân » (*gélatine de bromure d'argent*) là chất làm kính ảnh thường, trong số 42 tôi đã nói qua. Gần đây ông Bùi-đình-Tiên có đăng trong báo *Thực-Nghiệp* một bài nói rõ cách chế chất ấy. Làm, không lấy gì làm khó, giá người mình dựng xưởng làm kính, làm giấy lẩy, thời một năm cũng thu được một món lợi to. Mong thay ! — N. U.

Giờ đem kính ngâm vào thuốc « lộ-hình » (*révélateur*), rồi dơ ra ánh-sáng mặt trời thời chỗ bạc chưa bị ánh-sáng cảm bấy giờ đen thẫm đi mà che kín chỗ có hột cánh xanh, còn chỗ có hột điều và hột tím sẽ trông rõ; hai thứ hột ấy hỗn-hợp với nhau thành sắc đỏ; thế là được bông hoa hồng sắc đỏ vậy.

Trên ta nói chụp bức ảnh hai người thiếu-niên cầm hoa hồng mặc áo xanh và đen. Ta đã hiểu cách chụp được mùi hoa hồng đỏ, còn mùi áo xanh và đen và các mùi khác thời sao? Cách giải bất ngoại lối trên này: chỉ xin biết rằng: « Những sắc hợp lại thành sắc bổ-sắc cho sắc mình chụp mất đi thời lộ sắc mình chụp ra » (*La couleur que l'on photographie s'obtient par l'élimination des couleurs dont l'ensemble forme la couleur complémentaire de celle qu'il s'agit d'obtenir*).

Kính ảnh đã vậy, giấy ảnh, cách làm và diễn cũng thế, tưởng không cần phải nói nữa thêm mất thì-giờ của độc-giả.

Rút lại, kính và giấy ảnh thường lúc làm sắc trắng đen khác hẳn nhau; kính và giấy ảnh mùi, lúc làm xanh, đỏ, lơ, điều, vàng tím vẫn thế.

Nghĩa là: trong ảnh thường, chụp vật đen, kính ảnh hóa trắng; trong ảnh mùi, chụp vật trắng, kính ảnh vẫn trắng, chụp vật đỏ, kính ảnh vẫn đỏ, vẫn vẫn.

A. — Thuốc rửa kính

I. — Thuốc « pho-diễn » (*développement*).

1. — Métoquinone

Eau 100 gr
Métoquinone 5 gr
Sulfite de soude anhydre. 30 gr

2. — Kính chụp mau (*clichés instantanés*).

Rửa kính chụp mau thời thêm :

Eau 20 cm³
Acétone 3 —
Bromure de potassium.. 2 —

3. — Lúc chụp mau quá thời thêm :

Eau 100 gr
Lithine caustique. 0,5 —
Carbonate de soude 0.5 —

4. — Lúc chụp đề lâu quá, thêm :

Eau 200 cm³
Bromure de potassium 10 —

II. — Thuốc « lộ-hình » (*révélateur*).

Eau 700 cm³
Sulfite de soude anhydre. 120 gr
Acétone. 160 —
Métoquinone 32 —

III. — Thuốc pho-diễn và lộ-hình dùng ngay một lúc.

Eau filtrée 100 cc
Sulfite de soude anhydre 3 gr
Diamidophénol 1 —
Hyposulfite de soude 2 —

B. — Thuốc rửa giấy.

Trước hết ngâm vào trong :

Eau 1000 gr
Hyposulfite 250 —

Rồi rửa bằng :

Acétate de sodium 30 gr
Chlorure d'or 1 —

Cách rửa kính và in giấy cũng như làm ảnh thường.

In ảnh

Người xưa muốn in một bức vẽ, chỉ biết lấy giáo-dục, khắc vào gỗ và kim-loại mà làm bàn in, sau dần biết dùng nước cường-thủy (*acidés*), kim-loại và sáp, nay lại thêm một cách tối-xảo nữa là không cần giấy ảnh, giấy thường cũng in được ảnh, như vậy rất tiện cho các sách và tạp-chí.

Vì sao ? Vì dùng nước cường-thủy và kim-toại, chỉ in được những bức vẽ bằng tay, không giống được ảnh. Muốn chụp ảnh lại phải có giấy ảnh, dùng giấy ảnh mà làm sách và tạp-chí thời sao tiêu, và mỗi lúc in hàng vạn tờ thời lâu và tốn biết bao ?

Vì thế có người nghiên-cứu mà phát-minh ra cách in ảnh cũng như in chữ, rất tiện.

Cách ấy không lấy gì làm khó, chỉ dùng một ít hắc-in (*bitume*) là xong.

Hắc-in là cái gì ?

Hắc-in là một chất thiên-nhiên, nguyên-chất giống với dầu hỏa, sắc đen đen, nhẹ hơn nước, chất đặc, cũng có khi nát, đốt cháy rất sáng, để vào nước không tan, nhưng tan vào trong rượu và dầu săng.

Hắc-in có ba thứ là :

Hắc-in Judée

Hắc-in Trinité

Hắc-in Malte

Trong ba thứ ấy ta dùng thứ Judée để in ảnh. Hắc-in Judée đóng từng khối đen, thường lấy ở bể Tử-hải (Mer-Morte) Caspienne).

Làm thế này : đồ đều hắc-in lên trên một miếng kẽm phẳng, rồi bơm dầu săng vào, để kính-ảnh lên, phơi ra ánh-sáng. Những chỗ trong kính để ánh sáng vào mạnh thời nhờ có ánh sáng ấy hắc-in không tan

ra. Những chỗ đen trong kính không để ánh sáng chiếu vào thời theo luật thường hắc-in chỗ ấy thường bị dầu săng làm tan ra : chỗ ấy lõm xuống. Thành chỗ cao chỗ lõm khác nhau. Lúc quét mực vào, chỗ cao bắt lấy rồi in hình ra, thế là thành ảnh.

Tạo-hóa đãi người ta rất hậu, nhưng hậu hay không là tùy ở cái trí của người. Người mà thông thái một vật-chất cỏn con, một vật - liệu nhỏ mọn của tạo - hóa cũng nhân đấy dùng lấy mà nghiên - cứu cho thành việc hữu-ích.

Bề học mông-mênh, nói chi nhiều, cứ một việc ảnh này : thật chỉ một tia ánh-sáng, một vị thuốc biển mùi, mà thành các kết-quả rực-rỡ biết bao. Vả có ích cho việc học-vấn, việc kỷ-niệm, việc giải-trí, lại có ích cả cho chính-trị, cho chiến-tranh nữa.

Này du-lich một nơi thắng-cảnh, qua rồi về cầm bút tả, dù khéo đến đâu, người không tới đấy, cũng chỉ được cái thú trông-tượng; thế mà có máy chụp, chụp rồi về in ra thời ngàn vạn con người ngồi nhà cũng được cộng-hưởng cái thú du-lich ấy. Tiện-lợi biết bao ! Phong-cảnh đẹp đã thế, những bậc vĩ-nhân trong thế-giới cũng vậy, nhờ có ảnh, không những người bây giờ biết hình-giong, người trăm ngàn năm về sau cũng còn biết.

Ảnh dùng để tặng nhau trong khi cách-biệt, để bài-trí ở trong nhà. Nhà-nước dùng để gián-giấy căn-cước, nhà binh dùng để chụp thế-trận quân-thù. Ảnh dạc-diên (1), phim chớp bóng (2), cũng mỗi ngày mỗi phát-dạt.

Người mình được hưởng cái gia-lai chung rất là qui-báu ấy, thật cũng là một cái may.

(1) Máy ảnh dạc-diên phát-minh ra tự quan Trung-tá Laussedat, có buồng tối, thêm cái viên-kính và cái thẳng-bằng.

(2) Xem bài «Chớp ảnh» của ông Trúc-dinh đã đăng trong *Nam-Phong* số 48, trang 457-463.

Ngày nay chơi ảnh cũng thích, chụp ảnh cũng biết, xem chớp ảnh cũng ham, nhưng tiếc thay, sẵn máy, sẵn kính, sẵn giấy, sẵn phim của người gửi đến, ta cứ thế ta dùng, chứ ta chưa có ai làm lấy được những vật-liệu ấy.

Người viết bài này, viết xong trong bụng rất lấy làm hi-vọng rằng có nhà lưu-tâm mở xưởng mà làm giấy, kính,

máy lấy, tuy mới đầu hẳn có điều khó-khăn, không được bằng người, nhưng kiên-tâm, bền chí, nghiên-cứu, sửa-sang, ắt có ngày thành kết-quả tốt.

Mong thay !

NGUYỄN ỨNG

Sinh-viên trường Cao-đẳng.

SÚ'-HOA NHẬN-VỊNH⁽¹⁾

(Dịch thơ triều Lê)

III

31. Thành Sương-ngô tám cảnh đẹp

Khi thuyền đến thành Sương-ngô, đấy có tám cảnh đẹp lắm : 1° cảnh sông Quế-giang; 2° cảnh bãi Long-châu; 3° cảnh núi Vân-lĩnh; 4° cảnh bến Kim-ngư; 5° cảnh giếng Băng-tĩnh; 6° cảnh núi Hỏa-sơn; 7° cảnh gò Hạc-cương; 8° cảnh ao Ngạc-tri.

Thành ở trên chỗ ngã - ba sông, giáp-giới hai tỉnh Quảng, núi sông thấu-hiệp, danh - thắng rất nhiều, mở xem địa-dư tường-tận mới đi du-ngoạn xem qua, rồi cảnh nào cũng có thơ đề vịnh, đề làm một vở thực-lục trong khi đi đường.

1

Quế-giang xuân-phiếm

(Mùa xuân thả thuyền chơi sông Quế-giang)

Trước mặt có sông Ngạc-giang,
Phủ-thành mé bắc thông đường Quảng-
[tây.

Mấy rẫy núi như quây bức tường,
Một dải sông vẻ sáng gương thanh.

Hai bên thông trúc tốt xanh,
Nhác trông như vẽ bức tranh họa-đồ.

Xưa nay những khách giang-hồ,
Thuyền lan chèo quế tư mùa thanh-
[thời.

Khi vừa lại dong chơi cảnh ấy,
Nổi tình-thần vịnh mấy câu thơ.

Nhè-nhẹ thuyền lan một lá xanh,
Tiêu-diêu chẳng quản lúc lênh-đênh.
Gió bay chèo quế hơi xuân lạnh,
Sóng nổi hoa đào vẻ nước thanh.
Đỉnh núi bóng thông che tản-tản,
Bên bờ tơ liễu rủ mảnh-mảnh.
Nhìn xem phong-cảnh tình không hạn,
Muốn vẽ xuân-du một bức tranh.

2

Long-châu chỉ-trụ

(Cột đá bãi Long-châu)

Sương-ngô một dải Phong-giang,
Cách thành mười dặm thông đường
[Quảng-tây.

Núi bãi cát ai xây một quả,
Nhác trông như cốt đá giữa dòng.

Tốt xanh bãi trúc ngàn thông,
Dài cao trót vót mây lồng bốn bên.
Tục-truyền chỗ Trương-Tiên cựa-ấn,
Tiến-sĩ Minh Giải-Tấn chơi xưa.

(1) Xem Nam Phong, số 48, trang 482-485; số 49, trang 62-67.

Cột đá treo-leo dưới bích-lưu,
 Nhả mây nuốt sóng cuối trường-châu.
 Rẽ đôi dòng nước sa nghìn mỏ,
 Áp mấy tầng non đá một đầu.
 Trương-lão (1) gối mây nơi cựu-ân,
 Giải-lang (2) gốc dựa dấu tiên-du.
 Chiều hôm dạo bước lên đài đứng,
 Bốn mặt giang-san cỡi mắt thu.

3

Vân-linh tinh-lam

(Mây núi quang-đăng)

Sương-ngô có núi Đại-vân,
 Bắc-thành một mặt tới gần bến sông.
 Nghìn tầng cao nhất chúng-phong,
 Sắc phơi gấm vóc bóng lồng pha-ly.
 Sông một dải tân-nhi sáng quắc,
 Cây nghìn hàng một sắc mây xanh.
 Du-nhân khéo khéo đa-tinh,
 Nghênh-ngang bầu rượu tung-hoành
 [là thơ.

Đầu áp nghìn non một hướng sông,
 Tron-von như dựng tấm bình-phong.
 Sắc phơi cầm-tú hà trăm vẻ,
 Bóng lộn pha-ly nước một dòng.
 Bốn góc thoảng không hơi khói tỏa,
 Nghìn tầng quần sạch khi mây phong.
 Quan-san có khách dừng chân lại,
 Muốn bước lên cao rộng đất trông.

4

Kim-nguru tiên-độ

(Bến Kim-nguru tiên sang đò)

Bến tiên này ở phía đông,
 Cách thành mười dặm xa trông cũng kỳ.
 Sa Long-châu đường đi lối lại,
 Núi Kim-sơn một dải con con.
 Vẻ non soi lộn sóng đào,
 Đường đi còn mắng lối vào Thiên-thai.

(1) Trương-lão : ông Trương-Thạch-Tiên.

(2) Giải-lang : ông nghề nhà Minh.

(1) Bảo-thoa = cảnh thoa vàng.

(2) Quế-phách = mặt trăng.

(3) Lan-tương = rượu hoa lan.

(4) Ông Lục Hồng-tiên uống chè biết được vị nước.

(5) Ông Lý-Đức-Dụ tìm được suối ngọt ở Nam-sơn chạy trạm đem về dâng vua Đường.

Hỏi khi trước có ai chơi tá ?
 Chủ lái đò vội vã thừa lên,
 Rằng xưa có đạo-sĩ-tiên,
 Dắt trâu qua đò xuống thuyền sang sông.
 Rỏ nước mắt giả công nghìn hạt,
 Lái trông ra thấy rất những vàng.
 Nghe xong chỉ nẻo bằng ngàn,
 Thuyền vừa qua bến tay liền tả thơ.

Chân-lâm một bước bấy lâu nay,
 Dấu cũ Khiên-nguru nhận chốn này.
 Sông vỗ làn sóng khi cưỡi gió,
 Khói tan mặt nước lúc xua mây.
 Đón người hoa bến cười như mĩa,
 Gọi khách chim ngàn giọng vẫn say.
 Vẫy lại ngư-ông thăm hỏi truyện,
 Một vàng trắng sáng chiếc thuyền đầy.

5

Băng-tĩnh tuyên-hương

(Giếng có mạch nước thơm)

Bến đò Tiên-độ vừa qua,
 Hay đầu trước mắt lại là giếng băng.
 Một bên núi lửa tàng-băng,
 Dưới chân có suối trên lưng có đình.
 Hỏi khi trước tự-tĩnh ai biết,
 Chủ tiêu thừa khúc-chiết đủ lời.
 Rằng đây giếng ngọt đời-dời,
 Nghìn ngày không đổi một ngày thanh-
 hương.
 Nhớ khi trước người Đường chơi
 đạo,
 Quan sừ-thần Nguyễn Hạo đặt tên.
 Còn rục-rở ở trên một miếu,
 Về đời Minh quốc-lão làm ra.

Bảo-thoa (3) làm cột ngọc làm giường,
 Giếng ngọt trong đình chẳng hết hương.
 Suốt đày trong veo vàng quế-phách (4),
 Ngâm trong thơm ngọt vị lan-trương (5).
 Bình chè chữa hợp cung nhà Lục (6),
 Trạm liễu nên chung tiến bộ Đường (7).

Kèo rót muốn đem ngòi bút rắp,
Họa theo quốc-lão (1) bức thi chương.

6

Hỏa-sơn tịch-diệu

(Núi lửa bùng ngọn cháy)

Mé bên nam sau đèn Bạch-đế,
Ngọn hỏa-sơn bình-thể thêm yêu.
Khói mây nghi-ngút một chiều,
Nửa đêm lửa bốc như thiêu ngang trời.
Hỏi cảnh sắc là nơi chi đó ?

Chú tiều-phu tay trở miệng thưa.
Đời vua Hán-đế khi xưa,

Đặt tên Hỏa-diệm bây giờ là đây.

Lung-linh dấu ngọc còn đây,
Minh-châu đã hóa những ngày thành
tiên.

Dưới đáy nước có thuyền đồng-đúc.
Quan Phục-ba khi trước làm ra.

Trong khi nước lạnh trăng tà,
Bóng thuyền còn thấy lững-lờ dòng

Đủ lời vừa mới nghe xong, sông.
Ngâm câu tuyết-diệu ngụ trong tinh-

[tinh.

Thần-đuốc (2) trên không ngâm hỏa-
[cầu (3),

Đêm-đêm phun khắp ngọn sơn khâu.
Chiếu thông chín lối cùng nga-thỏ (4),

Soi suốt hai chiều vị Đầu Ngu (5).
Phảng-phất song mây tinh bảo-kiếm (6),

Rõ-ràng ánh đất khi linh-châu (7).
Hỏi xem tiên-mộng người cung Hán (8),

Kiếp mấy lần gió dưới cõi phù (9).

7

Hạc-cương tịch-chiều

(Gò Hạc chiếu ánh sáng buổi chiều)

Buồm tà theo bóng tịch-dương,
Tây-nam lại có Hạc-cương tới gần.

Nền bích-thủy tinh-thần như vẽ,
Ngọn cỏ hoa một vẻ khoe tươi.
Non xanh xanh cả bầu trời.
Hình như tiếng hạc bóng người đầu xa.
Tiều nghe thấy kể ra trăm thú,
Nam-Hán xưa truyện cũ còn truyền,
Thanh-cao một ngọn thiên-nhiên,
Có ông Lư-Diệu dạo bên núi này.
Gò vừa dứt có ngay đôi hạc,
Vỗ cánh liền ngo-ngác tìm bay.
Nghe lời như tỉnh như say.
Miệng ngâm tay thảo nên ngay thơ này.

Điền thúy tô sơn bức cảm-chương,
Chiều hôm thêm vẽ mặt sơn-cương.
Vàng chiêng chiếu ngược màu hoa
thắm,

Bóng ác soi ngang sắc cỏ vàng.
Tặng lại chùa tây mau đạo bước,
Chim về rừng bắc vội tìm đường.
Lên cao chớ tiếc không còn hạc,
Một khúc cầm-dao mấy tịch-dương

8

Ngạc-trì dạng-nguyệt

(Ao Ngạc-trì lộn bóng trăng)

Cánh buồm quay mũi về đông,
Bên thành đầu đã xa trông có hồ.
Ngọn phong-ba nhấp-nhô cao thấp,
Dòng bích-lưu quanh-quất vòng cung.
Giang-hồ quen thú vẫy-vùng,
Quay thuyền mới hỏi nào phong-cảnh gì?
Lái bên kể từ khi trung-cổ,
Vua Phù-nam Phạm-tổ lên ngôi.
Ao này cá ngạc thường nuôi,
Mượn làm phép nước uy người tội-nhân,
Người có tội nó liền ăn thịt,
Kẻ vô-can cá lượn lảng đi.

(1) Quốc-lão-công nhà Đường có thơ đề đình trên giếng ấy.

(2) Thần Chúc-dong giữ việc lửa.

(3) Quả mặt trời.

(4) Nga-thỏ = Trên cung trăng.

(5) Đầu Ngu = Hai ngôi sao to sáng.

(6) Bảo-kiếm = gương báu.

(7) Linh-châu = hạt châu sáng.

(8) Đời vua Hán năm mơ thấy hạt minh-châu hóa làm tám vị tiên ở trên núi này.

(9) Cõi phù = kiếp phù-sinh.

Gia-ngư tên đời Ngạc-tri,
 Từ quan tổng-dốc về thì nhà Minh.
 Trên ao có lâu đình rực rỡ,

Ấy Sĩ-Cao đem thợ lên làm.
 Một tòa học-viện thu-am,
 Từ đời Hoàng-trị trăm năm đến giờ.
 Vừa nghe nói túi thơ như giục,
 Ngọn bút hoa lập tức ngậm đề :

Nuôi ngạc năm nào ngạc đã bay,
 Nước trong còn lại một ao đầy.
 Về lồng phách thổ khi êm sóng,
 Bóng lộn gương nga lúc vắng mây.
 Dưới đáy lâu-dài trai nhả sắc,
 Trên ngàn hồ-tảo cá nưong vây.
 Rắp toan cất bút trong huỳnh-vũ (1),
 Cầm-trục (2) đề thêm một bức này.

32. — Cảnh sông Quế-giang.

Nước xuôi thuyền ngược, lần lần đến
 khúc sông Quế-giang, lạ-lùng thay
 kênh nổi dưới dòng, nước trong suốt
 đáy, hai bên bờ thì núi non san-sát,
 ngọn nọ đối ngọn kia; thông trúc xanh-
 ri, cây này chea cây khác. Nực cười
 cho dân-sự ở đây, xay lúa bằng đá,
 dùng trâu kéo đề thay nhân-công, âm-
 âm như sấm ran, như pháo nổ, khôn
 khéo biết bao!

Đến chiều đứng tựa mũi thuyền,
 trông ra tứ phía, lũ thuyền-chài xua
 ngan đuổi cá, chài lưới tung-hoành,
 vắn-vắn như khói tỏa như mây tuôn,
 cá tôm đua nhẩy, tiếng ngan lẫn tiếng
 người rộn-rịp, kể thật là vui.

Sông Quế xuân sang đầy nước trong,
 Đồi bên núi hợp chằm bình-phong.
 Đầy trên mặt nước kênh cùng thác,
 Khắp dưới chân đèo trúc với thông.
 Mò cá chim ngan dòng lặn lội,

Xay lương trâu mộng đá quanh vòng,
 Đường xa mới biết kiên-khôn rộng,
 Phong-cảnh nơi nơi lạ mắt trông.

33. — Viếng miếu Tam-liệt

Thuyền vừa qua huyện Chiêu-binh,
 thì bỗng thấy bên sông một miếu, tò-
 mò khói tỏa hương bay, chung quanh
 miếu thì cỏ hoa u-uất, hình như bóng
 thiêng-liêng hầy còn lẫn-khuất chưa
 tan, trước cửa đền sóng vỗ tung-hoành,
 khác nào cơn giận phong ba nổi lên
 cuộn-cuộn, bên ghé thuyền bước
 lên. Mả ai còn đó tro-tro, trông bia chữ
 đá rêu lờ-mờ xanh, xem xong mới
 biết là miếu thờ tam-liệt. Nguyên từ
 năm Tuyên-thánh nhà Minh, có ông
 Lưu-Nhận, lĩnh chức thông-phán châu
 Ngô, đến huyện Bình-lạc thì thác mất,
 vợ thứ là Trương Lục-Đạt mới 20 tuổi,
 nàng hầu là Cúc-hoa, 16 tuổi, con gái
 là Thời-Tử cũng 16 tuổi, giữa đường
 phải cướp bắt, không chịu nhục,
 đều đâm đầu xuống sông mà tự-tử.
 Vua Minh trọng là tiết-nga, mới tạc
 bia tinh-biểu gọi là bia « Tam-liệt ».

Xem rồi động mối thương-tâm, ngu
 theo Đường luật viếng ngậm một bài.

Mây trắng muông xanh (3) ngăn thời
 [đời,

Ruột gan nhi-nữ mấy lăm người.
 Giữa đường gin ngọc không tìm đất,
 Dưới nước gieo châu phó mặc trời.
 Thôn-thức dòng thu sâu sóng nổi,
 Thê-mê bến cỏ lệ hoa rơi.
 Tiết-trinh soi suốt gương thiên-cổ,
 Khách lại trông bia viếng mấy lời.

(Còn nữa)

Lương-ngọc Vũ-Bích dịch

(1) Nhà học.

(2) Bài thơ cũ hay lắm.

(3) Là đám mây trắng biển hình như con chó xanh tan họp không thường.

BÌNH-LUẬN VỀ THI-VĂN NƯỚC TA

CUNG - OÁN NGÂM - KHÚC

Chống tay ngồi ngẩn sự đời,
Muốn kêu một tiếng cho giải kéo cùm !

Cung-oán

* * *

— L'homme de génie n'est pas le maître de la force qui est en lui ; c'est par le besoin ardent, irrésistible, d'exprimer ce qu'il éprouve qu'il est homme de génie. Il souffre de contenir les sentiments ou les images ou les pensées qui s'agitent dans son sein.

V. COUSIN

— Ce n'était pas un art, c'était un soulagement de mon propre cœur qui se berçait de ses propres sanglots.

LAMARTINE

— Người tài-tử không phải là người tự-chủ cái năng-lực của mình ; ấy bởi sự bất-đắc-dĩ phải phát-lộ cái tinh-cảm của mình ra mà mình là người tài-tử. Người tài-tử khó mà chịu đựng được những mối cảm-tình, những cái hình-ảnh hay những cái tư-trởng nó ngồn-ngang trong lòng.

— Thơ không phải là một môn mĩ-thuật, thơ là cách giải phiến một đôi chút cho tấm lòng ta để có thồn-thức thổ-than thì mới được an-ủi.

* * *

Cung-Oán là một khúc ngâm hay có tiếng ở nước Nam ta. Cái giá-trị của *Cung-Oán* thật là tương-đương với cái giá-trị của truyện *Kim-Vân-Kiều*. *Cung-Oán* sở-dĩ mà không phổ-cập được như truyện *Kiều* cho khắp hạng người trong xã-hội, đó là bởi cái lý-tưởng siêu-việt thâm-trầm nó ẩn-ngụ ở trong vậy. *Cung-Oán* là một áng văn-chương tuyệt-tác trong nền quốc-âm, một cái bảo-tàng vô-giá của cổ-nhân di-truyền lại cho bọn ta. Quý-hóa thay ! Những khi đêm khuya thanh-vắng, đối ngọn

dền xanh, bàng-khuảng tắc dạ, một mình một bóng trong chốn văn-phòng, gỡ quyền *Cung-Oán* ra ngâm thì trông bình-sinh không có sự chi thú bằng ! Nhưng cái thú ấy là cái thú buồn-rầu mà lạnh-ngắt như khi mùa thu vậy, nó chỉ riêng cho kẻ đa-cảm đa-sầu, trầm-tư mặc-trởng.

Tên tác-giả là gì cùng sự-tích ngài ra làm sao thì kẻ thư-sinh cũng chưa được biết rõ - ràng, chỉ thấy tương-truyền rằng ngài là quan Ôn-nbư-hầu, đầu sinh về cuối đời nhà Lê. Ngài

nguyên là người có tri thông-minh, tài cao học rộng, có thể trên giúp vua nên đứng thánh-chúa minh-quân, dưới khéo kinh-luân mọi việc khiến cho nhân-dân được hưởng cuộc thái-bình thịnh-trị.

Nhưng, than ôi ! cái cân thăng-bình của loài người có mấy khi được đứng mực dẫu, tự cổ-lai những bậc có tài-tri sinh vào buổi hỗn-độn, gặp thời-thế suy-đồi, thường thường vẫn bị ngược-đãi một cách rất bạc. Vua trước đã tin dùng ngài, sau lại nghe những lời siểm-nịnh gièm-pha mà bãi ngài về. Buồn vậy thay ! Còn có sự chi khổ-não cho người hiền-nhân quân-tử bằng gặp phải bước đường long-đong ấy, cảnh-ngộ trắc-trở này. Giả-sử vua không biết đến ngài thì thôi, không kể làm gì nữa ; huống - chi đã biết mà sau lại không dùng nữa, như thế thì trách nào ngài chẳng đeo nỗi ưu - phiền, mang lòng bực-tức.

Ngài soạn ra khúc *Cung-Oán* ấy cũng vì cái khổn-cảnh, cái khổ-tâm của ngài nó cưỡng-bách ngài, bất-đắc-dĩ mà ngài phải hạ bút làm, làm để tả cái tình - tiết u-ẩn nung - nấu trong lòng. Thế cho nên những lời mà ngài thổ-lộ ra toàn là những lời oán-hận thiết-tha, gay-gắt chua-chát như giọng cảm-hờn, bi-ai rền-rĩ như tiếng khóc-thau, làm cho người ta mỗi lần đọc đến phải thấm-thía cảm-động vô-cùng, chau mày mà rơi lệ, ngậm-ngùi thương thay cho cái nông-nổi oan-uổng đau-đớn của kẻ đoan-trường, cái thân-thể liêu-tao sâu-khổ của người bạc-mệnh.

Nhân t hấy đời xưa bên nước Tàu có một nàng cung-phỉ nhan-sắc khuy-nh-thành, tài-hoa tuyệt-phẩm, trước được thừa ơn vua yêu mến, sau bị vua bỏ không nhìn nhận đoái-hoài chi tới, để đến nỗi thân-phận liêu-bồ phải mặt ủ mày ê, son phai phấn nhạt, đứng tủi ngồi sầu, hết than lại khóc, cái tình-

cảnh lữ - làng ấy cũng đáng thăm-thương ! Vì cùng hợp với cái cảnh-ngộ của ngài, nên ngài bèn mượn lời người thừa xưa ấy để bày tỏ tấm lòng sót-sa bí-đát của ngài.

Khúc *Cung-Oán* này là lời một nàng cung-phỉ than thân trách phận trong chốn tiêu-phòng lạnh-lẽo tịch-mịch, Cảnh tiêu-sắt, giả thê-lương, đó là hai cái nguyên-tố nó bao-hàm cả nghĩa truyện từ đầu đến cuối. Trời thu thăm-đạm, gió vàng hắt-hiu, trăng tà hoa rụng, để dục quỳen kêu, còn cái cảnh nào cảm-động người ta mạnh bằng cảnh mùa thu nữa ? Trông cái sắc mùa thu, nghe cái tiếng mùa thu, thế cũng đủ khiến cho người ta trong giả bồi-hồi tê-tái, tinh-thần phảng-phất mơ-màng, như tỉnh như mê, bàng-khuàng rầu-rĩ, nghĩ-ngợi vẩn-vơ. Cảnh đã tiêu-diêu mà người lại là người thuyên-quỳen ngòi tro-troi, một mình một bóng trong chốn thâm-khuê lặng như tờ, tình đã buồn mà cảnh lại vô-duyên, như vậy thì thật dễ khiến cho khách quàn-thoa phải lai-láng mạch sầu mà hồi-tưởng lại buổi xuân-xanh tơ-liều yêu-đào, hoa cười ngọc thuyết.

Nhớ ngày nào nàng còn sắc tươi như hoa, đẹp như gấm, má đào hây-hây, mắt trong suốt tựa làn sóng mùa thu, cá lặn nhận sa, hoa say nguyệt dắm, nhất đời còn ai đẹp bằng ! Tài thì thơ đàn anh họ Lý, vẽ bậc chị chàng Vương, cờ ngang Đế-Thích, rượu tình Lưu - Linh, đàn gảy khéo như Tư-Mã, phú làm hay tựa Tiêu-Lang. Một bậc khuê-môn đài-các sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành mà lại có cái tài-hoa phi-thường như thế thì kể trên đời cũng hiếm có vậy ! Say vì sắc, trọng vì tài, những khách vương-hầu khanh-tướng ai ai cũng phải ngấp-nghe ước-mong. Cái số-phận của nàng mai-hậu chẳng là sung-sướng vui-vẻ lắm đư ? Nhưng ngẫm-ngĩ cho kỹ thì cuộc đời chẳng qua như giấc chiêm-

bao, tản-mát như bọt trôi, bênh-bồng như bèo nổi. Người ta sống ở đời chẳng qua như kẻ lữ-hành, chớ chiếc thuyền lênh-dênh trong bến mê man-mác, bề khổ mệnh-mông. Cơ trời đa-đoan, tang-thương biến-cải, thành-bại thịnh-suy chỉ trong giây phút là xong, phú-quí vinh-hoa cũng thấm-thoắt mây bay vùn-vụt chớp nhoáng. Hai chữ danh-lợi thật là cái bả giữ làng xam-mã, lừa gã công-khanh, cái con phong-ba giữ-giội trong bể hoạn mịt-mù bát-ngát. Đau-dớn thay là kiếp người ! muốn được com ăn áo mặc, hưởng cuộc giàu sang thì phải cùng-tám kiệt-tứ, bôn-tần phong-trần, mưu lọc chước lừa, ra luồn vào cúi, thế mà đến lúc chết thì cũng chẳng qua một nắm cỏ-khâu gì gì ! Nghĩ đến thế-sự nhân-tình thì lấy làm ngao-ngán trăm chiều, buồn-rầu mọi nỗi, mà chỉ muốn đem mình nương nhờ cửa Phật, ngày tháng tiêu-dao cảnh thuyền. Kịp đến khi đã thoát-li cõi đời, bụi trần rũ sạch, thì tấm thân được mát-mẻ nhẹ-nhàng, vong-hồn thanh-thoi bay trên mây tầng mây, siêu-thăng về cõi Cực-lạc, chân bước lên chốn tòa-sen. Nhưng người tài-sắc trời nào có dễ yên cho ; biết đâu tay Nguyệt-Lão vô-tình kia lại se ngay nằng vào nơi cung-điện lâu-dài để cùng với vua chúa sánh đôi. Gối phượng chẵn loan, đệm hồng-thúy, bóng bội-hoàn, tiếng đàn thành-thốt, giọng địch nỉ-non, lửa duyên vừa bén, giấc xuân đương đậm đương nồng, bề ái nguồn ân kẻ sao cho xiết, còn có cái đêm nào vui-sướng cho bằng ? Con nhà khuê-các mà được tiến lên bệ rồng thì kẻ ra cũng được phỉ lòng mong ước, cam công mang tiếng thuyền-quyên với đời. Cuộc nhân-duyên đã thành và được thỏa-mãn xứng-dáng muôn phần tốt-tươi, thế thì chắc sau này cũng không đến nỗi phụ công tô-diềm má-hồng mây xanh. Nhưng cơ trời lên

xuống đời thay, ai ngờ đầu cá nước duyên may, tốt đời đẹp lứa mà hóa ra hương sầu phấn tui, gối độc chẵn đơn, buồng không bóng chiếc, cửa mốc sần rêu. Lạnh-lùng thay ! cảnh-huống vui-vầy đắm-thắm bỗng chốc hóa ra nông-nổi thê-thảm dờ-dang ! Càng ngẫm-nghĩ đến cái cơ-duyên ấy, cái thân-thế này thì càng thêm bối-rối bàng-khuàng, giọt lụy khôn cầm, đôi hàng chau-chứa. Đêm năm canh một mình trông ngóng, hết đứng lại ngồi, khắc-khoải ngằn-ngờ. Gió thổi cây dung, chuông rền để khóc, càng thấy cảnh càng thêm ngao-ngán lòng. Nơi lầu son gác tía coi tựa-hồ như chỗ ngục-thất tối-tăm lạnh-lẽo. Nếu có biết trước thế này thì thả trọn đời kết tóc se tơ kẻ quê mùa, rau cháo cho qua ngày tháng, khi đi khi về đàn con riu-rit, trăm năm riêng một cảnh điền-viên, như vậy chẳng vui-sướng gấp mấy mươi thế này dư ? Nhưng tiếc thay bây giờ tay đã rùng trâm rồi, phỏng còn hối-hận oán-thán gì được nữa ! Dầu có ăn-năn than-khóc ra nữa thì sự cũng đã lỡ rồi, phỏng có được ích chi. Thôi cũng đành chịu duyên bề-bàng, phận hẩm-hiu vầy.

*Nghĩ mình mà ngán cho mình,
Cái hoa đã trót gieo cành biết sao ?*

Được vương-giả sao nỡ bắt-công như thế ? Lượng thành hải-hà hẳn quyết mực đa-doan ? Ngán thay ! thân liêu-hồ mà phải chịu cảnh nước chảy hoa trôi, nuốt cay ngậm đắng. Biết bao giờ trên chín-bệ mới thấu rõ cái khổ-cảnh, cái thảm-tình này cho ? Phỏng đến lúc bấy giờ liệu còn giữ trọn được má hồng như xưa không ?

Như thuyết-giả vừa nói trên kia, *Cung-Oán* là một nền kiệt-tác trong văn-giới nước ta, lời lẽ thật nặng-nề khắc-khổ, tinh-ý rất ai-oán não-nùng ;

Mỗi một câu nói đau-đớn như giọt máu mới sa, réo-róc như giầy đàn sắp đứt, ra-rả như quỳên kêu, rền-rĩ như rế gọi, lạnh-lùng như trận gió bắc cơn mưa râm, chua sót như giọng than sầu tiếng khóc thảm trong buổi đêm trường. Nói tóm lại văn *Cung-Oán* là một thứ văn bi-thu cảm-hận vô-cùng, mỗi lượt đọc đến tinh-thần phải thấm-thía, tác gia phải thể-trương và dễ sinh ra chán-nản cuộc đời, thiết-tha sự thế. Cũng có chỗ nói đến cái khoái-lạc thú-vị ở đời, nhưng trong cái khoái-lạc thú-vị nhất-thời ấy vẫn có cái khổ-não đắng-cay vô-hạn. Mỗi một dòng chữ trong *Cung-Oán* tức là một khúc sầu-tràng vấn-vít, khó mà đoạn-tuyệt. Lời văn đã rền-đúc gọt-rũa cực-xảo như thế, ý-tứ lại uyên-áo, tu-trưởng thật thâm-trầm. Tác-giả không những chỉ thiên-tả cái thân-thế, cái số-phận của nàng cung-phi ấy mà thôi, ngòi lại còn suy-diễn rộng ra mà tả cả cái thân-thế cái số-phận của hết mọi người sống trên đời, cái vận-mệnh của khắp muôn vật trong vũ-trụ, giam-hãm trong vòng sinh-hóa luân-chuyển, đấm-đuối trong bể khổ-hải trầm-luân. Lý-tưởng sâu-xa rộng - rãi thay ! cái lý-tưởng ấy là cái lý-tưởng siêu-việt của đạo Phật vậy. Vừa có cái câu văn lão-luyện điêu-khắc kia, lại vừa có cái tu-trưởng mệnh-mông, cái khuynh-hướng cao-thượng này, cảnh hợp với tình, lời xứng với ý, văn-chương thế mới thật là văn-chương, mới thật là có giá-trị vậy.

Nay xin trích-lục những câu sau này mà thuyết-giả lấy làm hay nhất khéo nhất.

*Nhị hoa chưa mĩ miệng cười,
Gấm nang Tô đã nhạt mùi thu-dung,
Áng đào-kiếm đâm bóng nảo-chúng,
Khỏe thu-ba rợn sóng khuynh-thành.
Bóng gương lấp-ló trong mảnh,
Cỏ cây cũng muốn nổi tình mây mưa.
Chim đáy nước cá lừ-dừ lặn,*

Lừng da trời nhận ngân-ngọc sa.

*Hương trời, dấm nguyệt, say hoa.
Tây-Thi mất via, Hằng-Nga giặt mình...*

*Tai nghe nhưng mắt chưa nhìn,
Bệnh Tê-Tuyền đã nổi lên đùng-đùng.*

Tả cái nhan-sắc của người con gái đến thế là thật khéo. Đọc ngần ấy câu ta cũng đủ hình-dung mô-tả được người mỹ-nữ trong trí tưởng-trọng vậy. Cái đẹp ấy là cái đẹp cực-điểm tuyệt-vời, cái đẹp có tài-tình thi-vị, cái đẹp cảm-động muôn loài, ngửa-nghiêng thiên-hạ.

*Kia ! thế-cục như in giấc mộng,
Mây huyền-vi mở đóng khôn lường !...*

*Thảo nào khi mới chôn rau,
Đã mang tiếng khóc bưng đầu mà ra !
Khóc vì nỗi thiết-tha sự thế,
Ai bày trò bãi bể nương dâu ?...*

*Sóng còn cửa bể nhấp nhô,
Chiếc thuyền bão-ảnh thấp tho mặt ghềnh...*

*Phong-trần đến cả sơn-khê,
Tang-thương đến cả hoa kia cỏ này !...*

*Trăm năm còn có gì đâu,
Chẳng qua một năm cô-khâu gì gì !...*

Triết-lý mới sâu-xa rộng-rãi thay ! Lấy cái thân-thế một nàng cung-phi mà quan-niệm về khắp muôn vật trong trời đất, gồm cả từ loài vô-tri vô-giác cho đến con người ta là chủ giống động-vật. Tổng-chi vật nào cũng đều có một cái định-mệnh tuyệt-đích, là đã sinh ra ở trong vũ-trụ thì tất-nhiên phải xoay-vần biến-hóa, phải tiêu-diệt vào cõi hư-vô ; cây vàng lá ố, chim sa cá lặn, sông lở núi tan, hoa tàn cỏ héo ! Thế thì cuộc đời đáng là một giấc mộng, người sống ở đời rõ người nằm trong mộng vậy. Sách tàu có chữ : *Nhân sinh như bạch-câu quá-khích*, cùng cái câu của nhà triết-học Pháp J. DE MAISTRE : Người ta chẳng qua là một con ma-troi, một cái bóng, một cái

hơi bốc lên trên không rồi tan» (*L'homme n'est rien qu'un fantôme, une ombre, une vapeur qui se dissipe dans les airs*), cũng đều chỉ một ý như ở đây vậy. Ngâm nghĩ suy xét như thế thì nhiều người cho là lạc hẳn đầu-dề, nhưng không phải, vì cái cảnh đoạn-trường, cái nổi thống-khổ của nàng cung-phi ấy, tức là cái biểu-hiệu cho cả cái vận-mệnh của vạn-vật phải sinh sinh hóa hóa dấm-đuối trong bể trầm-luân.

*Đóa lê ngon mắt cứu-trùng,
Tuy mây diêm nhạt nhưng lòng cũng xiêu...*

*Đuốc vương-giả chí-công là thế,
Chẳng soi cho đến khóe âm-nhai!...*

*Vốn đã biết cái thân câu trỏ,
Cá no mỗi cũng khó dữ lên!...*

*Nào hay con tạo trên người,
Hang sâu chút hé mặt trời lại dâm!...*

Lời lẽ mới thắm-thía chua cay sao !
Độc tâm câu này thì đủ biết rằng cái lòng oán-hận ấy đã tới cực-diêm vậy. Vì oán-hận bứt-rứt quá đến nỗi phải cầm gan tim ruột lại, thế cho nên mới phát-lộ ra giọng mỉa-mai gay-gắt này.

*Giết nhau chẳng phải lưu-câu,
Giết nhau bằng cái u-sầu, độc chưa ?*

Ồi ! Cái đau đớn ở trong tâm-hồn thật là mạnh-mẽ gấp mấy mươi cái đau-dớn bên ngoài vật-chất, vì cái đau càng u-âm ngấm-ngấm bao nhiêu thì lại càng kịch-liệt bấy nhiêu.

*Má hồng không thuốc mà say,
Nước kia muốn đổ thành này muốn long!...*

Tự thừa xưa đến giờ dù ở nước nào cũng vậy, người đàn-bà có một cái thể-lực rất mạnh.

Tuy ít khi làm nên những thủ-doan phi-thường, tát cạn sông Hoàng-hà, lay đổ núi Thái-son, xông pha mũi tên hòn đạn, ngọn giáo đầu gươm, hò hét ba quân ở đám chiến-trường, nhưng người đàn-bà là một cái động-cơ rất

mạnh trong xã-hội, đã từng bao phen gây nên lăm mồi phân-tranh, chuyên-dịch thời-thế, biến-hóa nhân-tâm, làm cho quốc-gia phải khuy-nh-đảo, xã-tắc phải nguy-vong, muôn việc ở đời phải thất-bại. Vua Kiệt vua Trụ cùng lắm vì để-vương khác ngày xưa mất thiên-hạ cũng chỉ tại ham-mê say đắm cái sắc đẹp. Nguy vậy thay !

*Muốn đem ca tiểu giải phiền,
Cười nên tiếng khóc hát nên giọng sầu.
Ngọn tâm-hỏa đốt rêu là liễu,
Giọt hồng-băng thấm rêu làn sêu.*

Độc bốn câu này thì thấu-rõ được hết cái tinh-tiết cùng cái tâm-lý của người trong truyện vậy. Cái buồn này là cái buồn vô-hạn, cái thâm không cùng.

Đêm phong-vũ lạnh lùng có một,

Giọt ba-tiêu thánh-thót cầm canh.

*Bên tường thấp thoáng bóng huỳnh,
Vách song nghi ngút đèn xanh lờ mờ.*

Tả cái cảnh tiêu-sắt tịch-mịch trong lúc đêm thu thì đến bốn câu này là tuyệt-bút, nghe nó phảng-phất như những câu cực-tả trong Đường-thi.

Đại-dề câu nào ở trong *Cung-oán* cũng tuyệt-bút, cũng cực-tả, câu nào cũng hay cũng khéo, cũng réo-rắc não-nùng, cũng bi - thương oán-hận, câu nào cũng thiết-tha khắc-khổ như câu nào vậy. Văn-chương *Cung-oán* gồm được cả ba lối : tả-cảnh, tả-tình, triết-lý, mà lối nào cũng hoàn-toàn, cũng tận-mĩ cả. Cứ xem như khúc *Cung-oán* này thì đủ biết rằng văn nôm ta sung-túc biết bao ! Nếu ta biết khéo vun - trồng tập - luyện quốc - văn thì ắt có một ngày kia — cái ngày ấy chắc cũng không xa và ta cũng đừng nên mong rằng nó xa — chữ quốc-ngữ không những là chỉ để dùng học phổ-thông mà thôi đâu, lại còn có thể

dùng để học chuyên-môn được như những khoa-học và triết-học ở bên Thái-Tây bây giờ. Vậy kẻ thư-sinh dám xin khuyên các bậc học-giả trí-thức trong nước (kẻ Nam hay người Bắc) nên bảo-tồn lấy quốc-túy, hằng ngày lưu-tâm chú-ý đến văn-nôm, bồi-dưỡng chăm nom lấy nó, đừng để nó đến nỗi phải dần dần hao-mòn tiêu-diệt đi và bị một thứ tiếng khác mạnh thế vào; vì tiếng nói mà đã mất thì tất-nhiên nói-giống cũng không còn. Thế thì những người đã có lòng nhiệt-thành ái-quốc lại chẳng nên lấy quốc-văn làm quan-trọng lắm đư? Muốn cho chủng-tộc được sinh-tồn, quốc-dân được cường-phủ thì ta phải học tập, nhưng muốn cho sự học được chóng mở-mang tiến-

hóa thì ta cần phải có một nền quốc-văn rất phát-đạt, rất vững-bền mới được. Cái tiền-đồ của sự học nước ta sau này sẽ được rực-rỡ sáng-sủa hay không, đó là một điều mà khắp quốc-dân đều trông mong cả vào cái kết-quả của văn quốc-ngữ. Nếu quốc-văn mà tiến thì cái trình-độ dân-trí sẽ được cao lên một bậc, nếu quốc-văn mà thoái thì cái trình-độ dân-trí sẽ phải thấp xuống mấy tầng. Thuyết-giả dám xin cùng với các ngài đem lòng chí-thành mà thấp hương đốt lửa cầu-khẩn cho quốc-văn chóng được hưng-thịnh kết-quả, để cùng với dải giang-son của tổ-quốc này sinh-tồn trường-cửu mãi mãi.

Học-sinh NGUYỄN VĂN-LUẬN

TIỂU-THUYẾT

TRUYỆN ANH CHÀNG ĐI KHÁP THIÊN-HẠ ĐỀ HỌC... RUN

(Truyện-kỳ tiểu-thuyết)

Một ông kia có hai con trai. Anh con cả thời tài-giỏi khôn-ngoa, làm việc gì cũng được. Nhưng anh thứ hai thời ngu-độn, chẳng hiểu tí gì, chẳng học được gì. Ai trông thấy anh ta cũng phải nói : « Anh này chỉ làm cái nợ cho cha. » Trong nhà có việc gì làm, chỉ một mình anh cả làm hết. Nhưng gặp khi buổi chiều hay buổi tối, ông cha sai đi đâu, phải đi qua bãi tha-ma hay nơi vắng vẻ nào, anh ấy tất nói : « Con xin cha đừng bắt con đi bây giờ, con sợ lắm », vì anh ấy vốn tính dốt thật.

Hoặc có khi đương đêm, ngồi quanh lò sưởi, kể những truyện yêu-tình ma-quỉ, người ngồi nghe thỉnh-thoảng lại nói : « Nghe mà rùng cả mình ». Anh thứ hai cũng ngồi một số nghe, không hiểu nói thế là nghĩa thế nào, nghĩ trong bụng rằng : « Họ nói luôn : Tôi

rùng cả mình ! Tôi run cả người ! Mà mình chẳng thấy rùng mình, run người bao giờ cả. Cái này chắc là một nghề riêng của họ mình không hiểu. »

Một ngày, ông cha bảo anh ta rằng :

— Nay, ta bảo : Bây giờ mày đã khôn lớn rồi, cũng phải học lấy nghề gì để mà kiếm ăn. Trông thẳng anh mày nó làm ăn khó nhọc thế nào, mày chẳng được công-chuyện gì cả.

Anh ta nói :

— Thưa cha, con cũng muốn học cho biết một nghề gì. Cha có bằng lòng, để con đi học run ; con thật không biết run là thế nào.

Người anh cả nghe em nói câu ấy, bật buồn cười, nghĩ bụng rằng :

— Trời ơi ! Thằng em mình nó ngu-ngốc quá thật, chắc không bao giờ làm nên nghề-ngỗng gì.

Ông cha cũng thở dài mà nói rằng :

— Mà muốn học run, rồi mà cũng biết run. Nhưng không phải biết run mà kiếm được miếng ăn.

Một hôm, thầy-cả ở nhà thờ đến chơi nhà. Ông cha nói chuyện nôm nỉ về người con thứ hai nó chẳng làm được việc gì, nó chẳng biết một tí gì, nó chẳng học được tí gì. Ông nói rằng :

— Ông thử nghĩ nó nói với tôi thế này có buồn ruột không : Tôi hỏi nó định làm nghề gì để kiếm ăn, nó nói nó muốn đi học run !

Thầy-cả nói :

— Học gì chứ học thế, để tôi dạy cho. Ông cứ cho nó lại tôi, tôi sẽ sửa nết được ngay.

Ông cha cũng bằng lòng ngay, vì muốn có người sửa cho nó bớt dại.

Vậy thầy-cả đem anh chàng về nhà. Sai một việc đánh chuông. Đến được mấy hôm, đương nửa đêm, thầy đánh thức giậy, sai phải lên gác chuông đánh chuông. Thầy nghĩ bụng : « Mà muốn học run, ông cho mà run. » Thầy lên lên gác chuông trước ; đến khi anh chàng lên tới nơi, sắp nắm lấy thừng kéo chuông, thì trông thấy một cái hình trắng-trắng ở bên thang, gần nơi ổ chuông. Anh ta liền quát hỏi :

— Mà làm gì đây ?

Nhưng con ma giả không đáp mà cũng không động,

Anh ta nói :

— Mà có trả lời không ? Mà có trả lời không ? Không thì mà cắt thừng, mà không có việc gì ở đây.

Nhưng thầy-cả vẫn cứ đứng im để cho anh chàng ngỡ là ma thật.

Anh ta lại hét lên :

— Mà đến đây làm gì ? Mà là người lương-thiện thì mà phải nói, không tao đập xuống chân thang bây giờ.

Thầy-cả nghĩ bụng : « Nó dọa thế, nó chả dám làm đâu », thầy cứ đứng yên như cái tượng. Anh chàng lại hét hỏi một lần thứ ba nữa, cũng không thấy trả lời gì. Bấy giờ mới nóng tiết lên, ra sức đẩy cho một cái ngã xuống dưới gác. Ma giả ta lăn xuống mấy bậc, may có chỗ rẽ mới ngã sóng-sượt ra. Anh chàng đánh chuông xong, xuống đi ngủ, không nói không rằng, ngủ yên như không. Vợ thầy-cả đợi mãi chông không thấy về, có ý sợ, chạy lại hỏi anh chàng :

— Anh có biết nhà tôi ở đâu không ? Nhà tôi treo lên gác chuông trước anh mà.

Anh chàng nói :

— Không, tôi không biết. Nhưng tôi có trông thấy một người đứng ở cạnh ổ chuông, tôi hỏi không nói không rằng, tôi đuổi không đi không chạy, tức mình tôi đẩy xuống dưới thang. Bà thử lên xem có phải ông không ; nếu phải thật thì tôi quá tay có lỗi.

Bà mẹ vội vàng chạy lên, thấy chông nằm ở góc thang, gãy mất một cẳng. Bà đem vào giường, rồi học-tốc chạy lại nhà ông bố anh chàng, kêu-la rầm-rĩ ;

— Con ông làm hại tôi. Con ông đẩy ngã chông tôi xuống dưới thang gãy mất một chân. Đồ vô-loại, ông đem nó về ngay !

Ông cha kinh-hoảng chạy lại, đánh cho con một chập, rồi bảo rằng :

— Mà làm cái trò ấy là nghĩa làm sao ? Thằng này, để quỷ nó ám mà chắc !

Anh chàng nói :

— Thưa cha, cha nghe con, có phải tội con đâu : Ông ấy đứng trong số tối, như là một kẻ gian. Con có biết là ai đâu. Đã ba lần con báo đi, không chịu đi.

Ông cha nói :

— Thôi, mày chỉ làm khổ tao thôi. Mày séo ngay, tao không muốn nhìn mặt mày nữa.

Anh chàng nói :

— Cha dạy con xin vâng, nhưng cha để cho đến sáng mai, con sẽ đi học run. Con học được nghề ấy, có lẽ đủ nuôi thân.

Ông cha nói :

— Mày muốn học gì thời học, tao không cần. Đây, cho mày năm-mươi đồng bạc, mày đi Đông đi Tây mặc mày, nhưng đừng có nói cho ai biết quê-quán mày ở đâu, tên cha mày là gì, vì tao để ra mày tao xấu-hổ lắm.

— Cha dạy thế, con xin vâng ; nếu cha chỉ bắt có thế, thời con cũng để theo.

Anh ta cầm lấy năm-mươi đồng-bạc, rồi đến tang-tảng sáng đi ra ngoài đường cái, vừa đi vừa lầm-bầm : « mình học run được thời sướng biết bao nhiêu ! »

Đi đường gặp một người nghe thấy anh ta nói thế. Hai người cùng đi, đến gần cái đu thắt cổ người có tội, người kia nói :

— Anh trông cái đu này, có bảy thẳng yô-lại vừa mới lấy con lão hàng thùng (1). Anh thử ngủ dấy một đêm, rồi biết run là thế nào.

Anh chàng nói :

— Nếu học run dễ như thế, thì được. Hễ tôi học được, tôi cho anh năm-mươi đồng. Sáng mai anh lại đây.

Anh ta bèn ngồi xuống chân cái đu, đợi cho đến tối. Thấy lạnh, bèn đốt lửa. Nhưng đến nửa đêm thời gió lạnh càng buốt, đốt lửa cũng không đủ ấm. Gió thổi, mấy cái xác người chết treo đập cái nọ vào cái kia, dao-động luôn. Anh ta nghĩ bụng rằng : « Mình ngồi cạnh lửa còn lạnh buốt thế này, mấy

chàng đứng lủng-lơ trên kia, dễ rét cóng cả người ! »

Anh ta vốn có bụng tốt, hay biết thương người. Bèn bắc thang vào cái đu, trèo lên tháo từng người ra, đem cả bảy cái xác xuống. Rồi đốt thêm củi, đặt bảy người chung quanh đồng lửa để cho mà sưởi. Nhưng mà bảy người cứ nằm yên, lửa cháy cả quần áo. Anh ta hét to lên :

— Phải cẩn-thận chó ! Không thời tôi lại mắc cả lên trên kia bây giờ.

Nhưng mà lũ chết treo không nghe, cứ nín lặng, để cho cháy cả quần áo. Anh ta đỏ mặt tía tai, bảo rằng :

— Tôi bảo sưởi cho cẩn-thận, không cẩn-thận, mặc kệ các anh. Tôi đây không muốn cháy lây với các anh rồi.

Nói thế rồi, lại vác từng người treo lên đu. Đoạn, nằm ruỗi thẳng ra bên cạnh đồng lửa, ngủ cho đến sáng.

Sáng sớm, người khách trở lại, đòi năm chục bạc, nói rằng :

— Chắc bây giờ anh đã biết run là thế nào rồi.

Anh chàng nói :

— Không, tôi chẳng biết run là thế nào cả. Mà ai dạy cho mà biết ? Mấy bác lơ-lủng trên kia, hỏi không thêm mở miệng, xuống đến nổi nằm sưởi cháy cả quần áo.

Người khách biết rằng không thể lấy được năm chục bạc, đảo cẳng bước, mà nói :

— Trần đời không thấy thẳng nào ngốc như thẳng này

Anh chàng cũng đi, vừa đi lại vừa lầm-bầm :

— Ừ, làm thế nào mà học cho biết run ? Giá học được run thời mình sướng biết thế nào !

Một anh đánh xe vừa đi qua, nghe thấy thế, bèn hỏi :

(1) Nghĩa là vừa mới bị thùng thắt cổ chết.

— Tên anh là gì ?
 — Tôi không biết.
 — Cha anh làm nghề gì ?
 — Tôi cũng chẳng hay.
 — Anh làm-bầm gilườn trong miệng
 thế ?
 — Tôi muốn học run, mà chẳng
 ai dạy được tôi cả.

— Anh này nói nhảm. Thôi, đi về
 với tôi, tôi cho ngủ trọ.

Anh chàng theo người đánh xe, đến
 một cái quán, định ngủ đêm. Bước vào
 trong quán, lại cứ làm-bầm như thế,
 rồi nói to lên rằng :

— Ủ, làm thế nào mà học cho biết
 run ? Giá học được run thì mình
 sướng biết thế nào !

Người chủ quán nghe thấy thế bật
 cười, nói :

— Anh có muốn run, anh sẽ có dịp
 mà run ngay đây.

Người vợ vội gạt phắt đi, nói :

— Thôi đi ! Biết mấy đứa táo gan
 đã chết vào đấy rồi. Xem chàng này
 có con mắt cũng xinh-xắn, mắt này
 mà không được trông thấy ánh mặt
 trời nữa thì hoai của quá !

Anh ta vội nói :

— Tôi đi Đông đi Tây, có một nghề
 học mãi không được. Nếu nay có cách
 học được, dù khó-khăn nguy-hiểm thế
 nào, tôi cũng không ngại.

Anh ta cứ thúc mãi người chủ quán,
 sau người ấy phải kể cho anh ta nghe
 rằng gần đấy có một cái lâu-thành
 có ma ám, ngủ ở đấy ba đêm thì đủ
 biết run là thế nào. Ông vua bản-xứ
 có hứa rằng người nào ở đấy luôn
 được ba đêm mà không việc gì, thì
 vua sẽ gả công-chúa là con gái cho, mà
 công-chúa này thì là một người đẹp
 nhất trần-đời, dưới bóng mặt trời
 không có người con gái nào đẹp hơn.
 Trong thành lại có thần thiêng giữ cửa,
 của ấy ai đoạt được thì người ấy

được. Đã nhiều người liều mao-hiểm
 mà không ai được sống về.

Sáng hôm sau, anh chàng đến ra
 mắt vua, tình-nguyện xin ở ba đêm
 trong lâu ma ám. Vua nhìn anh ta giờ
 lâu, coi người cũng khá, bèn phán
 rằng :

— Mi được phép đem theo ba vật,
 nhưng không được đem một giống gì
 là sinh-vật.

— Xin cho tôi củi để đốt lửa, một
 cái bàn thợ tiện, một cái ghế để rửa,
 với một cái búa.

Ngay hôm ấy vua cho đem theo cả
 bấy nhiêu thứ vào trong lâu.

Đến chập tối, anh chàng vào, đốt
 lửa ở trong phòng, cạnh cái ghế để
 rửa, rồi ngồi chễm-chệ lên cái bàn thợ
 tiện.

Anh làm-bầm một mình : « Không
 biết có học được run hay không.
 Nhưng có lẽ ở đây cũng không học
 được đâu. »

Đến nửa đêm thì đốt lửa to lên,
 dương thổi cho lửa cháy, bỗng nghe
 thấy tiếng kêu ở trong số : « Meo !
 meo ! lạnh lắm, lạnh lắm ! »

Anh ta nói :

— Rồi các bác đại quá, kêu làm chi
 như vậy ; có lạnh thì lại gần đây
 mà sưởi.

Anh ta vừa nói dứt câu thì
 thấy hai con mèo to-trông nhảy
 đánh vụt một cái ra ngồi bên cạnh
 mình, mắt sáng quắc, nhìn dữ tợn.
 Được một lúc sưởi ấm-áp rồi, bảo anh
 ta rằng :

— Đánh bài không, anh chàng ?

Anh ta nói :

— Đánh thì đánh, nhưng cho xem
 chân đã.

Hai anh mèo giờ móng ra.

Anh chàng nói :

— Trời ơi ! móng gì mà dài thế này, đợi đấy tao rửa bớt cho.

Nói đoạn, túm ngay giữa cổ đặt vào cái ghế giữa, rồi nhét chân vào kim, nhìn một lúc rồi nói :

— Trông chân tay mà ghê, không muốn đánh bài với các bác nữa !

Nói rồi, giết phắt ném qua cửa sổ xuống dưới hào. Lúc sắp về chỗ ngồi để sưởi thì thấy bốn bề những mèo đen chó nâu chạy òa ra, chó lại đeo vòng cổ bằng sắt nung đỏ. Chạy ra nhiều quá, anh ta không biết tránh vào chỗ nào. Bấy nhiêu con cùng kêu rầm cả lên, nhẩy vào đống lửa, vây vung cả củi lửa lên cho tắt đi. Anh ta cứ để cho nó nhẩy một lúc. Nhưng trông thấy chúng nó hăng cuồng quá, sau rút con dao ra, đuổi thét : « Lũ chó cuồng này, có chạy ngay không ? » Mấy con chạy thoát, còn những con khác thì bị anh ta chém chết, ném xác ra cửa sổ. Xong lại về cạnh lửa, thồi đống tro tàn cho nó cháy lên rồi sưởi. Được một lúc thấy mi mắt nặng buồn ngủ, nhìn chung quanh mình, thấy trong góc buồng có cái giường lớn, nói : « Được, tốt lắm », rồi vào giường ngủ.

Vừa nhắm mắt thì cái giường chuyển động, chạy tứ-tung.

Anh ta nói :

— Tốt lắm, cứ việc chạy đi.

Cái giường bấy giờ chạy tể lên như cái xe buộc sáu ngựa, nhẩy tót buồng nọ sang buồng kia, qua thang này sang thang khác. Vụt ngã lảo' chiêng ra, vật sắp anh chàng xuống. Anh ta đứng giậy, ném cả chần cả gối, nói : « Ai nắm thì nắm, ông không nắm nữa ». Rồi ra ngồi cạnh đống lửa, ngủ cho đến sáng.

Sớm ngày vua đến thăm, thấy nằm soài dưới đất, tưởng ma vật chết rồi, than rằng :

— Tội-nghiệp ! con người thế này

mà chết !

Anh chàng nghe thấy ngồi dựng dậy, nói :

— Có đâu đến thế !

Ông vua lấy làm lạ, mừng hầy còn sống, hỏi chuyện đêm qua thế nào.

Anh ta nói :

— Đêm qua tốt lắm ; thế là được một đêm rồi, chắc hai đêm nữa cũng thế mà thôi.

Khi về quán, người chủ quán giương mắt lên, lạ-lùng quá, nói :

— Ta tưởng không trông thấy anh về nữa ; thế anh đã biết run chưa ?

Anh ta nói :

— Khốn nạn, chửa ! Nào ai dạy được cho tôi biết bây giờ thì tôi sướng quá !

Chiều, anh ta lại vào thành ngủ đêm thứ hai. Đốt lửa để sưởi, rồi lại cứ lằm-bằm trong miệng : Ước-ao gì cho biết run bây giờ ! Đến nửa đêm thấy tiếng động, trước còn nhỏ, sau to dần lên. Im đi một lúc, rồi thấy những tiếng kêu dữ-dội, và một cái nửa mình người tụt trên lò sưởi rơi xuống trước mặt anh ta. Anh ta nói :

— Chà, chà ! mới có một nửa, còn phải nửa nữa !

Bấy giờ lại thấy tiếng âm-âm, rồi một nửa nửa rơi xuống, găm thét vang lừng. Anh ta nói :

— Đợi đấy một tí, ta đốt lửa cho mà sưởi.

Đốt xong ngoảnh lại thì thấy hai phần người liền là một, thành một giống người kỳ-quặc, ngồi giữa chỗ anh ta. Anh ta nói :

— Tôi xin bác đừng dậy đi, chỗ này là chỗ tôi.

Người kia cứ ngồi, anh ta đẩy hát một cái, rồi ngồi vào chỗ.

Rồi đến mấy người nữa, cứ lần lượt nhau rơi xuống, đem chín cái ống chân, hai cái đầu lâu, xếp lại thành cỗ, rồi ngồi đánh. Anh ta đứng xem, cũng muốn vào đánh một ván, hỏi có đánh được không. Bọn quỷ nói :

— Máy có tiền thời cho đánh.

Anh ta nói :

— Có, nhưng mà con-lăn của các anh không được tròn.

Liền cầm lấy mấy cái đầu lâu, đặt vào máy tiện, tiện cho tròn.

Làm xong, vui-vẻ mà nói :

— Thế này nó lăn mới tốt.

Rồi cũng ngồi đánh lăn với bọn kia, thua mất một ít tiền. Khi đồng hồ đánh mười-hai giờ đêm thời cả bọn biến đi mất. Anh ta bèn nằm lăn ra đất, ngủ một giấc đến sáng.

Sớm mai, vua lại đến hỏi đêm thế nào. Anh ta nói :

— Đêm tôi có đánh quả lăn, thua mất mấy đồng bạc.

Vua hỏi :

— Thế có thấy run không ?

— Không, tôi chơi thích lắm. Nhưng nào đã học biết run là gì đâu !

Đến đêm thứ ba, lại vào ngồi ghế, cứ lằm-bằm ra dáng tức mình lắm : « Làm thế nào cho học run được bây giờ ? »

Gần nửa đêm thấy hiện ra sáu người lực-lưỡng, nghiêng cái quan-tài. Anh ta trông thấy nói :

— Kia, dễ thắng em họ ta nó mới chết mấy hôm nay.

Mấy người để cái quan-tài xuống đất, mở nắp lên, thấy trong có xác một người. Anh ta đến sờ mặt thấy lạnh như nước đá, nói : « Đợi đấy, ta soa cho, ấm » Bèn chạy lại đóng lửa, hơ tay cho nóng, rồi đem để tay vào mặt người chết. Nhưng người chết vẫn lạnh như giá. Anh ta bèn lòi ra ngoài quan-tài, kéo lại gần lửa, bóp chân tay để cho lưu-thông máu. Nhưng thấy làm mãi cũng chẳng ăn thua gì, chợt nghĩ có lẽ hai người nằm chung một giường thời ấm chẳng. Bèn đặt cái xác chết vào trong giường, đắp kín, rồi nằm bên cạnh ; một chốc, thấy

người chết đã có hơi nóng, rồi động-dậy. Anh ta nói :

— Thắng em, tao không ấp nóng cho thời mày đến chết.

Người chết nói :

— Ông bóp cổ mày chết bây giờ.

Anh ta nói :

—Ồ hay ! mày già ơn tao thế à ? Tao nhét mày vào trong xăng bây giờ!

Liền nắm lấy cái xác, bỏ vào trong xăng, rồi dậy nắp đóng lại. Bấy giờ lại thấy sáu người lực-lưỡng hiện đến mang xăng đi. Anh ta nói :

— Minh không thể nào học run được. Chắc ở đây cũng không bao giờ học được đâu.

Giữa lúc bấy giờ thời có một người to-lớn lạ-lùng, mặt mũi dữ-tợn hiện ra, nhưng xem người đã già và có râu bạc dài, nghe thấy chàng nói thế, ông bảo :

— Mày là thằng dại, mày muốn run ông cho mày run. Ông định đánh chết mày đây.

Anh ta nói :

— Chết đâu lại chết mau thế. Phải hỏi tôi có thuận chết mới làm chết được chứ !

— Mày thuận hay không thuận ông cũng làm mày chết.

— Xin ông, xin ông, ông đừng cậy sức, ông khỏe thật, nhưng tôi đây cũng khỏe, có lẽ hơn ông.

— Ai hơn ai thời biết. Nếu thật mày khỏe hơn tao thời tao để cho mày sống. Thi nhau nào :

Ông lão dắt chàng đi hết ngõ này đến ngạch khác, tối như hũ đút, rồi đến một nơi có cái lò bễ, ông cầm cái riêu đập xuống cái đe, làm cho cái đe ngấp sâu xuống đất. Trông thấy thế anh chàng nói :

— Tôi còn làm được hơn ông kia. Chàng bèn chạy lại một cái đe khác. Ông già đứng tựa hẳn vào bèn cạnh để xem đánh mạnh thế nào.

Anh chàng nhân tiện quàng ngay bộ râu ông già vào cái đe, rồi giáng một cái thật lực, nói :

— Ta nắm được mi rồi, mi chết bây giờ.

Anh ta liền lấy một cái dóng sắt, nện lấy nện để vào ông già, ông kêu van rầm-rĩ, xin tha cho thời sẽ lặng nhiều của-cải. Anh chàng bấy giờ mới rút cái riu ở trên cái đe ra, và tha cho ông lão. Ông dắt anh ta đến một cái hầm, rồi chỉ cho ba hộp đựng đầy những vàng, nói rằng :

— Một hộp cho kẻ khó, một hộp cho vua, một hộp cho anh.

Chuông đánh nửa đêm, ông già biến mất. Anh chàng thấy quanh mình tối-tăm mù-mịt, nghĩ bụng : « Làm thế nào tìm thấy đường ? », mò-mẫm mãi mới đến cái buồng đốt lửa, vào nằm cạnh đống lửa, ngủ đến sáng.

Sớm mai, vua đến, hỏi :

— Chắc mi đã học biết run rồi chứ ?

— Không. Đêm hôm qua tôi thấy thằng em họ tôi chết, với một lão già râu bạc, lão chỉ cho tôi vô-số vàng ; nhưng tôi vẫn chưa biết run là gì.

Vua nói :

— Thế là mi phá được cái ma nó ám trong thành. Ta sẽ gả con gái ta cho mi.

Anh chàng nói :

— Thế thì tốt lắm, nhưng tôi vẫn chưa biết run là gì !

Hôm sau vua sai người vào trong hầm lấy vàng ra, rồi làm lễ cưới cho chàng lấy công-chúa, và tôn lên bậc thiếu-vương. Nhưng ông thiếu-vương tuy cũng yêu-mến vợ, mà vẫn cứ lằm-bằm nói : « Không biết run thế nào ! không biết run thế nào ! »

Nghe mãi một câu ấy, công-chúa lấy làm giận lắm. Bà nữ-phó bảo công-chúa rằng :

— Được, cứ để tôi. Rồi tôi làm được thiếu-vương run cho mà xem.

Bà sai đem một thùng nước, trong đựng đầy những miếng sắt vụn, rồi đem đến lục thiếu-vương đương ngủ, bảo công-chúa cởi áo ra, bà đổ thùng nước vào mình thiếu-vương. Những sắt vụn loảng-xoảng trên mình, thiếu-vương hốt-hoảng thức dậy, nói :

— Trời ôi, tôi rùng cả mình, tôi run cả người ! Công-chúa ơi, bây giờ tôi mới biết run là thế nào...

HỒNG-NHÂN dịch

truyện cổ-tích nước Đức

PHU-NHÂN LÀ NGƯỜI TIẾT-KIỆM

(*Đoản-thiên kịch-bản*)

Kịch có hai vai :

Ông KHA-LẶC, 32 tuổi

Bà KHA-LẶC, 24 tuổi

Gia đình Ông Bà Kha-lặc là một nhà rất đài-các phong-lưu. Cơm sáng xong, Ông Bà ngồi trong phòng riêng. Trên bàn trên kỷ, vô-số những bình cùng lọ nhỏ-nhỏ xinh-xinh, bà vừa sửa cắm những bông hoa vào các bình các lọ, vừa nói chuyện với ông ngồi dựa nghiêng cái ghế đoản-kỷ, hút thuốc lá thờ conghê, dáng bộ ung-dung nhàn-nhã.

ÔNG. — Tối hôm nay chúng ta định làm gì ? Có phải đi đâu không ? Nghe không phải ăn khách đâu thì phải...

Có lẽ tối hôm nay chúng mình không có việc gì đấy, nhỉ ?

BÀ. — Không.

ÔNG. — Lạ quá ! Này, hay là mình có bằng lòng, chiều hôm nay chúng ta đi ăn cơm ở Lạc-viên-khách-sạn, rồi tiện đấy mua vé vào xem cái nhà hát nhỏ nào gần đây, cho nó khác thường một tí.

BÀ. — Tôi đã bảo nó làm cơm nhà chiều hôm nay rồi... Đi làm gì ? Mấy khi ở nhà, nên ăn cơm nhà hơn. Ta cũng nên tập tiết - kiệm một chút. Tối ở nhà nói chuyện với tôi, buồn lắm sao ?

ÔNG. — Minh nói phải lắm. . . Ý tôi cũng vậy. Ta ở nhà nói chuyện lại vui đấy. (*Ông nhìn ra ngoài cửa sổ*) Trời tệ quá ! Tôi chỉ ước sao cho tháng bảy này không đến nỗi khó chịu quá. (*Ông lại ngồi xuống ghế, ngáp*). À, mà mùa hạ này chúng mình định đi chơi mát đâu ?

BÀ. — Minh định đi đâu thì đi.

ÔNG. — Vợ-chồng Bồng-dề có mời chúng mình đi du-thuyền của họ lên chơi Bắc-Băng-dương ; mùa hè mà đi vùng ấy, sướng lạ.

BÀ. — Họ mời thì mời, mình nhận sao được. Họ giàu hơn nhà mình đến hai-mươi lần, mình có của đâu mà đi chơi hoang thế được.

ÔNG. — Đi là đi đông người, mỗi người chịu một phần thôi chớ. Nghĩa là cả bọn chung nhau mà đi. Minh thử nghĩ, nếu không thế thì tôi đã không nhận. . .

BÀ. — Phải, nhưng mà cách đi du-lich của họ xa-phi lắm, không thể theo

họ được, Chúng mình không có cách địch với họ được.

ÔNG. — Tùy-ý mình đấy. Hay là chúng mình đi chơi Ái-cô-ti, ngoạn phong-cảnh hồ.

BÀ. — Đi thế cũng phí quá.

ÔNG. — Mình không biết : dân Ái-cô-ti là dân ở núi, có tiếng trọng đãi khách tứ-phương lắm. Bây giờ chúng mình có đi chơi thì chỉ mất tiền xe lửa, còn đến nơi họ sẽ cho ăn, cho ở, không mất tiền... thú lắm !

BÀ. — Chỉ nói đùa mãi. Thôi, đừng mưu-tính những cuộc viễn-du hại tiền như thế nữa.

ÔNG. — Thế thì đi đâu ? Hay đi ra bờ biển vậy, nhé ?

BÀ. — Tôi chỉ bảo đi về quê chơi với thầy mẹ là hơn cả.

ÔNG. — Về quê buồn quá !

BÀ. — Về quê để mà nghỉ-ngơi... Lại khỏi xa-phi, có thể tiết-kiệm được.

ÔNG. — Trời ơi ! Lúc nào mình cũng chỉ nói tiết-kiệm hoài. Cứ nghe mình nói, tưởng trong nhà đã hết cả tiền rồi.

BÀ. — Minh cứ ăn-tiêu như thế thì cũng đến có ngày. Phải cần-thận mới được.

ÔNG. — Ừ, thì cần-thận. Nhưng mà đi đâu chớ đi về quê thì tôi van. Thà ở ngay Paris này, nằm hằm trong nhà, đóng cửa chớp lại, rồi bảo anh em rằng mình đi chơi Ngủ-hồ vắng. Anh

Phổ-sáo năm ngoài cũng đi chơi Ngũ-hồ, tôi còn thư của anh ta đây, cứ đem chép lấy những đoạn tả-cảnh hồ, rồi viết thư cho các anh em bà con, thế là người ta tưởng mình đi chơi thật.

BÀ. — Những thư ấy thời đem bỏ hộp giấy-thếp đầu phổ đây, có phải không?

ÔNG. — Ừ, nhỉ!

BÀ. — Đi biển thì đi, nhưng nên kiếm lấy nơi nào vắng-vẻ như ở Vu-cốc, không có cao-lâu, không có khách-sạn, không có nhiều người lịch-sự lắm, mình không phải làm bộ làm tịch mất tiền. Năm nay vợ chồng Lê-duy không đi, bảo họ cho mình thuê lại cái biệt-thự của họ, không mất mấy tiền.

ÔNG. — Minh nói như người lẩn... Cái biệt-thự của vợ chồng Lê-duy, tôi còn lạ gì, có khác cái chuồng thỏ! Với lại chúng mình bây giờ đi Vu-cốc, thiên-hạ họ bảo thế nào? Không khỏi họ bảo mình là hết của rồi.

BÀ. — Chưa hết của, nhưng mà một độ này thiệt-hại mất bao nhiêu tiền... Hai-mươi vạn quan ở nhà băng La-thoa, không kể những cổ-phần ở công-ty phần: cổ-phần ấy bây giờ xuống có 2 quan 75.

ÔNG. — Vẫn biết thế.

BÀ. — Minh thì mình chả chăm-chút gì cả... Chỉ biết tiêu thôi, tiêu đây, tiêu hoài. Hôm qua thầy vừa nói rõ cả mọi việc cho tôi nghe... Thầy nói rằng cũng

may mà giữ được cả cái món tiền hồi-môn của tôi, nhưng thầy bảo chúng mình cứ ăn-tiêu như cách thế này thời mình phải kiếm việc gì làm cho thêm ra.

ÔNG (làm ra bộ quẩn-quai) — Trời ơi! Tôi cũng lạy ông nhạc thôi, ông bắt tôi đi làm bây giờ, thì khổ quá!

BÀ. — Tôi tưởng người ta làm công làm việc chẳng có gì mà xấu-hồ. Thầy tôi ngày xưa cũng làm, làm trần-lực, làm hết sức. Hồi mới ra Paris, còn đi guốc bện rơm, nay nhờ Trời mới có miếng ăn miếng để.

ÔNG. — Thế nghĩa là ông nhạc bao giờ cũng có thừa đồ ăn. Ông là người biết phòng xa thật.

BÀ. — Chỉ nói đùa mãi... Hăng bả chức mà làm được như thầy.

ÔNG. — Xin vâng: thế đề chiều hôm nay tôi ăn một miếng, tôi để lại một miếng, cho được giống thầy có miếng ăn miếng để, nhé? (Bà hếch vai lên, ra dáng không bằng lòng. Ông bèn nói): Tôi không ngờ chúng mình đã phải đến thế. Nay mình bảo tôi nên kiếm việc làm cho đỡ thêm vào, thời tôi cũng xin vâng. Nhưng mà làm gì? Làm việc gì?? Làm cái gì bây giờ???

BÀ. — Tôi biết đâu đây, mình quen thuộc nhiều... Hoặc làm sở Nhà nước, hoặc làm về công-nghệ, tùy đấy.

ÔNG. — Khốn lắm, sở nào cũng nhiều người lẩn rồi. Hiện tôi biết có học-trò tràng kỹ-sư bây giờ phải làm «sà-ích».

dánh ngựa... Minh bảo tôi đi làm ở sở nào bây giờ, khó lắm !

BÀ. — Kiểm cái nghề gì tự-do mà làm. Hay là viết...

ÔNG. — Minh bảo viết cho ai ?

BÀ. — Viết, nghĩa là làm yăn, làm sách, soạn kịch..., tôi xem mình cũng có cái tài tự-nhiên đấy.

ÔNG. — Phải, nhưng mà tài tự-nhiên, cũng tức như con tự-nhiên, nghĩa là con ngoại-tình, thiên-hạ không ai công-nhận cho rồi. Vả lại, ngần này tuổi mới bắt đầu viết văn, cũng quá mất rồi. Không, tôi tưởng tôi chẳng làm được nghề-ngỗng gì cả, tôi là thằng người vô-dụng, thế là xong cả !

BÀ. — Thôi đi ! cứ nằm ruỗi dài trên ghế thời còn biết việc gì mà làm nữa. Phải vận-động lên chứ !

ÔNG (*múa chân múa tay*) — Nay vận-động, nay vận-động !

BÀ. — Cứ đùa thế mãi, thì tôi đi ra đây. Bao giờ nói thật, sẽ hay. Cách mình nói-năng ăn-ở, thật không đáng một người có bụng tí nào cả. Ừ, tôi nói rõ tình-trạng trong nhà cho mà nghe, thấy sự nguy-hiểm tôi bảo cho mà biết, lại cứ nói đùa hoài, tựa-hồ như cho tôi là đùa xuẩn. Thật mình không có bụng, thật. Vì bây giờ chúng mình sinh đứa con thời nghĩ làm sao ?

ÔNG. — Đã có con đâu.

BÀ. — Chưa có, nhưng rồi cũng có.

ÔNG. — Chúng mình lấy nhau đã năm năm nay, nếu có con thời có rồi. Thử nghĩ, trong năm năm trời, biết bao nhiêu lượt... suýt có con !

BÀ (*cười*) — Lại nói đùa !

ÔNG. — Thi thôi. Nhưng mà nghe mình chỉ nói những chuyện tiền-nong, chuyện làm-ăn, rõ lời-thôi quá ! Được, có phải làm thi tôi xin làm, tôi xin vui lòng mà làm. Chúng mình ăn tiêu khi quá thật, nay tiết-kiệm cũng phải. Vả đã có mình trông nom, tay hòm chìa khóa ở mình kia mà. Tôi còn phải lo gì nữa !

Có tiếng chuông ngoài cửa

CON NỤ *chạy vào*. — Thưa Bà, có người nhà thợ may đem áo sô-mi của Bà.

BÀ. — Bảo người ta vào đây.

Người nhà thợ may mở bọc áo, bà nhận áo rồi người kia ra.

ÔNG. — Bọn sô-mi này có đẹp không ? Sô-mi cũ hết rồi, à ?

BÀ. — Còn... nhưng mà tôi thấy chị Đò-vinh mặc thứ này đẹp, tôi cũng muốn mua.

ÔNG. — Có đắt không ?

BÀ. — Trăm hai-mươi quan.

ÔNG. — Cả sáu cái, à ? Thế thì không đắt lắm.

BÀ. — Không ! Trăm hai-mươi quan một cái... Minh không biết, cái này là

thật nhiều Hoa-lãng-tiên. Kể cũng khi xa-xỉ quá thật!...

ÔNG. — Tôi có nói gì đâu.

BÀ. — Nghĩa là cũng muốn xa-phi một tí cho bằng chị em. . . .

ÔNG. — Vẫn thế.

BÀ, làm ra dáng mỹ-miệu để đẹp lòng ông. — Vả lại bây giờ mình cũng sắp đi làm việc kia mà !...

HỒNG-NHÂN

dịch theo trong kịch-bộ của ông M. DONNAY.

HÀI - VĂN

Chừa nói chữ nho

Một bác đồ Tam kia, quen thói rung đùi nhai chữ xưa nay, cầm tờ giấy quốc-ngữ đọc khi chặm mà cũng khi hủ. Cậu hai Bê đầu chạy đến, nghe ngứa tai, giật lấy đọc, rõ thật ròn như bông nổ, thoáng như nước chảy, vụt như chim bay, thoáng cái hết. Tại-tọa có người nói :

— Xin cậu giảng nghĩa cho.

Cậu ta ngồi ngẩn mặt, rồi nói chừa thẹn rằng :

— Các nhà làm văn quốc-ngữ bây giờ hay dùng nhiều chữ nho quá. Người Nam ta cứ tiếng nôm mà nói, tôi thề từ rày chừa nói chữ nho !

Cậu ta từ đấy đối với thói cũ thời kiêng những chữ *cuong-thường*, *lễ-nghĩa*, *đạo-đức*, *liêm-sỉ*, v. v. ; đối với thói mới thời kiêng những chữ *phong-*

trào, *tổ-chức*, *tiến-bộ*, *văn-minh*, v. v. ; thậm - chí những chữ *trung*, chữ *hiếu*, chữ *tinh*, chữ *trinh*, chữ *danh-dự*, chữ *phong-lưu*, phàm những chữ hồn-via của người Nam ta xưa nay, cậu ta cũng không nói đến nữa, thành ra « Mông-sử Ngốc », mà tựa-hồ như « Mặc-mặc tiên-sinh ».

Một hôm cậu gặp người nhân-tinh cũ, bất-đắc-bất mở miệng ra nói, nói rằng :

— Tôi với cô trăm năm *tạch* một chữ *dùng*, *tành thành*, *nghe nghe*, *ói ới*, *oăn oăn*, tôi thời trong *phung phá*, mà ngoài *hèo-hoe*, cô cũng *toét tanh-bành*, mà *mời cút kit* ! . . .

Cô nhân-tinh không hiểu cậu nói ý gì, mang bụng nghi-ngờ. Vì câu truyện đó mà duyên *đằm-thắm* hóa ra *bẽ-bàng*. Chao ôi !

TÙNG-VĂN

CẨM-HỌC TÂM-NGUYÊN

琴學尋源

(Khảo về nghề đàn ở nước ta) (1)

Bài thứ IV

十六絃圖

Đàn tranh

合	Họ.	工	Công, công.	仕	Xang.
四	Xự.	反	Phạng, phạng.	衣	Y.
上	Xạng, xạng.	六	Lựu, liu	意	Ý.
尺	Xê, xê.	五	Ū, u.	依	Y.



Muốn đàn Nam, thời phải lên dây phăng

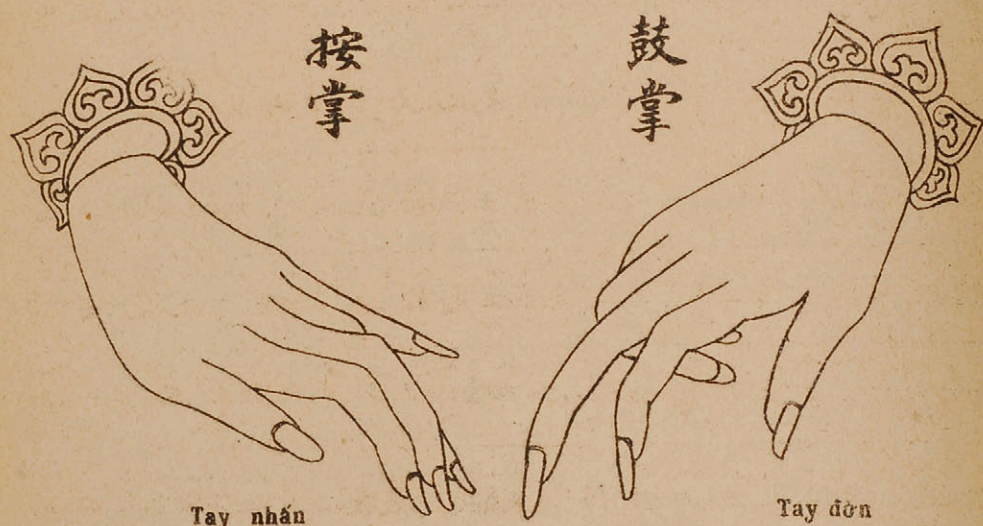
Muốn lên dây phạng, thời phải lên

dây công, rồi khảy cả dây xạng, dây xê với dây công cho đến khi nào nghe ra họ, xự, xạng là được

(1) Xem Nam-Phong số 47, trang 370-386. số 48, trang 468-481 và số 49 trang 44-61

十六絃鼓按兩掌圖

Hai tay đòn tranh



Tay nhấn

Tay đòn

Phép nhấn không được hở ba ngón tay giữa ra mới mạnh.

Dấu riêng đòn tranh

- ⊖ Á (lấy móng tay cái mà cào tới. Phạm Á phải cho dài mà lái-rãi đừng Á cắt-cắt mà khó nghe).
- ∧ Ngón tay cái.
- ∩ Ngón tay trỏ.
- ⊥ Ngón tay giữa.
- × Nhấn.
- ⊗ Nhấn đầu nhẹ sau hãm.
- ⊂ Nhấn mạnh.
- ⊃ Nhấn hãm.

- ∪ Nhấn vuốt.
- ∫ Nhấn rung (nhấn mà rung ngón tay).
- ∨ Nhấn nhảy (nhấn mạnh mà dờ lên liền).
- ⋈ Xê-huit.
- ∩ Gõ mặt trán.
- 合 Ngón hốt, nghĩa là hốt cả hai tiếng họ một lần. Hết gặp chỗ nào viết chông hai chữ thời tiếng ấy phải hốt.

GIẠO KHÁCH

北宮序

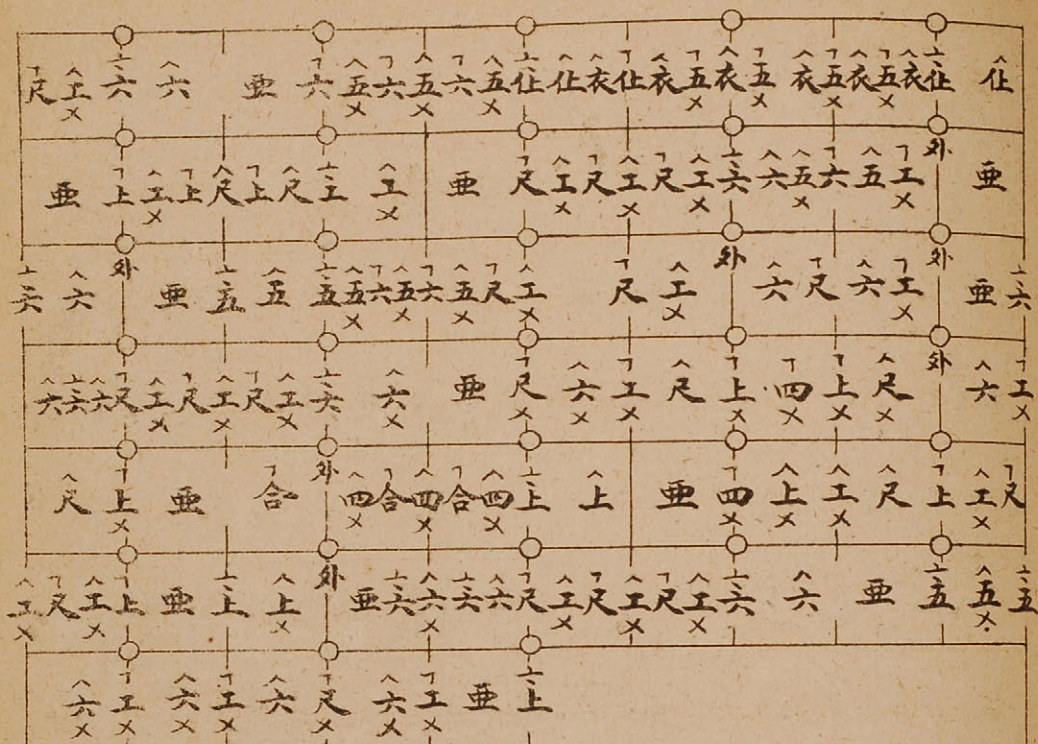
五	合	合	四	上	工	尺	尺	尺	工	六	五	五	五	五	五	五	六	工
^	^	7	7	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^
×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×
五	五	六	工	六	工	六	五	五	五	五	六	五	六	五	工	六	工	五
^	^	^	7	^	7	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^
×	×	×	×	×	×	×	×	?	?	×	×	×	×	×	×	×	×	×
五	尺	五	仕	五	仕	五	六	工	尺	上	工	五	尺	尺	尺	五	尺	上
^	^	^	7	^	7	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^
×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×
四	上	四	上	尺	尺	上	尺	四	上	尺	尺	上	尺	四	上	尺	上	四
^	^	^	7	^	7	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^
×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×
合	主	五	上	五	上	五	上	五	上	五	上	五	上	五	上	五	上	五
^	^	^	7	^	7	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^
×	×	×	×	×	×	×	×	?	?	×	?	?	×	×	×	×	×	×
合	主	五	六	尺	尺	主	合	合	四	上	合	四	合	四	上	上	尺	尺
^	^	^	7	^	7	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^
×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×
尺	尺	尺	五	尺	尺	五	六	五	仕	衣	衣	衣	五	尺	尺	尺	上	尺
^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^
×	×	×	×	×	?	×	×	×	?	×	×	×	×	×	×	×	×	×
衣	五	仕	衣	衣	仕	衣	五	仕	五	六	尺	工	六	工	五	尺	尺	上
^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^
×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×
五	合	合	合	合														

Nhập-môn LƯU-THỦY (1)
16 nhịp.

八門流水
十六拍

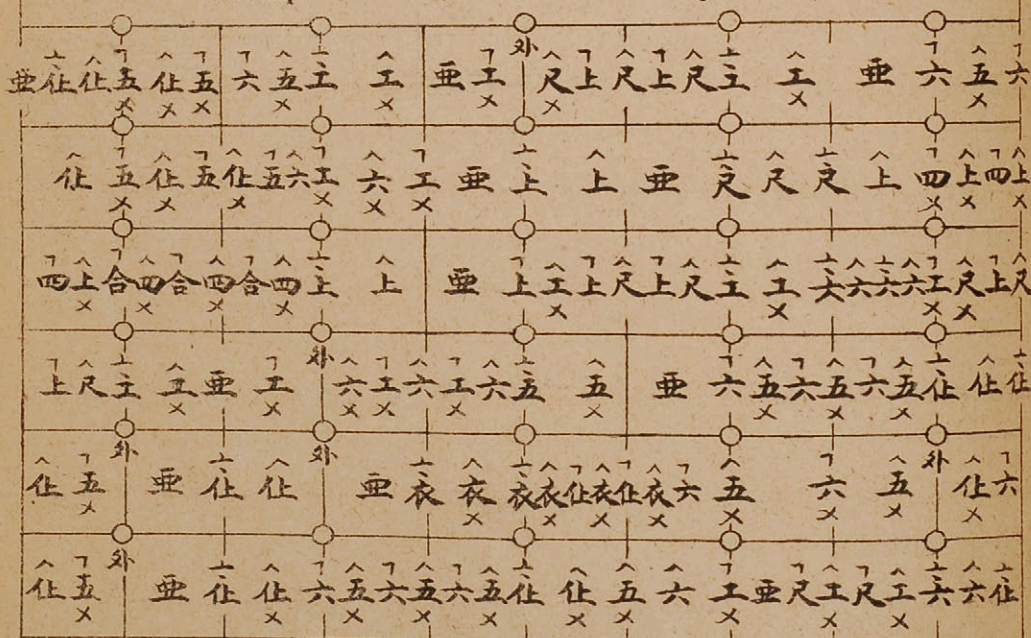
五	合	四	上	上	合	四	合	四	上	上	上	上	上	合	四	上	上	四	上	合	工	上	工	上	工	尺	五	尺	工	
^	^	^	7	^	7	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^
×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×
尺	工	六	六	六	五	五	五	五	五	五	六	六	六	工	尺	工	尺	工	尺	工	尺	工	六	六	六	六	六	六	六	六
^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^
×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×
六	工	尺	五	六	五	尺	五	六	工	五	上	上	合	四	合	四	上	上	四	上	四	上	尺	工	工	工	工	工	工	工
^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^	^
×	×	×	×	×	?	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×

(1) Bản đơn Tranh lục đây là bản của ông Phò 24, với của ông Đội Phước để lại.



20 - NGUYEN TIÊU.
32 nhịp.

二元宵 三十二拍



30 - HỒ QUẢNG
12 nhp.

三湖廣十二拍

上 尺 工 合 四 五 六 外 亚 乘

40 - LIÊN-HUYÊN
40 nhp.

四連環四十拍

上 尺 工 合 四 五 六 外 亚 乘

50 - BÌNH-BẢN

44 nhịp.

五平版 四十四拍

Musical notation for Bình-Bản (50) consisting of 44 beats. The notation is arranged in 10 horizontal rows. Each row contains a sequence of notes and rests, with various symbols above and below indicating pitch and rhythm. The notes are written in Chinese characters: 上 (shàng), 尺 (chǐ), 五 (wǔ), 四 (sì), 三 (sān), 二 (èr), 一 (yī), 合 (hé), 外 (wài), 里 (lǐ), 下 (xià), 中 (zhōng), 内 (nèi), 左 (zuǒ), 右 (yòu). The rests are marked with 'x'.

60 - TÂY-MAI

23 nhịp.

六西梅二十三拍

Musical notation for Tây-Mai (60) consisting of 23 beats. The notation is arranged in 3 horizontal rows. Each row contains a sequence of notes and rests, with various symbols above and below indicating pitch and rhythm. The notes are written in Chinese characters: 上 (shàng), 尺 (chǐ), 五 (wǔ), 四 (sì), 三 (sān), 二 (èr), 一 (yī), 合 (hé), 外 (wài), 里 (lǐ), 下 (xià), 中 (zhōng), 内 (nèi), 左 (zuǒ), 右 (yòu). The rests are marked with 'x'.

VĂN-UYÊN

Giữ đạo hiếu-trung

(Hát nói)

Mưỡu

Làm người biết đạo nhân-luân,
Hiếu-trung đối với quân-thân làm đầu.
Lòng son dạ sắt một màu,
Danh thơm lưu để về sau còn dài.

Nói

Hiếu-trung đòi chữ,
Phải một niềm vững giữ mới là trai.
Đừng khinh phù gian nịnh như ai,
Nghìn thu để tiếng cười trên nhân-thế.
Hiếu tâm tự khả thông thiên địa,
Trung niệm hoàn năng đạt quỷ thần.
Này hai điều trong đạo ngũ-luân,
Cho trọn vẹn ấy mười phần không hồ.
Khăng-khăng vững một lòng sắt đá,
Dấu gian-nan cũng chớ đổi rời.

Danh thơm muôn kiếp đề đời !

Trông trăng

(theo lối Thiên-Thai)

I

Thơ-thần trông trăng rồi trước màn,
Trông trăng trăng lại trông mình.
Xem trăng dường cũng như thơ-thần,
Thường dễ mà trăng cũng có tình.

Thần-thơ tựa bóng trăng thanh,
Trông trăng trăng lại trông mình thần.
Trăng soi khắp hết gần xa, [thơ.
Hay đâu trăng chẳng ngần-ngor vì tình.

II

Thường dễ mà trăng cũng có tình,
Tình trăng hẳn giống bóng trăng thanh.
Còn tình ta đó trăng kia biết ?
Man-mác bao-la chẳng khá hình.

Trăng như ngo-ngần vì tình,
Tình trăng giống bóng cũng thanh thể
[mà.

Đố trăng biết được tình ta ?
Tình ta man-mác vẽ ra chẳng thành.

III

Man-mác bao-la chẳng khá hình,
Hỏi trăng không biết cứ làm thình.
Nhìn nhau ta chỉ cùng thơ-thần,
Thơ-thần nhìn nhau tình lại sinh.

Tình man-mác vẽ không thành,
Hỏi trăng trăng cứ làm thình biết gì.
Nhìn nhau ta chỉ như si,
Càng nhìn càng lại như chia mối tình.

VI

Thơ-thần nhìn nhau tình lại sinh,
Lập-lòe lại thấy bóng con huỳnh.
Tình càng man-mác càng thơ-thần,
Thơ-thần dường quên cái nhục vinh.

Nhìn trăng vẫn-vit mối tình,
Lập-lòe lại thấy con huỳnh bay ngang.
Tình càng thơ-thần thêm càng,
Mối tình man-mác dường quên sự đời.

Vàng trăng vắng-vặc giữa trời,
Anh-hùng đứng giữa trần-ai mới già.
Người nay chẳng thấy trăng xưa,
Trăng nay xưa đã soi qua mọi người.

Con bò

Sức khỏe so trâu dễ cũng ngang,
Cũng vai sừng-sỏ giống da vàng.
Công-lao khắp cả miền dân-dã,
Tiếng dốt sao mà vẫn cứ mang ?

Anh thuyền chài

Một chiếc thuyền con nhẹ nhẹ veo,
Đầu thuyền quen chỉ đứng treo-leo.
Buồng tung trăng gió hai tay lưới,
Vùng vẫy non sông một mái chèo.
Bao quản xông pha con sóng gió,
Những mong quét sạch giống mè-nheo.

Tấm thân ở nước lòng yêu nước,
Danh-lợi trên đường mặc kẻ theo.

PHẠM HUY-TOẠI
Tri-huyện Gia-Bình.

VỊNH SỬ

Hai Bà Trưng

Dựng cờ nương-tử rạng nghìn thu,
Nợ nước thù nhà báo-đáp phu.
Bao quân sóng dầm da phấn nhạt,
Miễn cho bia tạc tiếng thơm lâu.
Xông - pha trăm trận thành vương-
Đánh đổ ba quân cả sứ Tàu. [nghịch,
Chị tiết em trinh đều vẹn cả,
Làm cho rõ mặt gái Giao-châu.

Bà Triệu-Âu

Trong rừng dậy phất ngọn cờ vàng,
Lừng-lẫy anh-thư chốn chiến-tràng.
Lược đất trăm cai từ phẫn-đại,
Cung đeo gươm tuốt lược phong-sương.
Chí lăm vượt bể khua kinh-ngạc,
Thề quyết lên voi khử bạo-tàn.
Tiết-liệt nghìn thu thanh-sử chép,
Nhuỵ-kiều⁽¹⁾ rạng tiếng tướng-quân
[hàng.

Bà Mỵ-châu

Nam bắc gây nên cuộc chiến-thâu,
Cờ trời dấu bẻ thấy mà đau.
Nhà tan nước vỡ đành ra thế,
Ngọc nát châu chim có bởi đâu?
Lai-láng dòng xanh sa giọt tủi,
Bơ-vơ non bạc kéo mây sầu.
Nỏ rùa lông ngỗng mà nên việc,
Bởi quá tin nhau hóa hại nhau.

ĐẠM-PHƯƠNG Nữ-sử

Vịnh hai bà Trưng

Giận đờn tham-tàn quấy nước ta,
Xếp nghề kim chỉ gỡ can qua.
Ra tay thao-lược em cùng chị,
Rửa mặt non sông nước lại nhà.
Lãng-bạc ba thu lòng cảm-khái,
Hát-môn ngàn thửa khách hương-hoa.

Nên thua này bởi lòng con tạo,
Quắc-thước ra gi tướng Phục-ba!

Bà Triệu-Âu

Nữ-kiệt từ xưa dễ mấy người,
Nổi chân Trưng-thị một bà thời.
Cờ đào hiệu-lệnh quân đàn quạ,
Yếm thắm tung-hoành thế trận voi.
Gan sắt đường này âu có một,
Cột đồng những muốn chặt làm đôi.
Danh thơm Lê-hải còn ghi đó,
Lưu để làm gương bạn gái soi.

Tám Hồ Tây (1917)

Nước hồ rửa sạch bụi phong-trần,
Nghỉ-vũ dường ai buổi mộ-xuân.
Chim nổi mấy phen đà tới bến,
Trên bờ lên thử vẻ đai cân.

Cuộc gỗ đầu.

Đã trót mang thân cuộc gỗ đầu,
Gỗ đầu hồ phải dễ chằng đầu!
Mực hồ bút sắt ngày đôi buổi,
Muốn dặt đàn em tiến-bộ mau.

Đề ảnh một người mĩ-nhân bên Âu-châu

Hoa-quan pháp-phối, hà-y...
Nổi danh tài-sắc một thì, xôn-xao...
Mà cho thiên-hạ trông vào...
Bấy lâu nghe tiếng má đào mắt xanh.

Đề ảnh một người nữ-sĩ đã cao tuổi chưa chồng

Bấy lâu nghe tiếng má đào,
Càng treo giá ngọc càng cao phẩm
người.

Phong-tư tài-mạo tốt vôi,
Trắng tà mà lại hơn mười rằm xưa!

Đề tranh Tiên-nữ-tương-phùng

Bây giờ tỏ mặt đôi ta,
Đào-nguyên lạc lối đầu mà gặp đây.
Cửa trời rộng mở đường mây,
Gặp nhau xin chút mây may tự-tình.

(1) Nhuỵ-kiều-tướng-quân là ký-hiệu của bà Triệu-Âu tự xưng

kém dùng. Đã mê về sự cờ bạc; biết đâu là lẽ công bằng. Cạn lưng vay cỡi vay chẳng, lãi bao cũng gặt; nóng mắt mở liều mở lĩnh, của ai cũng chẳng. Hơn chẳng bỏ hao, đến nổi mắt cơ mất nghiệp; túng thì phải tỉnh, sinh ra làm bậy làm xằng. Tham-lam chỉ vì hơi đồng, khôn dòn ra đại; danh-giá lâm vào đám bạc, ông cũng như trắng. Bán vợ đợ con, gương Trọng-Quy vẫn còn như tạc; ba que xô-lá, đình Cồ-lương đã biết hay chẳng?

Bần. — Than ôi! Đồ-thần! Đồ-thần! làm hại quốc-dân; bỏ hết công-việc, mất cả làm ăn. Làm cho khốn khó; làm cho nhục-nhẫn. Làm cho con đen vận túng; làm cho nước yếu dân bần. Nay nhân lòng người biết hối, hồn nước tỉnh dần; mây đi nơi khác, chớ có lẫn-thần. Tiên mây về Tàu, Quảng-đông cũng gần; tiên mây sang Nhật, đáp bến Hoàn-tân. Mây sang nước Mỹ, vàng bạc vô ngần. Mây sang nước Đức, khôn ngoan tuyết-trần. Vàng hương cúng tiền; gạo muối đưa chân. Mượn tay giải ách; cắt duyên nợ-nần. Lập tức đi ngay, chuông cảnh-ủnh mấy câu sám-hối; nếu còn lẫn-quất, grom văn-minh một nhất trừ-căn.

Ngọc-dinh PHẠM QUANG-SÂN

Nguyệt-hạ độc-trước

月下獨酌

Hoa gian nhất hồ tửu,
花間一壺酒
Độc trước vô tương thân,
獨酌無相親
Cử bôi yêu minh nguyệt,
舉杯邀明月

Đối ảnh thành tam nhân,

對影成三人

Nguyệt kỳ bất giải ẩm,

月既不解飲

Ảnh đồ tùy ngã thân,

影徒隨我身

Tạm bạn nguyệt tương ảnh,

暫伴月將影

Hành lạc tu cập xuân,

行樂須及春

Ngã ca nguyệt bồi-hồi,

我歌月徘徊

Ngã vũ ảnh linh loạn,

我舞影零亂

Tỉnh thời đồng giao hoan,

醒時同交歡

Túy hậu các phân tán,

醉後各分散

Vĩnh kết vô tình du,

永結無情遊

Tương kỳ mai vân bán,

相期邈雲漢

Dịch nôm

Trước hoa thông-thả một mình,
Dưới trăng tay rót chén quỳnh đầy vui.
Quanh-co một bóng một người,
Ngừng chào chị Nguyệt vậy thời là ba.
Nguyệt còn then mặt Hằng-nga,
Bóng thường thù-tạc cùng ta vui vậy.
Chén vui càng nhấp càng đầy,
Tiệc vui hơn hờ càng ngày càng xuân.
Ta ngâm Nguyệt càng tàn ngần,
Ta vui bóng cũng đậm nhuần vui chung.
Tỉnh say hoa nguyệt trùng trùng,
Muôn năm kết nghĩa tương phùng từ
[đây,
Một mai gặp hội rồng mây!

NGUYỄN NGỌC-GIÀI

CỤ NGUYỄN BÁ-HỌC

Từ nay ba chữ tên ấy không còn thấy trên tập báo này nữa. Cụ NGUYỄN BÁ-HỌC tháng trước còn có bài đăng đây, tháng này đã thành người cô-nhân rồi. Các bạn đọc báo thường được đọc văn cụ mà mến tài-học của cụ, được tin này chắc cũng một lòng ngậm-ngùi thương-tiếc như bản-quán đồng-nhân vậy. Nhưng các bạn chỉ được biết văn cụ mà đoán người cụ, đồng-nhân chúng tôi lại được biết cả người cụ mà cảm cái nhân-cách thanh-cao của cụ, nên lòng thương-tiếc lại càng sâu-xa hơn nữa, không thể nói sao cho xiết được. Tuy văn tức là người, xem văn có thể biết được người, nhưng cụ vốn không phải là người làm văn, mãi đến văn-niên mới chịu đem văn ra vấn-thế, nên xét một văn-chương cụ không đủ biết hết cái thân-thể bình-sinh của cụ; phải được đến gần cụ, phải được tiếp chuyện cụ, phải được nghe những người đã từng quen biết cụ, phải được rõ cái cách cụ tiếp-nhân xử-sự, tu-kỷ khắc thân, mới hiểu được rằng một người như thế mà mất đi là thiệt cho xã hội nước ta biết dường nào. Không phải rằng người ấy thuở sống có cái thế-lực gì đủ di ơn tác phúc cho người đời, mà đến khi chết đi người ta thương-tiếc, là tiếc không được hưởng cái ơn phúc ấy nữa. Không phải thế: Cụ thuở sống không có quyền-thế, không có chức-vị gì đủ ra oai giáng phúc mà khiến cho người ta phải sợ phải phục: Cụ chẳng qua chỉ có một tấm lương-tâm trong-sạch, ngoại sáu-mươi năm trời giữ-gìn được trọn- vẹn, cho đến lúc nhắm mắt không còn chút di-hận gì; chỉ có thể mà cảm-phục được lòng người. Nhưng mà giữ được thế, tưởng cũng khó-khăn lắm vậy. Ấy cái công-nghiệp một đời cụ, chính là ở sự giữ-gìn đó. Lúc sống được người yêu người kính, lúc chết được người tiếc người thương, không phải vì cái quyền-thế hay là chút ân-uy gì, chỉ vì cái tiết-tháo đó mà thôi. Người ta được người đời yêu sợ phần nhiều vì những cái phụ vào người, như sự giàu-sang, không phải là chính bởi nhân-cách mình; cụ được người đời mến trọng chỉ là bởi cái nhân-cách thanh-cao của cụ.

Bởi thế nên cụ bình-sinh tuy không có quan-chức gì, chỉ là một « thầy đồ nghèo » như lời cụ thường nói, mà đến khi chết, phạm những người thức-giả trong nước ai cũng có bụng xót-xa, coi đó đủ biết rằng người mình dẫu thường có tính xu-viêm phụ-nhiệt thật, nhưng đối với hai chữ Đạo-đức xuống cũng còn biết cảm-động. Cụ dưới chín-suối, ví còn có biết, chắc cũng vui lòng, không phải vui vì chút thanh-danh riêng để lại về sau này, nhưng vui vì quốc-dân cũng còn biết trọng sự đạo-đức vậy.

Còn cái cảm-tình riêng của bản-quán đồng-nhân đối với Cụ thời bản-chí chủ-bút ông PHẠM QUỲNH đã bày tỏ trong bài viếng đọc trước huyệt Cụ, bài ấy đăng sau đây. Bản-chí lại ghi-chép sau này cái lược-sử cùng những di-ngôn của Cụ nói với ông NGUYỄN BÁ-TRÁC là chủ-bút hán-văn của bản-chí, lại vừa là con rể Cụ.

Nghe đâu cụ còn để lại mấy tập di-cảo bằng hán-văn và quốc-ngữ. Nguyễn chủ-bút đương có ý sưu-tập, nếu tìm được và xét ra có thể đăng báo được, thời sẽ đăng dần để làm cái kỷ-niệm đối với một người đã có công to với tập báo này.

I

BÀI VIẾNG CỦA BẢN-CHÍ CHỦ-BÚT ĐỌC LÚC HẠ HUYẾT CỤ NGUYỄN BÁ-HỌC Ở NAM-ĐÌNH NGÀY 26 AOUT 1921

Thưa các Ngài,

Cụ Nguyễn Bá-Học mất là báo-quán *Nam-Phong* chúng tôi thiệt mất một tay trợ-bút có giá-trị ; không những thế, lại vắng mất một bậc sư-hữu rất đáng kính đáng tôn. Thật thế ; Nguyễn-tiên-sinh đối với báo-quán chúng tôi, không phải là một người trợ-bút tầm-thường ; anh em chúng tôi đều coi cụ, như lời sách nói, là một bậc « *sur-cổ chi quân-tử, kiêm sư-tư hữu-nghị* » (師古之君子兼師資友誼) và một lòng yêu-mến kính-trọng cụ.

Cụ vốn không phải là một nhà làm sách, một tay trước-thuật. Cụ bắt đầu viết vào tạp-chí *Nam-Phong* chúng tôi cũng là một sự tình-cờ. Trước cụ không từng làm sách-vở, viết báo-chí bao giờ. Nhưng chúng tôi vẫn biết và vẫn phục Cụ là một người mô-phạm đạo-đức, túc-học lão-thành. Một hôm nhân ngồi tiếp chuyện Cụ, chúng tôi có nói rằng : « Tiên-sinh từng-trải đã nhiều, việc đời tất hiểu. Thuộc về những vấn-đề quan-trọng trong nước bây giờ, chúng tôi vẫn ước-ao được biết ý-kiến một bậc lão-thành như Tiên-sinh. Tiên-sinh thỉnh-thoảng có thể cho tạp-chí chúng tôi một vài bài không ? » — Cụ ngần-ngại mà đáp rằng : « Tôi không hề làm văn-chương bao giờ. Nghề văn tôi thật vụng. Tôi vốn là một ông đồ giả, bình-sinh chỉ châu-tuần trong vòng giáo-dục. Từ khi về nghỉ, nhân dạy bảo con em trong nhà, có soạn thành một tập sách nhỏ, đề là « *Lời khuyên học-trò* ». Các ông xem có đăng báo được thì đăng. » — Chúng tôi trân-trọng lĩnh lấy tập cáo ở tay Cụ, về đọc một lượt, bất-giác có cái vô-hạn cảm-khái, mới biết rằng sách này tuy nhan-đề nhỏ-mọn, văn-thể bình-thường, mà thật là lời

tâm-huyết của một người tiên - bởi muốn di-truyền lại cho kẻ hậu-sinh cái tâm-thuật ở đời. Sau khi đăng lên báo-chương, xét ra cũng có ảnh-hưởng ; người thức-giả đọc thấy những lời trầm-trọng thiết-thực, khác hẳn giọng văn thường ở các báo, chắc đương đọc cũng phải ngừng lại mà nghĩ rằng : « Người nào viết nên những lời này, chắc là người hữu-tâm về thế-đạo vậy ».

Từ đấy, cứ cách một vài tháng, Cụ lại gửi cho một tập cáo, hoặc là dịch-thuật các sách cổ-kim, hoặc là bàn-bạc những việc giáo-dục, nhưng hay nhất, có giá-trị nhất là mấy bài đoán-thiên-tiêu-thuyết, toàn là ngụ-y răn đời. Lập-y đã hay, lời văn lại nhã. Mỗi bài in ra, các bạn đọc báo lấy làm khoái-trá vô-cùng. Tôi thường nhận được thư ở các nơi, từ trong Nam đến ngoài Bắc, đều đồng-thanh mà khen rằng : « Nguyễn-tiên-sinh không những là một bậc đạo-đức mô-phạm, mà thật là một tay văn-sĩ có tài ». Thuật lại Cụ nghe, Cụ thường gạt đi : « Các ông ấy có bụng yêu quá khen như thế. Tôi có phải là văn-sĩ đâu ! Tôi bình-sinh có làm văn-chương bao giờ. »

Ôi ! Cụ không chủ-y làm văn-chương mà văn-chương Cụ hay ; Cụ không chủ-y làm văn-chương mà văn-chương Cụ không những làm cho người ta cảm-động, lại làm cho người ta khoái-trá ! Có lẽ cái bí-thuật của nghề văn chính là ở đó. Các nhà văn-sĩ mới ta cũng nên ngẫm-nghĩ điều ấy.

Nói đến đây, tôi không thể dừng không đọc lại những lời bàn của Cụ về văn-chương trong tập « *Lời khuyên học-trò* », lời lời thiết-thực, ý ý thâm-trầm, càng đọc càng có vị, càng ngẫm càng thấy hay. Cụ nói rằng :

« Khéo mồm-mép mà làm hại tâm-
 « thuật, không gì bằng văn-chương. Vì
 « văn-chương hay vì *tình* mà không
 « hay vì *lý* ; cho nên những người làm
 « văn hay không biết chép sự thực,
 « và những câu luận chân-lý lại không
 « phải những văn hay, xem thế thì
 « văn-chương không phải là đồ thực-
 « dụng.

« Tiều-thuyết, ký-sự, luận-thuyết,
 « diễn-thuyết, là những văn-chương
 « hữu-dụng ; còn tho-phủ ca-dao, có
 « vần, có điệu, chỉ dùng để ngâm-nga,
 « không suy ra thực-sự, chẳng những
 « vô-ích mà lại có lúc làm cho mê-
 « mẩn mất cả tinh-thần, tô-điểm sai cả
 « cảnh thực.

« Hãy xem như nước ta, nghề
 « học văn-chương càng đua-tranh bao
 « nhiều thì nghề học thực-dụng
 « càng suy-lạc đi bấy nhiêu, càng
 « ngày càng tệ, đến nỗi làm cho trong
 « nước bao nhiêu người thông-minh
 « tài-tuấn đã hóa ra một bọn ngời
 « không ăn dụng.

« Ngày nay học trò phải có tư-tưởng
 « cho cao, tập luận-nghị cho rộng ;
 « phải đọc những sách có kinh-luân
 « trong xã-hội, phải bàn những chuyện
 « có quan-hệ đến nước nhà, để ngày
 « sau có thể đem học-vấn suy ra việc
 « làm. Còn những lối ngâm-hoa vịnh-
 « nguyệt, dù hay cho quý-khốc thần-
 « kinh, cũng không đáng một đồng
 « tiền kêm.

« Văn qui có sinh-khi... Văn-khi
 « bởi đâu mà ra ? Cũng là bởi kiến-
 « thức tinh-thần của người làm văn
 « mà ra. Người cục-súch hay làm những
 « văn tiều-xảo ; người nhu-nhược hay
 « làm những văn chi-ly ; người thô-sơ
 « hay làm những văn sống-sượng ;
 « người danh-lợi hay làm những văn
 « thù-phụng ; người bợm-bãi hay làm
 « những văn hoa-tinh. Những người
 « ấy mà có làm văn nói về phong-tục,

« đạo-đức, lịch-sử, chính-trị, chẳng
 « qua mơ-mơ màng-màng, ba câu lè-
 « lối, mấy chữ bẻm-mép, sao gọi là
 « văn-chương có khí ?

« Văn-chương với đạo-đức thường
 « không có quan-hệ với nhau : xưa có
 « một người, kể trong đạo-đức là kẻ
 « tội-nhân, mà văn hay truyền-tụng
 « còn đến bây giờ. Vì chính-trị có
 « luật-phép, mà văn-chương không có
 « luật-phép ; cho nên khen văn chưa
 « hẳn là yêu người, mà luận người
 « cũng không ở văn-tự..... » (1)

Ấy tư-tưởng Cụ về văn-chương như
 thế, mà văn-chương Cụ lại như thế.
 Nếu văn-chương chỉ là mấy bài thơ
 ngâm-hoa vịnh-nguyệt, ba câu lè-lối,
 mấy chữ bẻm-mép, mua khéo để ngộ-
 hoặc người đời, thì Cụ quyết không
 phải là một nhà văn-chương. Nhưng
 nếu văn-chương là cái máy động để
 truyền đạo-lý, chấn nhân-tâm, sửa
 phong-tục, cứu nước nhà, thì Cụ chính
 là một nhà văn có tài ở đời nay vậy.

Nhưng mà văn-tài của Cụ tức
 là ở đạo-học của Cụ mà ra. Cụ sống
 vào một đời rất khó xử, mà đến
 tuổi già vẫn giữ-gìn được trọn- vẹn,
 không đến nỗi làm nhục cho danh-giáo,
 không những không làm nhục cho
 danh-giáo, lại làm sáng cho danh-giáo,
 bày cho kẻ bằng-bối, kẻ hậu-sinh một
 cái gương xử-thế rất là chính-đại
 quang-minh, một cái tấm thân-thể rất
 là thanh-cao xứng-đáng ; ấy sự-nghiệp
 một đời Cụ là ở đó, không phải đâu.
 Ôi ! tiên-nho ta đã có câu nói rằng :
 « Trời sinh ra người hiền, cốt là
 muốn cho dùng ra đời, nhưng mà lại
 muốn để giữ cho đời, sự-nghiệp ấy
 còn lớn-lao và to-tát hơn nhiều ».
 Nguyễn tiên-sinh bình-sinh ít được ra
 dùng với đời, nên sự-nghiệp không
 được rõ-rệt như người ta ; bởi thế
 mà ngày nay không có võng-lọng,
 không có bài ngà, không có bằng-sắc

(1) Xem *Nam-Phong*, số 24, trang 479.

nhà Vua, không có mền-day Bảo-hộ, không có quan Nhà - nước đọc bài viếng, không có lính hồng súng đứng chào mỗ; mà một kẻ thư-sinh nhỏ-mọn như bĩ-nhân đây mới được cái danh-dự đầu-đơn đọc mấy câu tống-biệt này. Nhưng Cụ không có sự-nghiệp rõ-ràng như người ta, mà Cụ có cái sự-nghiệp vô-hình còn cao giá hơn biết bao nhiêu. Ngày nay dấu người đã vắng rồi, mà tiếng còn để lại, là để lại cái tiếng một người « *bổ-y quân-tử* » ở giữa cái đời « kim-tiền thiết-huyết » này. Tiếng ấy chẳng cũng vẻ-vang lắm dư?

Bữa qua, con rể cụ là Anh Tiều-Đầu tôi, đến báo tin cho tôi biết Cụ sắp mất, nói rằng trước khi lâm-chung, Cụ có đối lại cho người nhà, bảo-ban mọi việc; hỏi việc khâm-liệm, Cụ dặn rằng chỉ nên mặc cho Cụ một tấm áo vải trắng. Thử sống Cụ đã là một người « học trò áo vải », lúc chết cũng muốn giữ cho vẹn cái bản-sắc sinh-bình. Một việc đó đủ chứng cái khí-tiết thanh-cao của Cụ.

Lúc lâm-biệt Cụ cũng không quên đồng-nhân trong báo-quán. Cụ dặn ông Tiều-Đầu nói với chúng tôi rằng Cụ chỉ đối lại cho chúng tôi có bốn chữ, là « *bảo-lôn quốc-túy* ». Ôi! bảo - tôn quốc - túy, đó chính là cái chủ-nghĩa của anh em chúng tôi; nhưng từ trước đến nay chúng tôi khổ vì

chưa biết rõ quốc-túy ở đâu mà bảo-tôn. Văn-chương, mĩ-thuật, là cái tinh-hoatrong một nước: văn-chương nước mình, mĩ-thuật nước mình, tưởng không có gì sánh bằng người ta. Phong-tục, lễ-giáo, cũng là cái tinh-túy trong một nước: phong-tục nước mình, lễ-giáo nước mình, thật cũng không có gì là đặc-sắc hơn thiên-hạ. Vậy thời quốc-túy ở đâu mà bảo-tôn? Nay xét thân-thể Cụ, mới biết là quốc-túy chính ở đó, không phải đâu. Quốc-túy chính là cái đạo tu-thân xử-thế của các bậc hiền-nhân quân-tử của nước nhà, quốc-túy chính là cái cách cặng-trì cần-thủ, sửa mình ở đời làm sao cho khỏi thẹn với người trước, làm sao cho thực-hành được cái lý-tướng đạo-đức của các bậc cồ-thánh-hiền trong nước vậy. Một đời Cụ thật đã làm trọn cái công bảo-tôn quốc-túy ấy mà Cụ muốn di-truyền cho anh em chúng tôi. Chúng tôi xin cam-doan trước linh-cữu Cụ rằng sẽ hết sức làm cho khỏi phụ lời di-chức ấy.

Nguyễn-tiên-sinh ôi! nay tiên-sinh mất không những là thiệt riêng cho báo-quán chúng tôi một người giúp bút giởi, lại thiệt chung cho xã-hội một người đạo-đức mô-phạm đủ làm gương cho con em nước nhà đương cái buổi giao-thời biến-cách này. Thật đáng tiếc thay!

Ô hô!

II

LƯỢC-SỬ CỤ NGUYỄN BÁ-HỌC

Tiên-sinh người thôn Giáp-nhất xã Nhân-mục, tỉnh Hà-dông, sinh năm *đinh-tị* Tự-đức thứ mười (1857), đến năm *tân-dậu* niên-hiệu Khải-định thứ sáu (1921) này mất, vừa 65 tuổi.

Tiên-sinh vốn nhà nghiệp nho, khi lên sáu tuổi thời cha mất, nhà còn có

người anh cả tên húy là Đình-Huân; tiên-sinh là con thứ hai. Người trưởng-huynh học có tiếng hay chữ sớm, đã từng đỗ đầu-xứ; nên khi tiên-sinh còn nhỏ theo học nghề văn, phần nhiều nhờ về gia-đình-giáo-dục. Khi anh mất rồi, tiên-sinh theo thầy đi học ở tỉnh

Ninh-bình. Các học-trò nhà nho ta khi xưa, phần nhiều là kiệm-ước, không có xa-xỉ như học-trò tây bây giờ. Tiên-sinh lại gặp cảnh nhà nghèo mẹ góa, cái khổ-cảnh ấy lại càng rất khổ. Tiên-sinh thường kể chuyện lại cho nghe rằng : Từ khi ông anh cả mất đi, thời dưới gối mẹ già chỉ có một mình tiên-sinh mà thôi ; song suốt năm không muốn cho ở nhà; chỉ bắt phải theo thầy đi học, để mong ngày sau cho được thành-lập nên người. Bấy giờ ông thầy dạy học ở một nhà tư-gia, tiên-sinh cũng phải đến trọ học ở đấy, cả tháng tiền cơm trọ mất có hai quan tiền kẽm. Song cái lễ thầy trò khi xưa tôn ti rất là phân-biệt, dầu là học-trò trọ ở với thầy, song mỗi khi bữa cơm thường vẫn phải cùng ngồi ăn với bọn đầy tớ nhà chủ, cơm hẩm, thức ăn xấu, lắm khi ăn không thể nuốt được ; quần áo rách có khi phải lấy lạt buộc giùm lại ; trong một tháng bà mẹ cốp nhật tiền công may, chỉ đủ cung về tiền phạn-phí, thế mà mẹ vẫn không muốn cho bỏ học mà về ở nhà.

Tiên-sinh thiên-tính thông-minh, hán-học cũng thâm-thúy, đã từng đi thi hai khoa không đỗ. Sau gặp buổi xứ Bắc-kỳ nhiễu-loạn, học-trò trường Hà-nội ta phải vào hợp-thí trong trường Thanh-hóa, bấy giờ tiên-sinh đương ở Hà-thành thường phải kinh sợ luôn luôn, không thể yên theo nghiệp học được, bèn mới cải nghiệp đi buôn.

Tiên-sinh có hai người chị, một người lấy ông chủ hiệu hoa-thương Huy-ký, nên tiên-sinh đã một độ đi với bạn-buôn của hiệu Huy-ký vào Hà-tĩnh buôn bán, song đi buôn bị thua lỗ mãi, lại gặp buổi loạn-lạc tứ-tung, cho nên tiên-sinh mới tạm trở về nhà nuôi mẹ, để từ-đồ lo toan nghiệp khác.

Khi ấy việc Bắc-kỳ đã tạm yên dần dần, quan Tây mới cưỡng-bách học trò phải học chữ Pháp và chữ quốc-ngữ,

học trò nhiều người khinh-bĩ hay là sợ-hãi không chịu theo học, bởi vì khinh là chữ học liú-lo, hoặc lại sợ là quan Tây bỏ đi, mà mình học chữ tây thời người nước còn ai dung mình nữa, vì thế nên không mấy người chịu học. Tiên-sinh nhà ở Hà-thành, vì thế cưỡng-bách phải theo học chữ tây, thường nghe tiên-sinh thuật chuyện lại rằng : « Tôi lúc mới học quốc - ngữ, thường không dám học to tiếng, chợt có khách đến thời phải giấu ngay sách vào trong túi áo, hình như coi hai mươi bốn chữ mẫu-tự quốc-ngữ, là một cái sách bí-mật cấm-thư ». Song tiên-sinh học quốc-ngữ, mới độ một tháng trời, mà ra thi đã trúng tuyển, được bổ giáo-học Sơn-tây. Khi tiên-sinh được bổ giáo-học tức là năm Đồng-khánh thứ hai hay thứ ba.

Tiên-sinh ở Sơn-tây vài năm, lại dạy trường Yên-phụ Hà-nội, rồi dời về Nam-định, tiên-sinh làm giáo-học thủy chung ba-mươi-mốt năm, mà duy ở tỉnh Nam-định rất lâu, đến hơn 20 năm. Tiên-sinh lúc mới bổ làm giáo-học chữ nho, sau mới đổi làm giáo-học chữ Pháp. Tiên-sinh học chữ Pháp chỉ là tự khảo - cứu lấy, hay là cùng với bè bạn giảng tập lấy mà thôi. Các ông thi đỗ chữ Pháp phần nhiều là học trò tiên-sinh, mà tiên-sinh xưa kia học chữ Pháp thì không có thầy, tuy rằng chỉ tự học tập lấy, song Pháp-văn rất là thâm-thúy, dầu nói tiếng tây không giỏi bằng ai, nhưng về phần khảo-cứu Pháp-học thời rất là uyên-bác, phàm tư-tưởng học-thuyết của Thái-Tây, hễ xem xét được thời liền cầm bút dịch ra chữ nho, hay là chữ quốc-ngữ để cùng xem.

Tiên-sinh thờ mẹ rất hiếu, khi tiên-sinh bốn-mươi tuổi bà mẹ mất, tiên-sinh có soạn một bài văn tế nôm rất hay, thực là một bài văn biền-ngẫu đặc-sắc của tiên-sinh. Năm trước tiên-sinh có chữa cho Nam - phong này mấy câu biều tạ Hoàng-thượng bắc-

tuần, như câu rằng : « Muốn dậm chín tròng, ngoài kinh-khuyết lưỡng trông chừng Bắc-đầu ; nghìn năm một hội, dưới hành-cung gắng gỏi khúc Nam-son ; Gang tắc thấy trời, tung h ô dầy đất ». Xem đó thời biết tiên-sinh cũng sở-trường về văn biên-ngẫu, mà thơ phú nôm cũng hay, song vẫn ghét không thích làm những lối nuốt chữ nhai văn ấy.

Tiên-sinh dạy học ở Nam-dịnh lâu năm, nên có nhà riêng ở phố hàng Rượu Nam-dịnh số 108. Tiên-sinh nghĩ mình tuổi già đã xin về hưu hai lần, quan Đốc-học vì trọng tiên-sinh là người mô-phạm có tư-cách giáo-dục kẻ thanh-niên, nên cưỡng-lưu tiên-sinh ở lại. Đến khi tiên-sinh 61 tuổi, mới được viện-lệ về hưu-tri. Từ khi tiên-sinh về hưu-tri ở nhà dạy bảo các con em, song vẫn không lấy sự giáo-dục là đã xong việc mình, bèn dụng-công về đường trước-thuật, mà sở-trường nhất về lối văn đoán-thiên tiên-thuyết. Phạm những văn tiên-sinh xuất-bản ra đó đều là lời cảnh-thế lệ-tục cả, dấu lời văn bình-đạm mà nhiều câu cô-kính, thực là một tay cự-phách trong nghề quốc-văn. Song tiên-sinh vẫn không muốn vội đem đề văn-thế, những các bài của tiên-

sinh đăng ở báo *Nam-phong*, là vì ông chủ-bút Phạm Thượng-chi nói với tiên-sinh mới cho đăng lên vậy.

Năm nay tiên-sinh tuổi 65, tinh-thần xấu-tước, ngày 19 tháng 7 ta tiên-sinh thọ-chung ở nhà biệt-thự tỉnh Nam-dịnh. Đạo-dức phẩm-hạnh của tiên-sinh người Bắc-kỳ ai ai cũng đã biết, xem những các câu đối của thân-bằng đưa đến viếng tiên-sinh, thời đủ biết người tiên-sinh là thế nào vậy.

Các câu đối viếng đăng bên phần hán-văn. Đây chỉ xin trích-lục hai câu chữ nhỏ của bản-quản đồng-nhân và câu quốc-ngữ của bản-chí chủ-bút Phạm-quân.

Câu chữ nhỏ rằng :

國粹保存臨別語音
Quốc-túy bảo tồn, lâm biệt ngữ âm

猶在耳
do tại nhĩ.

遺篇展讀生平文法
Di-thiên triển đọc, sinh bình văn pháp

自成家
tự thành gia.

Câu quốc-ngữ rằng :

Đàn văn mong dựng nền phong-hóa,
Ngọn bút còn ghi dấu lão-thành.

111

LỜI DI-NGÔN CỦA CỤ NGUYỄN BÁ-HỌC

Ông NGUYỄN BÁ-TRÁC thuật

Tiên-sinh xử dương buổi qui-thế hán-học đã gần suy, mà lại đương buổi sơ-kỳ tân-học đang truyền-bá, cái hiện-tượng mới với cũ thường phò bày ở trước mắt, mà tiên-sinh lại là một người kiêm cả tân-học và cựu-học, cho nên trông thấy thế-đạo chuyềubiến, nhân-tâm kiêu-bạc, thường than thở nói chuyện voi bè bạn cùng các học-trò, thổ-lộ ra những lời tâm-huyết ưu-thời mãn-thế, thực là người hữu-

tâm với đời. Một hôm tiên-sinh có nói chuyện với tôi về thói xu-hướng của xã-hội. Tiên-sinh rằng : « Thói xu-hướng của xã-hội ngày nay, chỉ thiên về một phương-diện hình-chất ; không những là nước ta, đến cả các nước trong thế-giới cũng đều thế cả. Song nước ta sinh-kế còn đương buổi cùng-súc, mà cũng theo cái phong-trào ấy, thời thực là mình tự giết mình. Người hữu-tâm với thế-đạo bây giờ

ai là chẳng cồ-lệ cho quốc-dân xu-hướng về đảng đạo-đức; song đạo-đức mà không xuong-thịnh lên được, là vì phạm người ở thời-dại bây giờ dẫu cần-thủ đến thế nào mặc lòng, nếu nhà cửa không được phong-phú, áo mặc không được xa-hoa, thòi ra ngoài giao-tế đã không ai lấy làm trọng; đời xưa thòi những người nết-na đạo-đức, dẫu ở nhà tranh ngõ hẹp, mà ai ai cũng hâm-mộ kính-trọng cả. Đời bây giờ những hạng người đạo-đức đối với xã-hội không còn được hưởng một chút danh-dự gì; mà những kẻ đạo-đức bại-hoại chẳng ra gì, nếu nhờ được cái thế-lực kim-tiền để đối với đời, thòi ai cũng tâng-bốc như thần-minh, không trách được người ta không ai qui đạo-đức là phải. »

Tiên-sinh lại thường nói đến chuyện duy-tân cải-lương, có nói rằng: « Tôi lấy làm quái-lạ cho người đời, hễ ai bảo nên cải-lương lối nhà cửa ở, hay là cải-lương cách ăn mặc bắt chước theo lối Âu-tây, thòi đua theo như vịt; còn như ai khuyên bảo nên cải-lương những cái thói xấu nết hư, chốn hương-thôn thòi không nên tranh-giành kiện-tụng nhau, ở với bè bạn thòi phải giữ lòng trung-tín, thì dẫu nói rất cồ bồng hợm, cũng chỉ lờ đi, chớ không thềm nghe. »

Hồi tháng 9 năm 1914 tôi tới Hà-nội, mới được tha về vài ngày, liền xuống Nam-định hỏi thăm tiên-sinh. Tiên-sinh nói rằng: « Mấy năm nay tôi vẫn như thường, tính tôi thích về sự giáo-dục, cũng là sự thích-hợp với tư-cách của tôi, người ta không cứ xử về cảnh nào, nhưng việc giáo-dục nhân-tài cũng là một việc chánh-đáng, tôi may được làm giáo-chức thật lấy làm yên lòng. Người đời hay nhiệt-tâm về đường công-danh hiển-dật, khinh giáo-chức không thềm làm, nhưng ý tôi nghĩ thòi chỉ có việc giáo-dục là quan-hệ đến hậu-vận nước nhà, tiếc cho người mình ít ai có hoàn-toàn tư-cách, để đảm-đang cái

trách - nhiệm ấy. » Tiên-sinh lại hỏi tôi rằng: « Anh ở Hà-nội định làm kế sinh - hoạt gì? » Tôi chưa kịp đáp, tiên-sinh lại nói rằng: « Tôi bây-giờ nguyệt-bồng đã được bốn năm chục, nếu anh chữa được việc gì để làm sinh-kế, thòi tôi có thể giúp anh được; bản-tâm tôi là muốn bảo-toàn danh-dự cho anh vậy ». Tôi mới đáp là đã làm việc báo, tiên-sinh nói rằng: « Ừ, thế được, phải cố-gắng lên mà phải cần-thận, chớ có táo-suất, mà làm cho lấp mất đường ngôn-luận của nước ta. »

Từ khi tiên-sinh về hưu-trí, tôi có mời lên Hà-nội chơi, nói với tiên-sinh rằng: « Xứ Bắc - kỳ nhiều nơi danh-thắng, tiên-sinh nhân lúc rỗi, nên đi chơi, tiền du-phí tôi xin cung được ». Tiên-sinh rằng: « Một mình tôi được đi du-ngoạn thỏa-thích, mà anh phải công lưng viết báo, để cung sự du-phí cho tôi, tôi sao nỡ thế, cái thú vui của tôi không phải ở núi non, chỉ thường đời nghe những lời đàm-luận của bạn tri-kỹ là thích. »

Đầu năm nay tôi có xuống hỏi thăm, thòi thấy tiên-sinh hình xấu-tước, mà ngôn-luận vẫn quắc-thước như cũ. Tiên-sinh có dán mấy mảnh giấy ở trước chỗ ngồi rằng: « *Ngã quốc danh-sĩ như danh-kỹ, nhân dai đắc nhi vũ lộng chi, 我國名士如名妓。人皆得而侮弄之。* » và mấy chữ: « *Tối khổ phi khổ, cực lạc phi lạc, 最苦非苦。極樂非樂。* » — Quảng tháng tư năm nay tôi nghe tin tiên-sinh yếu, gửi thư xuống hỏi thăm. Tiên-sinh phục-thu vẫn nói rằng đã bớt, và hẹn đến tháng sáu lên chơi Hà-nội. Tôi cũng bận việc không xuống hầu được, chỉ thường gửi thư về hỏi thăm mà thôi; song tiếp được thư nào tiên-sinh trả lời, thòi đều là tin bình-an vô-dạng cả. Tháng sáu, tôi mới bảo tiện-nội về Nam-định đón tiên-sinh lên chơi, cách được mấy hôm về bảo rằng tiên-sinh yếu lắm.

những thư từ ngày trước đều là nói giấu cá, sợ rằng đề lo cho con chẳng. Từ khi tôi nghe tiên-sinh bệnh nặng, thường về hỏi thăm, song tiên-sinh đều bảo không can gì cả, lại nói chuyện hỏi thăm thời-sự có việc gì là không, xem cách ngôn-luận vẫn như mọi ngày thường. Về sau tôi biết bệnh tiên-sinh không thể chữa được nữa, hỏi việc hậu-sự, thời tiên-sinh bảo rằng : « Hãy trở về Hà-nội rồi sẽ có thư gửi lên sau, tôi cũng chưa việc gì ». Khi tôi lên Hà - nội rồi, tiếp tiên-sinh gửi thư lên, chỉ có mấy câu rằng : « Bệnh tôi không còn sống được bao lâu nữa, nếu được toàn-qui, tôi cũng lấy làm thỏa lòng, các anh đừng thương xót tôi lắm, chỉ nên trân-trọng lấy mình mà cố gắng về đường tiến-thủ. » Tôi tiếp được thư lại vội vàng về hỏi thăm, nói đến việc trong thư thì tiên-sinh nói lảng ra việc khác, không nhắc đến nữa. Trước hôm mất hai ngày, tiên-sinh mới bảo thực với tôi rằng : « Tôi vẫn biết bệnh tôi không thể khỏi được, song không muốn nói vội cho dài cái ngày thương xót lo sợ của người nhà, mà cũng vô-ích. Nay tôi bảo thực anh, tôi cũng gần tới ngày chết đây. Song bụng tôi vẫn lấy làm vui-vẻ như không, chẳng có điều gì di-hám cả. Tôi nào dám tự nhận là người hiền-nhân quân-tử, tôi chỉ cố gắng giữ lấy tư-cách làm người mà thôi, lúc sinh-bình thấy người ta phú-qui, cũng có lúc vọng-trở, nhưng tôi tháo-thủ rất cần, chỉ vì lòng cần-thận nên kết-quả mới có ngày nay, bụng tôi vẫn thường lo nơm-nớp rằng người ta thường hay nhân cái cảnh-ngộ nó bách-thúc mà làm sự trái với lương-tâm mình, cũng không biết đâu được, từ nay ta mới biết là tránh khỏi được ; cái kết-quả đời ta đã trông thấy ở trước mắt, thôi thì không cần phải lo sợ nữa. Anh ơi ! ở cái thời-đại quyền-lợi cạnh-tranh này, đạo xử-thế cốt nhất là phải cần-thận cố-gắng mà thôi. Người đời

dẫu cho lời nói tôi làm vu-khoát, nhưng bình-sinh tôi vẫn tự-tin chỉ cốt hai chữ cần-thận để làm cái phương-pháp tu-đức lệ-hạnh của mình ».

Tiên-sinh lại nói rằng : « Tôi mà thác đi, chỉ mừng rằng bảo-toàn được di-thể của cha mẹ, để lại được trông thấy các đấng tiên-nhân ở dưới suối vàng ; tôi ở đời, có thể tự-tin rằng không phải danh-lợi nó thúc-phọc, ấy là cái sự sung-sướng của tôi đó. Tự khi tôi về hưu-trí, anh em có người khuyên tôi làm đơn xin đổi-hàm, song tôi không có tùy-ba trực-lưu, bắt chước cái thói thường người ta. Tôi có phải không biết phẩm-hàm là qui đầu, nhưng phẩm-hàm là một vật qui-báu của Triều-đình, nên được hay không, tùy người trên lấy đạo công-bình mà ban-cấp. Nếu phẩm-hàm mà phải cầu-hãnh mới được, thời tôi cũng chẳng qui gì ; tôi chỉ cậy có một sự hơn người là tôi không thối-thác ai cả, nếu mà thối-thác người ta, để nhục đến thân mình, thời thà rằng giữ lấy thanh-bạch để toàn cái chân-tính của mình. Tôi là con nhà nho, lúc chết mặc cho tôi cái áo vải, để giữ lấy cái nền là một người thư-sinh áo vải là xong, »

Tiên-sinh lại di-chức về lễ tống-táng bảo rằng : « Người ta chết là buồn, chớ như tôi chết là vui, khi tôi chết rồi người nhà không được khóc lóc, tống táng nên theo cổ-lễ, nhưng tùy theo đường kinh-tế của nhà mình, thời phải nên giản-ước và cốt nhã-đam là hơn. » Tiên-sinh lại dặn rằng : « Tôi muốn cải-lương lễ giỗ trong gia-đình, về sau này hễ đến ngày cúng giỗ tôi thời chỉ lược chép lấy cái lịch-sử một đời và lời di-ngôn của tôi, lúc cúng thời trải chiếu ở gian giữa từ-đường, rót vài chén nước, đốt một nén hương, hộp trưởng ấu cả nhà lại, rồi trưởng tử hay đứa đích-tôn, đứng ở trước chiếu làm lễ rồi quay mặt lại đối với mọi người đọc cái lịch-sử và lời di-

ngón của tôi một lượt cuối cùng bảo một câu rằng : Chúng ta con cháu, nên trông gương mà bắt chước những điều hay của ông cha đời trước, mà điều dở thời đời đi. Ngày giỗ tôi chỉ thế là xong, còn điều gì tôi cũng không ưa thích cả. »

Tiên-sinh lại nói rằng : « Tôi bình-sinh vẫn ân-hận rằng chưa được dịp nào vào chơi Huế, nếu trời để cho tôi sống được vài năm nữa, thế nào tôi cũng vào chơi kinh-thành Huế ». — Tiên-sinh dấu bệnh nặng mà còn bảo người nhà gọi thợ đến xây cửa ngõ, xây bờ tường, và trong nhà chỗ nào chưa tu-lý đều sai sửa-sang cả. Sáng hôm gần mất, tiên-sinh còn ngồi lên ghế ý sai con cháu khiêng đi xem khắp cả nhà trong nhà ngoài, trở bảo chỗ này chỗ kia, nên sửa-sang như thế nào. vân vân. Tôi sợ tiên-sinh nghĩ đến những việc phiền - tạp sinh ra mệt nhọc, bèn khuyêt ngăn tiên-sinh rằng : « Những đồ thân-ngoại chi-vật cần gì thầy phải lưu-ý, nên nghĩ đề tĩnh-dưỡng ». Tiên-sinh bảo rằng : « Người ta đi ra khỏi nhà cũng muốn dọn-dẹp trong nhà cho chỉnh-khiết, hưởng-chi tôi sắp từ-biệt đây mà đi, cũng không muốn để cho con cháu những quang-cảnh mà tôi không vừa ý ». Tiên-sinh lại bảo tôi rằng : « Tôi muốn nghĩ một câu đối đề ở hai cái cột mới xây ngoài cửa, tôi xưa nay vốn là người đạm-bạc, nên cái gì tôi cũng thích nhã-dạm, đề tỏ cái bản-sắc của mình, tôi đã có nghĩ

được một vế rằng : « Nhất sinh ư thế thiên nghi đạm — 生於世偏宜淡. » chữa biết đối với gì ? » — Tôi có tục đối rằng : « Thập bộ chi gian tự hữu nhân — 十步之間自有人. » Tiên-sinh cười mà rằng : « Đối thế sợ rằng khoe mình chẳng » Lại nói rằng : « Mấy tháng nay có bệnh, năm không vô-sự, có nghĩ một bài đoán-thiên-tiểu-thuyết, chưa viết ra, nhưng trong bụng tôi đã nghĩ gần xong muốn bỏ quên đi để cho đỡ nghĩ, mà không thể quên được, hễ lúc nào vắng người thời cái lý-tưởng viên-vông ấy hình như vẫn vẫn-vơ trong giấc mộng. » Tôi bèn thưa rằng : « Muốn bỏ đi cho khuấy, thời chỉ có cách mời một ông sư đến tụng kinh ở bên cạnh, để cho khuấy tục-lự, song tiên-sinh bình-nhật vẫn không mê-tin điều gì, thời làm sao được ? » Tiên-sinh nói : « Cũng không ngại gì, tôi có người họ ngoại đi tu, giá có mời lại cũng được, cũng là một cách tiên-khiên. » Lúc gần mất, tiên-sinh di-chức đủ mọi điều, rồi cầm tay tôi mà bảo rằng : « Tôi muốn nói với anh một câu chuyện cuối cùng này nữa, song mỗi một quá, không nói nhiều được chỉ có bốn chữ này, hễ tôi mất đi rồi thời anh nên bảo các thân-bằng rằng : lúc tôi lâm-chung có tặng lại thân-bằng bốn chữ là : « Bảo tồn quốc túy 保存國粹. » — Vậy tôi xin theo di-chức của tiên-sinh mà đem cái câu : « Bảo-tồn quốc-tuý » kính cáo cùng các bậc thức-giả trong nước.

IV

CỤ NGUYỄN BÁ-HỌC MẤT

(Cảm-tình của một người đọc báo)

Người ta ai là không phải chết? Nhưng chết mà khiến mọi người thương tiếc, danh thơm còn để lại nghìn năm, thì tất phải là những bậc trung-thần, hiếu-tử, những trang tiết-phụ hiền-phu, hay những người hiền-nhân, quân-tử. Kỳ-

giả không phải là thân-nhân Cụ Nguyễn Bá-Học, không phải là bạn-hữu mà cũng không phải là học-trò, lại không được cái danh-dự biết tiên-sinh lúc sinh-thời, có biết tiếng tiên-sinh là chỉ bởi những bài tiên-sinh đã viết trong

tạp-chí *Nam-Phong*. Tuy không được biết tiên-sinh, nhưng cứ xem văn tiên-sinh cũng đủ biết tiên-sinh, vì văn tức là người. Nói đến văn, ta phải biết phân-biệt văn tiên-sinh là một thứ văn đặc-biệt, ý-từ đã thâm-trầm mà lời-lễ lại thiết-thực. Thường khi đàm-luận với anh em, ai cũng phải ngợi-khen văn tiên-sinh là một thứ văn có thể đem ra thực-hành được. Ký-giả được biết tiếng tiên-sinh là vì văn, xem thể thì biết văn-chương là một cái giầy liên-lạc của người ta vậy. Tuy vậy lúc nghe tin tiên-sinh tạ-thế, trong lòng chan-chứa cảm tình.

Ôi! Sóng giao-thời đang vỗ, nền thế-dạo suy-dồi, một bậc mô-phạm như

tiên-sinh, mà đã vội yên giấc ngủ muôn năm, thật là đáng tiếc. Ấy vì sự tiếc ấy, ký-giả viết bài này để tỏ lòng kính mến và biết ơn một vị đồng-bào, một bậc tiên-bồi, tuy tuổi đã cao sức đã yếu mà còn chịu khó nghiên-tinh đàm-từ để bảo-tồn quốc-túy, để làm hi-sinh cho bọn hậu-sinh. Ôi! Một người tài có đức có như Nguyễn-tiên-sinh, thế mà khi sinh-tiền công-danh không được rõ-rệt lắm, như thế thì luận người không ở công-danh!

Nay tiên-sinh mất, nhưng sự-nghiệp hãy còn, ca-tụng sự-nghiệp của tiên-sinh, là tỏ lòng biết ơn một người đã có công với ta vậy. (1)

Vũ ĐÌNH-Phiêu *lai-cảo*

V

LIỆT KÊ NHỮNG BÀI TRƯỚC - TÁC DỊCH-THUẬT CỦA CỤ NGUYỄN BÁ-HỌC ĐÃ ĐĂNG TRONG NAM-PHONG TẠP-CHÍ

1. — Câu chuyện gia-đình (tiểu-thuyết) (2)	<i>Nam-Phong</i> số 10,	trang 242-246
2. — Chuyện ông Lý-hẩm (tiểu-thuyết)	» 13,	» 50-53
3. — Có gan làm giàu (tiểu-thuyết)	» 23,	» 40-409
4. — Lời khuyên học-trò. I	» 24,	» 472-480
5. — — II	» 25,	» 61-65
6. — — III	» 26,	» 242-245
7. — Câu chuyện nhà sư (tiểu-thuyết)	» 26,	» 176-182
8. — Bàn về nghĩa tự-do kết-hôn	» 27,	» 231-235
9. — Gia-đình giáo-dục kỹ	» 28,	» 321-327
10. — Chi-phủ cầm-nang (dịch sách Tàu) I	» 29,	» 407-412
11. — — " II	» 30,	» 503-510
12. — — " III	» 31,	» 36-41
13. — Chuyện việc làng	» 32,	» 131-143
14. — Tạp-trở (12 đoạn)	» 33,	» 249-253
15. — Sự giáo-dục trong gia-đình (dịch sách Tàu) I	» 34,	» 287-306
16. — — " II	» 35,	» 409-419
17. — Du-sinh lịch-hiêm ký (tiểu-thuyết)	» 35,	» 437-446
18. — Thư trả lời ông Chủ-hút <i>Nam-Phong</i> về vấn-đề nữ-học	» 40,	» 322-324
19. — Chuyện cô Chiêu Nhl (tiểu-thuyết)	» 43,	» 55-58
20. — Tùng-đàm : 1) Đạo vệ-sinh trong xã-hội; 2) Việc hành-lạc chốn nông-thôn	» 44,	» 142-147
21. — Mấy lời yếu-lược về kinh-tế học (dịch sách Tàu) I	» 45,	» 200-206
22. — — " II	» 46,	» 290-295
23. — Câu chuyện một tối tân-hôn (tiểu-thuyết) (3)	» 46,	» 307-311
24. — Văn-minh Âu Á khác nhau thế nào? (dịch báo Tàu)	» 47,	» 365-370
25. — Tùng-đàm : 1) Đạo chúng bạn; 2) Chủ nhà với đầy tớ	» 48,	» 462-467
26. — Hoạt-kê tiểu-thuyết : 1) Một nhà bác-học. 2) A! chuyện chiêm bao!	» 49,	» 67-71

(1) Kỳ này Bản-chí tiếp được nhiều bài gửi đến viếng cụ Nguyễn Bá-Học, nhưng vì chỗ, để kỳ sau sẽ lựa đăng.

(2) Bài này ông CHUONG-DÂN đã dịch ra chữ nho, đề là 家情話 (*Nam-phong*, số 13).

3) Bài này ông CHUONG-DÂN đã dịch ra chữ nho, đề là 新婚一夕話 (*Nam-phong* số 48)

THỜI-ĐÀM

Viện nhà Trung-Pháp Thực-nghiệp ngân-hàng. — Trong khoảng hai tháng nay, từ ngày nhà Trung-Pháp Thực-nghiệp ngân-hàng (*Banque industrielle de Chine*) đóng cửa đến giờ, thiên-hạ nghị-luận về việc này nhiều lắm. Những người có giao-dịch với nhà băng ấy, hoặc có tiền ở đấy, đều ngong-ngóng trông, không biết nhà băng có trả được, hay là không trả, Chính-phủ có giúp cho nhà băng, hay là không giúp? Bây giờ không thể biết được, và người mình lại càng khó biết lắm, vì những việc lý-tài đời nay phiền-phức lắm, phải có cái học-thức chuyên-môn mới có thể hiểu được. Hiện nay ở bên Tây và ở bên này có hai phái: một phái nói rằng việc nhà băng này đảo-chương có quan-hệ đến danh-dự Đại-Pháp, nhất là ở Á-đông này, Chính-phủ Pháp phải hết sức cứu lấy, không thời mất tin-dụng với người bản-xứ; một phái nói rằng nhà băng này cũng như nhà băng khác, chẳng qua là một công-ti buôn riêng, buôn bán không khéo đến thua lỗ vỡ nợ là việc riêng nhà băng với khách nợ, Chính-phủ không việc gì phải can-thiệp vào, không có lẽ lấy tiền công-khố là tiền của cả dân-dân mà giúp cho một nội-buôn riêng được. Hai phái nói cũng có lẽ cả, chưa biết phái nào mạnh hơn phái nào. Cứ tin-nước gần đây mới dư-luận ở bên này và bên Pháp xem ra có ý thiên về phái trên, nghĩa là muốn cho Chính-phủ giúp cho nhà băng lại khởi-phục được. Nếu như vậy thời có thể mong rằng nhà Thực-nghiệp-ngân-hàng không mấy nổi lại có thể mở cửa vậy.

Nay xét qua lịch-sử nhà băng này lập ra thế nào và bởi duyên-cớ gì đến phải pha-sản như ngày nay.

Nhà này lập ra từ năm 1913 ngay trước khi chiến-tranh, mục-dịch là để giúp cho việc buôn xuất-cảng của nước Pháp, nhất là ở Á-đông này. Biết khéo dùng những phương-pháp mới, không mấy nổi mà nổi tiếng, chiếm được một địa-vị to trên thương-trường Đông Á. Lại khi mới chiến-tranh, nhà « Á-tế-á ngân-hàng » của Đức (*Deutsche Asiatische*

Bank) là một nhà băng có thế-lực ở bên Tàu phải đóng cửa, nhà Thực-nghiệp khéo kế chần ngay được. Tự bấy giờ mỗi ngày mở hành-trương, đặt chi-điểm ở mọi nơi: Đông-Pháp, Nhật-bản, Cao-ly, nhiều nhất là ở Tàu. Lại được Chính-phủ Bắc-kinh Tàu công-nhận cho, vì Chính-phủ Tàu cũng có chung vốn vào chia ba một phần, nên thế-lực càng ngày càng to. Các đông-gia Tàu cũng giúp vốn vào nhiều, tỏ lòng tin với nhà băng và tin cả Đại-Pháp nữa. Các nơi thương-phụ lớn, các nhà xuất-cảng to ở nước Pháp được nhờ nhà băng này mà việc buôn-bán với Á-Đông phát-đạt nhiều lắm. Trong thương-giới ai cũng lấy làm lạ rằng một nhà băng mới lập ra mà được thịnh-vượng như thế. Thời-hở cũng nghe thấy một vài câu bài-bác, nhưng xét ra là phần nhiều vì ghen-gét mà bài-bác.

Đương thịnh-vượng như thế, có sao mà đến thất-bại như vậy? Xét ra thời duyên-do tự việc chiến-tranh. Sau khi ký điều-ước đình-chiến, các nhà buôn trong thế-giới thi nhau mà dùng cái thuật « đầu-cơ » (*speculation*), nghĩa là thừa-cơ để thu lấy lợi nhiều. Các giá đồ ăn uống, đồ vật-liệu, tăng cao lên quá độ, một là bởi không trữ-tích được nhiều, hai là bởi không có tàu vận-tải, ba là bởi giá đổi bạc tới ngoại-quốc cao. Đồ hàng cao như thế mà các nước cầu-dùng vẫn nhiều tưởng rằng giá cao cứ giữ được mãi, đâu có xuống cũng là xuống dần-dần. Không ngờ tài-chính của các nước chiến-tranh đã cùng-quần quá, sức mua của người ta kém sút đi, đồ hàng ứ ở các chợ, không mấy nổi tuấn ra hàng nhiều quá, ít khách mua, giá sút ngay xuống, các nhà buôn đầu-cơ điếng người ra, như xét đánh ngang tai.

Phong-trào hạ giá khởi từ nước Nhật là nước được lợi về sự đầu-cơ trong khi chiến-tranh nhiều lắm. Đồ hàng đọng lại thứ nhất là các hàng tơ lụa, rồi dần dần đến khắp cả các mặt hàng khác. Mấy món hàng to như tơ-lụa thóc-gạo, lại là những món nhà Thực-nghiệp-ngân-hàng có để vốn to vào đấy cả. Hàng không chạy, giá sút đi, vốn ngập đấy, thế là nguy!

Nếu nhà ngân-hàng này mà nguy thời nhiều những việc buôn-bán to khác cũng vì đấy mà nguy theo. Vả lại, trong nghề ngân-hàng, các nhà bả g đều có liên-đái với nhau, hễ một nhà nguy thời các nhà khác thường hiệp-lực mà giúp. Bấy giờ nhờ có Chính-phủ can-thiệp, nhà « Ba-lê Hòa-lan Ngân-hàng » (*Banque de Paris et des Pays Bas*) đứng lên giúp nhà Thực-nghiệp; nhiều công-ti nữa cũng giúp thêm. Lại chính-phủ Tàu chịu để lại cho nhà băng 125 triệu trái-phiếu của công-kho Tàu. Nhưng mà những trái-phiếu ấy muốn đem ra giao-dịch, phải cần đến nhà « Đại-Pháp Ngân-hàng » (*Banque de France*) giúp mới được, mà nhà Đại-Pháp-ngân-hàng thời vì lẽ riêng không thể giúp được ngay. Tình-bình như thế, nghi-hồ phải đến khuyh-đảo, không còn ngóc nữa.

Vì các lẽ lược kể trên đó, mà nhà bả g Thực-nghiệp phải đóng cửa. Nhà băng phải đóng cửa, thiệt hại thật là nhiều. Thứ nhất là thiệt cho những người có tiền gửi đấy. Người ta ước chừng tổng-số những tiền gửi ở nhà băng Thực-nghiệp là 400 triệu của người Tàu và 65 triệu của người Pháp. Lại nhiều những nhà buôn nhập cảng ở Paris, Lyon, Le Havre, cũng thiệt vào đấy to lắm. Thứ nhì là thiệt cho cái thế-ực kinh-te của người Pháp ở Á-đông. Người Pháp nhờ việc chiến-tranh, lại nhân nhà « A-te-a ngân-hàng » của Đức bị đóng cửa, đã chiếm được cái thế-ực to trong thương-tương Đông-Á. Bấy giờ nhà bả g Thực-nghiệp đổ thời cái thế-ực ấy tất suy mất. Gia-chi-ai, giữa lúc nhà băng Thực-nghiệp đổ thời nhà băng A-te-a của người Đức kia hiện đương khuyh-phục. Các lẽ do, các chính-phủ Đại-Pháp cũng đã hieu rồi và sẽ hết sức cứu cho nhà Thực-nghiệp khỏi đổ hâu vậy.

Việc cải-lương hương-chính ở Bắc-kỳ. — Kỳ nay ban-chi in cai ann các quan hội-đồng về việc cải-lương hương-chính ở Bắc-kỳ. Thế là vấn-đề cải-lương trong mấy năm nay bàn-bạc đã nhiều lắm, bây giờ đã đến ngày giải-quyết rồi, và chính Chánh-phủ Bảo-hộ đứng chủ-trương việc ấy. Hội-đồng quyết-ngiã về hai việc: một là đặt hội tộc-biêu, hai là đặt sổ chi-thu c

đại-khai cũng chăm-chước theo như những khoán-ước các làng đã cải-lương ở tỉnh Hà-đông.

Cứ xét như dự-luận mấy năm nay thời nghe chừng dân mong-mỏi việc cải-lương lắm. Nếu quả có lòng nhiệt-thà h như thế thời nay đã qua thời-kỳ ói xuống, để thời-kỳ thực-hành rồi đấy. Quan thống-sứ Bắc-kỳ đã có tờ chu-tri, cho các quan Công-sứ đầu tỉnh, truyền trong mỗi tỉnh phải chọn lấy ít nhiều các làng to cho bắt đầu thi-hành lệ mới từ đầu năm tây sau này. Vậy các nhà nhiệt-thành về việc cải-lương cũng những bậc đàn-anh trong các làng phải nên ra công hết sức thế nào cho việc thi-nghiệm này thành-công thời sự cả-lương mới thật có kết-quả. Nếu hội tộc-biêu hâu ra không khỏi những-nhiều trong chính-sự làng như bản kỳ-mục cũ, nếu sổ chi-thu đặt ra không khỏi hõu-dộn tro g tai-chính làng như cách chi-tiêu cũ, thời nại chờ « cải-lương » chẳng qua là một câu đầu miệng, mà chưa biết bao giờ thành sự-thực vậy. Hồ-nao cải-lương mãi, nay cải-lương rồi đấy, phải ra tay thực-hành đi!

Ý-KIỆN CỦA CÁC BẠN ĐỌC BÁO

I

Đóng dấu cải lương. — Mới rồi, tôi có tiếp chuyện một người bạn, anh em đương nói đến cái vấn-đề « cải-lương hương-tục » thời người bạn tôi có nói một chuyện buồn cười, xin thuật lại cho độc-giã chớ-quan nhân-lắm.

Làng Mỗ khai trường thu thuế, nên kể qua người nà rợ-ríp đêm ngày, nào anh giáp vác gong, nào anh trùm xách mõ, tiếng nười với tiếng mõ, nòa lẫn nhau liên-tiếp cả ngày.

Trong trường thuế, kia đôi ba cặp vịt nhốt trong đó; nọ năm mươi chai rượu dề trên bàn; còn mấy cạu nao-ly, bạc thoi mặt đỏ loam, chú thoi da tái ngắt, chẳng rõ giặt ai mà đỏ, sợ ai mà tái, hay là vì cái lòng nhiệt-thành « cải-lương hương-tục », nó làm cho đôi dạng thế c chẳng?

Một người đàn bà, góa chồng, tay xách nón, áo vắt vai, vừa đi vừa chạy, len-xen đến trường thuế. Đến cửa, đứng lại mặc áo, lấy bạc cầm tay, lật-đặt bước vào, để nấp thuế đi lên, rồi về sớm kéo nhà xa

Hay đâu, lại gặp ông xã lời-thời, thấy chị góa chồng mà còn trẻ, đem lòng mừng, rồi nhân đó mà thả giọng đa-tình, nào trừng, nào giếc, nào nháy, nào nần, làm một trò cười đáng ghét, đáng bỉ !

Bạc nhận xong, biên-lai không phát. Kêu-ca mãi mới phát biên-lai, mà lại không chịu đóng triệu vào, thành ra người đàn-bà phải đợi suốt ngày.

Chưa đã mỗi, bụng lại đói, trời gần tối, nhà lại xa, nên chị ta quyết tình thôi-thức xin đóng triệu cho mà về.

Ông Lý tỏ ý bất-bình, mặt tái ngắt, tai đỏ loam, liền lấy đầu đóng ngay. Nói thế chắc ai cũng tưởng đóng vào biên-lai chăng ? Thưa không, đóng đó là đóng trên cái ngực chị đàn bà vậy ! Chị đàn bà mặc áo nâu, nên đầu thấy rõ-ràng, thẹn đỏ mặt mà la to rằng : « Ông xã làm gì thế ? Ông làm Lý-trưởng tức cha mẹ dân ; tôi là đàn bà vốn con cái làng, sao trước mắt thiên-hạ, ông làm một cách dè-tiền vậy ? »

Ông xã kỳ-khôi khăng-khái mà trả lời : « Đời này giờ là cái thời - đại mới, nên đầu đầu cũng chú-tâm về việc « Cải-lương-hương-tục » cả, mà đóng dấu trên ngực như thế cũng là một cách đóng dấu cải-lương đó thôi ! »

Chị đàn bà, nổi giận mà đáp rằng : « Ôi ! Ông chó nói bậy ! Cải-lương gì mà dám gọi cải-lương. Tôi tưởng ông chỉ nói vậy, chó vì tất ông đã hiểu nghĩa hai chữ qui-hóa này ! Hương-lệ không chấn-đốn tử-ế, công-diền không chia-trích phân-minh ; cổng làng không xây, đường làng không đắp ; đình không tu-bổ, chùa chẳng sửa-sang ; Hương-trưởng không mở, dân-tử không khai. Còn việc ở làng, thời chỉ chăm chén rượu chén chè, cai ngôi cai thứ ; dân có sự, thời chỉ bắt tiền lễ tiền mễ, đóng gong, đóng cùm ; còn xuân-kỳ thu-tế thời chỉ lo tranh nong thịt dậu heo, cỗ xôi quả bánh. Đến vụ thuế thời tuy lệnh quan nghiêm cấm, chó cũng tìm đủ cách mà phủ-thầu lạm-liền, tại còn nhân đó mà áp-chế kẻ cung - đình hạ - hộ, hà-hiếp người mẹ góa con côi ! Thế ông gọi là cải-lương chăng ? Ông đã biết gọi đến hai chữ « cải-lương », sao ông không bết lỏng tai mà nghe chuông tân-báo, người ng mặt mà hóng mát gió Nam-phong, biết bao nhiêu nhà có học-thức, có tài-năng, núp dưới bóng cờ ba-sắc, mà mở mang dân-trí, gây dựng quốc-

văn, cải-lương phong-tục, chỉnh-đốn hương-thôn, cái lòng nhiệt-thành đối với Tổ-quốc, đối với Đồng-bào, đã làm cho nhiều ông ăn không ngon, nằm không ngủ, trẻ hóa già, già muốn trẻ, dề làm cho trọn vẹn cái bổn-phận người ! Thương lắm thay ! mà kính phục thay ! Còn các ông tuy biết rằng tài mọn, trí sơ, ít nghe, hẹp thấy, chó cũng là những người cảm quyền một làng, thời phải làm sao trọn cái nghĩa-vụ mới phải, chó chỉ lo áp-chế dân-tinh, như vậy chẳng dè-tiền lắm ru ? Thế mà : cũng tai cũng mắt, cũng người ta !! »

« Nói xong, chị ta xách nón chạy đi trình quan về sự đóng dấu trên ngực. Các cậu hào-lý, ngẫu-nhiên mà nghe những lời diễn-thuyết của chị, như ngơ, như điếc, như dại, như mê, không cậu nào dám phản-đối gì cả. May đâu, nhờ có mấy ba lão cũng đến nạp thuế, thấy vậy mới nói phải trái một hồi lâu, mà xin lỗi dùm cho mấy cậu hào-lý, nên chị ta mới nhận lời mà không đi kiện.

May thay mà hổ thẹn thay ! Thế cũng gọi tu-mi-nam-tử mà lại thua cân-quắc phụ-nhân, lần này mới chịu bỏ mấy chữ « phụ-nhân nan-hóa » và các câu thường đề bên miệng vậy.

Khen thay cho chị đàn bà, đàn bà thế ấy, cũng là ít ai ! Tự sớm đến chiều chị vẫn thật-thà mà vì mấy cậu hào-lý muốn được tự-do, chó không biết trong cái tự-do của người mà như là đối với bọn nữ-lưu, nên thành phải làm nhục cho bọn đó cũng không quá đáng. Mong rằng nhờ những lời diễn-thuyết tình cờ của người đàn-bà mà làm cho những bọn hào-lý lời-thời có lẽ éam hóa được chăng ?

Ai ôi ! Xin bỏ thói hư !

LÊ-TƯỜNG (Tam-quan Bình-định)
lai-cảo

II

Trả lời bài « Cầm học tầm-nguyên »

. — Bĩ-nhân đọc bài « Cầm-học-tầm-nguyên » ở số báo 47 của quan huyện Bình-khue, bĩ-nhân rất lấy làm tâm-phục cái tài trác-thức, cái công nghiên-cứu của ngài về việc âm-nhạc.

Ngài đã dẫn những điển-tích cổ-nhân chơi đàn, ngài lại giảng những công-hiệu đàn quan-hệ vào phong-hóa và chính-trị. Mà đời nay ít kẻ tri-âm, cho nên ngài

phải làm ra bộ « Cầm-học-tần-nguyên » này. Qui - hóa thay, cái lòng tốt của ngài đã chẳng quản phí những thời-giờ báu-ngọc vậy.

Song bí-nhân chỉ phàn-nàn rằng : những cây đàn ngài đã vẽ trên báo-chương, như là : Đờn Cầm, Đờn Sắt, Đờn Tranh, Đờn Ty, Đờn Nhật, Đờn Nguyệt, Đờn Bầu, Đờn Đả, v. v, bấy nhiêu thứ phần nhiều là đờn Tàu, chỉ có một vài thứ đờn ta thôi. Mà những cây đàn ngài đã mạnh-danh thì có vài thứ sai-lầm. Như là Đờn Nhật thì chính là Nguyệt-tàu, người Tàu gọi là : « *Dật-Khâm* 月琴 », ta nhân đó mà chế cái giọc đờn dài ra cho hợp vào điệu ta thì ai cũng gọi là đờn Nguyệt, hai thứ tuy hơi khác nhau những hình-mặt nguyệt và cái cung-bạc vẫn chung một loài, cho nên tên đờn chỉ khác nhau một chữ tá với tàu, chứ ta với tàu không có đờn Nhật-cầm bao giờ. Nay có thứ đờn Nhật-bản, thì ta không biết tên mới gọi là đờn Nhật. Còn đờn Đả-cầm thì chính là « *Dương-cầm* », người Tàu gọi là : « *Dương-khâm* 洋琴 ». Đánh đờn Dương-cầm gọi là : « *Tả Dương-khâm* 打洋琴 », chứ không phải là đờn « *Đả-cầm* ».

Nói tóm lại thì bấy nhiêu thứ âm-nhạc ta dùng xưa nay, so với âm-nhạc các nước thì đờn ta tiếng đã bé nhỏ, lại những nổi dứt giây, đồ ngựa, long phiếm, sai cung, nó làm

cho người nghe đờn phải ngo-ngần mà kém vui. Cũng mấy cái đờn ấy mà người Tàu dùng thì không thể, là bởi không phải của ta ta dùng ép mà nên thế vậy.

Xem thế thì bộ « Cầm-học » của ngài ra đời, điều đờn dẫu thanh, giọng đờn dẫu lịch, cũng không thể tránh được cái tệ ấy.

Chúng tôi xa-xôi không được nghe tiếng đờn của ngài. Nhưng được xem ngài nói chuyện đờn, cũng đủ hiểu rằng ngài hay đờn.

Nước ta ngày nay đương cái thời tiến-bộ, mà việc âm-nhạc còn thiếu-thốn chưa có ai chỉnh-dốn lại. Nay được ngài là bậc thâm âm, vậy tôi xin thay mặt làng chơi mà ao-ước rằng : Ngài nên gia-công nghiên-cứu để cải-lương hoặc chế-tạo ra thứ âm-nhạc khác cho được khỏi những cái tệ trên kia mà dùng, thế thời bộ « Cầm-học » của ngài về sau sẽ có cái vẻ-vang rực-rỡ. Còn như những điển-tích và công-hiệu đờn ngài đã dẫn ra là những điển-tích và công-hiệu của Tàu, đối với những thứ đờn ngài đã vẽ ra thì lại toàn là đờn tàu. Chỉ sợ sau này sai-lầm mà đi học đờn người Tàu, thì bộ « Cầm-học » của ngài vì hai chữ tâm-nguyên mà không hiệu.

Cần-phục

NGUYỄN HỮU-QUÁT tức THẬN-ĐỨC
lai-cảo

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

1. — *Guong Thễ-sự của ông Nam-hương Bùi Huy - Cường, in tại nhà Đông-kinh ấn-quán, giá 0 p. 20.*

Ông Nam - hương Bùi Huy - Cường mới xuất-bản quyển « *Guong Thễ-sự* », cả thấy có 53 bài, chia làm hai phần : phần trên là dịch-thuật truyện cổ-tích, phần dưới là tự ý nghĩ-soạn ra, hoặc theo lối ca lục bát, hoặc làm theo lối thơ ngũ thất ngôn.

Quyển sách vẫn vẫn thuận miệng nầy mà xuất-bản đương lúc quốc-vấn

còn ấu-trĩ, thì cũng là một quyển sách có giá-trị. Khen thay tác-giả dụng-công khéo mượn vật-lý mà tả theo lối văn ngụ-ngôn, ắt là được nhiều người xem cũng lấy làm vui, tưởng về đường khuyên-răn thế-sự, không phải là vô-ích.

Vậy bản-chí vui lòng mà giới-thiệu quyển sách này, cùng các đọc-giã.

2. — *Sách quốc-ngữ viết tắt, của ông Vũ Trấn, in tại nhà in Ngô Tử-Hạ Hanoi, giá 0 p. 35. — Ông Vũ Trấn mới xuất-bản quyển Quốc ngữ viết tắt*

83 trang, đủ chữ, đủ vần, đủ dấu, cũng dùng như chữ quốc-ngữ thường mà viết tắt lại nhanh kịp bằng lời người ta nói.

Nguyên ông có học qua lối tốc-ký-học (*sténographie*) mà nghiên-cứu làm ra quyển này, nào cách giảm bớt chữ đi để viết cho nhanh, nào cách dạy viết chữ cho khỏi sai khỏi lẫn, chỗ nào cũng có lời dặn, lời thí-dụ, dưới lại

có dịch viết thử ra mấy bài để xem cho dễ hiểu. Đương buổi chữ quốc-ngữ phổ-thông này, cách viết chữ cũng cần phải cho tiếp-tức, như những khi nghe diễn-thuyết, hội-đồng biên-bản, v. v. cần phải biên chép để ghi nhớ cho nhanh; nay mới có quyển này tưởng cũng giúp về sự viết chữ quốc-văn cho được tiện-liệp vậy.

TẬP KỸ-YẾU CỦA HỘI KHAI TRÍ TIẾN-ĐỨC

Nhà hội quán. — Nhà hội-quán hiện đã làm xong, chỉ còn sơn cửa quét vôi nữa mà thôi. Bây giờ đương đặt đèn điện và quạt máy chỉ nội trong một tháng nữa là công hoàn thành. Hội định khánh-thành nhà hội-quán một cách rất xứng-đàng, mời cả các hội-viên các tỉnh về, song chưa biết định kỳ vào bao giờ cho tiện. Có tin rằng đến cuối năm tây này quan Thống-tướng JOFFRE là một vị đại-trưởng có công to trong hồi chiến-tranh vừa rồi, quốc-dân ta chắc ai cũng có biết tiếng, sẽ sang du-lịch Á-đông và có qua chơi Đông-Pháp ta. Vậy nếu nhà hội-quán ta đến bấy giờ sẽ khánh-thành, mời được Thống-tướng chủ-tọa, thời vẻ-vang và trọng-thể biết bao nhiêu! Tòa trị-sự đương sửa soạn định diễn một bài kịch tây về dịp đó, như năm ngoái, để cho thêm vui-vẻ.

Ấy thế là công việc đã gần xong cả, mà cần nhất bây giờ duy có khoản tiền. Như trong tập Kỹ-yếu kỹ trước đã nói, Hội hiện còn đề ở nhà bằng Thực-nghiệp ngót 9 ngàn đồng, tiền ấy tuy sớm trưa rồi cũng có thể lấy ra được, nhưng hiện nay, giữa lúc cần đến tiền để trả người thầu khoán làm nhà, trả số điện-khi đặt đèn, thời khuyết hẳn một món đó, chưa thể trang-trải được các khoản cho thanh-thỏa. *Vậy Hội xin khẩn nhắc các ngài hội-viên ngài nào chưa đóng tiền thời đóng cho, ngài nào đã ký quyền thời gửi tiền quyền về cho, và xin hết cả các ngài gia-tâm cõ-dộng cho được thêm hội-viên, thêm người quyền mời nữa.* Công-cuộc đã đến ngày hoàn thành, các ngài nên cố gắng cho một chút.

Hội viên mới. — Các ông ký tên sau đây có giấy xin vào hội đã đăng lên báo từ số 48, đến nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị, được nhận vào Hội kể từ ngày 1er Septembre 1921:

Vào chân chủ-trì

Sư ông Từ-Vân Đặng Tâm-nghĩa. — Ông Hoàng Mạnh-Điêm. — Nguyễn Việt-An. — Ngô Thế-Loan. — Nguyễn Ngọc-Mỹ. — Nguyễn Văn-Thi.

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng Aout có những ông sau này gửi giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng có ai dị-nghị, xin viết thư về cho Hội biết.

A. — Xin vào chân chủ-trì

1. Ông Đào Đình-Thụ, cựu chánh-tổng nguyên Bắc-kỳ-tư-vấn-nghị-viên, ở xã Ngô-khê, huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nam.

2. — Nguyễn Văn Mẫn, hiện sung Bắc-kỳ-tư-vấn-nghị-viên, ở xã Đôn-thư, huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nam.

3. Nguyễn Hữu-Tùng, đương-thứ chánh-tổng, ở xã Mỹ-thọ, huyện Bình-lục tỉnh Hà-nam

4. — Bằng Nguyễn-Phung, đương-thứ chánh-tổng, ở xã Đôn-thư huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nam.

Bốn ông trên là do quan huyện Bình-lục Nguyễn-Hợp-Phác giới-thiệu

5. — Lê Văn-Bình, án-sát tỉnh Hà-đông.

6. — Nguyễn Kỳ, tri-huyện Thanh-trì Hà-đông

7. Ông Nguyễn Đình-Năng, điền-hộ làng Cầu-đor Hà đông.
8. — Nguyễn Văn-Chiến, chánh-tổng Thủy-cam Hà đông.
9. — Lê Văn-Huân, chánh-tổng Phương-trung, Hà đông.
10. — Tạ Đình-Linh, phó-tổng Cao-dộ Hà đông.
11. — Nguyễn Công-Chuyên, lý-trưởng Hữu-từ, Hà đông.
12. — Nguyễn Hữu Hàm, thư-ký làng Huyền-kỳ, Hà đông.
13. — Trần Văn Di, lý-trưởng làng Xuyên-dương Hà đông.
14. — Vũ Huy Trục, trí-phủ Hoài-đức (Quan phủ Vũ, ngoài tiền nhập hội 20 \$ lại xin quyên vào rồi 30 \$ nữa, là 50 \$.)
15. — Nguyễn Tạo-Vi, chánh-tổng Xuân-tảo, Hà đông.
16. — Vũ Văn-Trí, bá-hộ, làng Cụ-dà Hà đông.
17. — Nguyễn Ngọc-Giác, bá-hộ làng Thượng-trì Hà đông.
18. — Nguyễn Ngọc - Quỳnh, điền-hộ làng Thượng-trì, Hà đông.
19. — Đặng Đình-Huy, phó-tổng Đông-ngạc Hà đông.
20. — Nguyễn Kim-Lâm, cựu chánh-tổng làng Đông-ngạc, Hà đông.
21. — Nguyễn Văn-Tại, bá-hộ làng La dương Hà đông.
22. — Nguyễn Khắc-Cần, điền-hộ làng Tây-tự Hà đông.
23. — Chu Trí-Chấn, phó-tổng làng Ngải-cầu Hà đông.
24. — Sư cụ Ngô Tâm Bình, ở chùa Kim-trai xã Gia hòa, tổng Thị-liệu, huyện Nam-trực, Nam định (Do ông Lê Văn-thiếp tiên-chỉ làng Bô-la, Thái-bình giới-thiệu).

B. Xin vào thường-hội-viên.

Ông Ngô Đình-Thái secrétaire interprète à la Résidence de Thakhek, Laos.

Đông-lân tây-trảo

1. — Ở đời chỉ một chữ *cần*; có phải chỉ chú nông-phu là nên cần đâu, dẫu kẻ học-trò, người buôn-bán đều phải nên hết cái nghĩa-vụ chữ *cần*. (Minh Vĩnh-lạc thực-lục)

2. — Con trai ăn-mặc phải nên kiệm-ước đã đành, con gái lại càng phải nên răn sự xa-hoa. Đàn-bà con gái phải nên chăm việc tắm-tơ thêu-dệt, và việc nấu-nướng trong nhà; còn như hoa-hộet áo-xiêm chỉ nên giản-chất thể nào xong thôi. Nếu ăn mặc gấm-vóc là-lượt quá thì chỉ làm đồ bóng-dáng để xui-giục lòng dâm. (TRƯƠNG ANH-THÔNG, Huấn-trai-ngữ)

3. — Người học-trò phải có cái chí hoẵng-ngệ, vì làm học-trò phải gánh cái trách-nhiệm nặng-nề mà đi đường xa, gánh nặng thì phải người vai cứng mới gánh vác nổi được. (TRÌNH-HIỆU)

4. — Đọc sách phải nên hiểu rõ văn-nghĩa, nếu chỉ hiểu văn-nghĩa mà thôi, thì là học trẻ con, phải nên xét biết cái ý-chỉ nó ở đâu mới được. (LỤC CỬU-UYÊN)

5. — Người có học-vấn vì như núi có chứa ngọc, vực có tàng châu, dẫu chứa xuất-hiện mà tinh-thái nó vẫn tự-nhiên quang-nhuận. Xưa nay những người làm thành-tựu sự-nghiệp lớn-lao, đều là bởi có học-vấn mới làm nên được. (BẠCH-VÂN GIA-HUẤN)

6. — Người có học mới hay biết lỗi mình, dốt lòng học rồi mới hay biết lỗi mình. (PHAN NAM-SƠN)

7. — Người nào định-tâm thời lời nói thận-trọng mà khoan-thư; người nào tâm không định thời lời nói khinh-khiêu mà lấp-bấp. (TRÌNH ĐI)